

I THÁNG 12 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

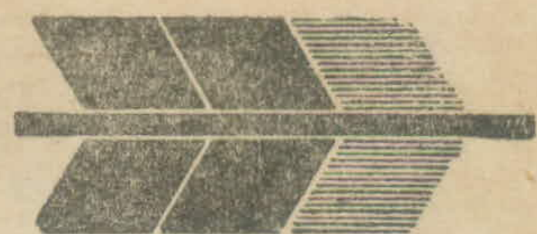
NGUYỄN HIẾN LÊ *bạn cầm bút chúng ta làm được
những gì lúc này?* * VIỆT PHƯƠNG *sự bắt lực của
Liên-hiệp-quốc trước những vấn đề trọng đại trên thế
giới ngày nay* * ĐÔNG HỒ *nghĩ về tên một quyền
tự điển Tiếng Việt* * VÕ QUANG YẾN *Nobel khoa
học 1967* * ĐOÀN THÊM *những ngày chưa quên : cái
bàn và cây viết* * TRẦN VĂN KHÊ *lá thư Ba-tur* * TỪ
TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * NGUYỄN
HIẾN LÊ *thư ngỏ gửi một thanh niên : luyện tập
(dịch ANDRÉ MAUROIS)* * PHẠM TRỌNG NHÂN *lá
thư Cambridge* * CUNG TÍCH BIỂN *cõi ngoài* *
VÕ HỒNG *gió cuốn* * ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* *
SINH HOẠT *thời sự văn nghệ* * *thành công
của hỏa tiễn Saturne 5*
* *khủng hoảng tiền tệ:*
đồng Anh kim sục giá.

262





3 vitamines neurotropes



tridocélan

algies

asthénie

alcoolisme

présentation

tridocélan

comprimés

Flacon de 20 comprimés

dosés à :	Thiamine	100 mg
	Pyridoxine	250 mg
	Hydroxocobalamine	250 µg

traitement d'entretien et formes d'intensité moyenne : 2 à 6 comprimés par jour ou plus



LES LABORATOIRES ROUSSEL

35 BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 17^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, BOULEVARD MOUYEN-NUE - SAIGON

B Á C H

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 262 ngày 1-12-1967

NGUYỄN HIỂN LÊ <i>bọn cầm bút chúng ta làm được những gì lúc này ?</i>	3
VIỆT PHƯƠNG <i>sự bất lực của Liên-Hiệp-Quốc trước những vấn-đề trọng-đại trên thế-giới ngày nay</i>	13
ĐÔNG HỒ <i>nghĩ về tên một quvern tự điển Tiếng việt (góp ý kiến với Ủy-ban^đ điển-chế văn tự)</i>	18
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : cái bàn và cây viết</i>	23
TRẦN VĂN KHÊ <i>lá thư Ba-tư</i>	34
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel khoa học 1967</i>	38
CUNG TÍCH BIÊN <i>cõi ngoài (truyện ngắn)</i>	44
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	55
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống : Luyện tập (dịch ANDRÉ MAUROIS)</i>	61
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>lá thư Cambridge</i>	64
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	70
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	73
SINH HOẠT :	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	78
NGỌC VÂN <i>thời sự khoa học : thành công của hỏa tiễn Saturne 5</i>	79
NGỌC VÂN <i>thời sự kinh tế : khủng hoảng tiền tệ : đồng Anh kim sục giá</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ 25\$ Công sở : Giá gấp đôi

Sách báo mới

Tạp chí Bách khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, tòa soạn và nhà xuất bản đã gửi tặng các sách báo sau đây :

— **Bức thành biên giới** truyện dài của Minh Đức Hoài-Trinh, nhà xuất bản "những tác phẩm hay" ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 266 trang. Giá 100 đ.

— **Những cái chết vô danh** tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn-Vũ do Chọn Lọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 152 trang, giá 50 đ.

— **Mây trên đỉnh núi**, truyện dài của Nguyễn-Vũ do Lê Lợi xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 280 trang, giá 120 đ.

— **Nhạc lòng**, tập thơ của Hoàng-Oanh, Yiễm-Yiễm Thư Trang phát hành và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang, gồm 5 chương và ngót 80 bài thơ.

— **Người lính đa tình** tiểu thuyết của Vũ-Duy, do Tri Âm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang. Bản đặc biệt.

— **Nhân chứng**, tuyển tập giới thiệu chân dung sáng tác thơ văn của 50 tác giả hiện đại, do nhà thơ Phổ Đức làm chủ biên, cơ sở xuất bản Nhân Chứng ấn hành và gửi tặng. Sách dày 160 trang mỗi bài đều có chân dung tác giả. Giá 100 đ.

— **Sử Địa** số 7 - 8, tập san sưu tầm, khảo cứu, giáo khoa, do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại-học Sư-phạm Saigon chủ trương, Ô. Nguyễn Nhã chủ nhiệm và ông Chủ nhiệm gửi tặng. Số báo trên đây là số đặc-khảo về Phan-Thanh-Giản gồm những bài biên khảo giá trị của các cây bút đã được bạn đọc

Sử Địa tin cậy. Mỗi số trên 260 trang. Giá 80 đ.

— **Nghiên cứu văn học**, số 1 (tháng 11-67) tạp chí nghiên cứu và phê bình văn học do L.M. Thanh-Lãng làm Chủ-nhiệm và Thế-Nguyên Thư-ký tòa soạn. Tòa soạn đặt tại 386/14 Trương Minh Giảng Saigon. Mỗi số dày 148 trang gồm nhiều bài biên khảo về văn học và diềm sách của các cây bút quen thuộc với bạn đọc. Giá 30 đ.

— **Văn** nghiên cứu và phê bình văn học (bộ mới) tập 1, tạp chí xuất bản hàng tháng, với những bài biên khảo và diềm sách của Nguyễn văn Xuân, Tam Ích, Nguyễn xuân Hoàng, Trần thiện Đạo, Armand Lanoux, Lãng Nhân, Châu Hải Kỳ, Viên Linh. Mỗi số giá 30 đ.

— **Vận Động** số 1 tạp chí văn học hiện hữu của những trào lưu tư tưởng, do ông Đặng Tấn Tới, 418 Phan Đình Phùng Saigon chủ trương biên tập. Mỗi số khổ 30 x 44, dày 8 trang. Giá 15 đ.

— **Canh tân trong liên tục lịch sử**, của Bảo-Giang Nguyễn Bảo Trị, do Đoàn-kết Dân-tộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 2 phần: Nhận định và Triển vọng (Triển vọng giải quyết cuộc khủng hoảng các thể chế chánh trị và giải quyết cuộc khủng hoảng tầng lớp lãnh đạo). Giá 100 đ.

— **Nghĩ về cách mạng, chiến tranh và hòa bình**, những bản văn trả lời hai cuộc phỏng vấn trên tập san Thái Độ (do Thế Uyên chủ trương biên tập) của một số nhân vật chính trị và một số tu sĩ Phật-giáo và Công-giáo tên tuổi. Đó là những cuộc phỏng vấn về « Cách mạng xã hội », về « Chiến tranh và hòa bình ». Sách dày 126 trang. Giá 65 đ.

Bọn cầm bút chúng ta làm được những gì lúc này?

Néron tự cho mình là một nghệ sĩ. Khi đã mất ngôi, biết trốn đâu cũng không thoát, ông ta ra lệnh cho một tên cận vệ giết mình, rồi than thở : « Thế giới sắp mất một nghệ sĩ đại tài ! » Ông ta có là nghệ sĩ thật không mà chẳng lấy lưu lại tác phẩm gì cho hậu thế ? Người ta chỉ còn truyền lại rằng ông ta đã cho đốt thành La-Mã để tìm hứng làm thơ. Theo các sử gia thì lời buộc tội đó không chắc đã đúng, nhưng dù ông không ra lệnh đốt, dù thơ ông có là thượng phẩm đi nữa, thì nội cái thái độ ung dung gieo vần trong khi thành La-Mã ngàn ngạt khói lửa, cũng đủ cho dân chúng oán ghét ông rồi. Lúc đó bất kỳ một người nào sống ở La-Mã — chứ đừng nói là dân La Mã, đừng nói là ông, vị chúa tể La Mã — cũng phải lo dẹp cơn hỏa hoạn đã, rồi có muốn làm thơ thì làm.

Ở Pháp trong thế kỷ trước, ở Trung Hoa và Việt Nam trong khoảng giữa hai thế chiến, đã có những cuộc tranh luận sôi nổi về hai chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh. Hầu hết người ta chỉ đem những triết lý văn nghệ ra mà răn thuyết phục nhau và dĩ nhiên chẳng bên nào thuyết phục được bên nào.

Nếu bỏ lý thuyết trừu tượng đi, mà

— ôn lại những giai đoạn chính trong lịch sử văn học,

— nhận định tình hình hiện tại trong nước cùng nhu cầu chính đáng của quốc dân.

— và tự vấn tâm mình thì vấn đề chắc không làm tốn nhiều giấy mực lắm.

oOo

Ôn lại lịch-sử văn học Trung-Hoa, Pháp, Việt-Nam chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy :

1 — Khi xã hội đương có một biến chuyển lớn thì văn nghệ có khuynh hướng vị nhân sinh và lãnh sứ mạng thúc đẩy sự biến chuyển đó như thời Chiến Quốc, thời Thanh mạt ở Trung Hoa, thế kỷ XVIII ở Pháp, đầu thế kỷ này ở Việt Nam;

2 — Khi quốc gia lâm nguy nhưng tinh thần của dân vẫn còn mạnh thì văn nghệ cũng có tính cách vị nhân sinh, cũng nhằm mục đích cứu vãn tình thế, như thời Kiến-An, Thời Bắc Tống ở Trung Hoa, sau chiến tranh 1870 ở Pháp, đời Trần ở nước ta; nếu tình hình quá suy mà ngay những nhà trí thức (thời xưa là kẻ sĩ) cũng mất tinh thần thì văn nghệ hóa ra sa đọa như thời Lục Triều, thời Ngũ Đại, thời Nam Tống ở Trung Hoa, thời giữa hai thế chiến ở Pháp (1) và mấy chục năm cuối thế kỷ XIX ở nước ta ;

(1) Pháp tuy thắng trận 1914-18 nhưng suy nhược luôn từ đó cho tới ngày nay.

3 — Nhà văn nào cương cường thì dù sống trong một thời cực suy cũng mong cứu vãn thời thế mà phụng sự nhân sinh như Lục Du, Tân Khí Tật ở Trung Hoa (thời Nam Tống), Barrès, Romain Rolland ở Pháp, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ở nước ta ; còn nhà văn nào có tinh thần nhu nhược, thiếu ý chí chiến đấu thì sống trong một thời thịnh đã chẳng bận tâm tới xã hội mà sống trong một thời suy lại càng dễ bỏ cuộc nữa, chỉ tìm cách hưởng thụ được ngày nào hay ngày đó ; thí dụ trong văn học sử nhiều quá, tôi không cần phải dẫn.

4. — Cả hai hạng người trên — cương cường và nhu nhược — đều có thể được lưu danh nếu tác phẩm của họ có chân giá trị, cống hiến được cái gì mới, đẹp cho dân tộc. Đẹp có nghĩa là thành thực — không phải thứ tuyên truyền ngoài miệng mà gọi được là đẹp, mặc dầu tuyên truyền cũng có cái công dụng nhất thời của nó — đẹp lại có nghĩa là nâng cao tâm hồn ta lên, chứ không khi nào ti tiện, phản dân tộc. Dân tộc có thể tha thứ được những người vì lầm lẫn mà vô tình làm hại quốc gia, chứ không khi nào tha thứ những kẻ bán nước. Hạng này dù có nghệ thuật cao tới mấy cũng không ai nhắc nhở tới ; mà nghệ thuật có thể thực cao được không khi tâm hồn ti tiện ? Tôi tin rằng tâm hồn ra sao thì nghệ thuật như vậy.

Đó là điểm thứ nhất : ôn cố.

oOo

Điểm thứ nhì là nhận định tình hình trong nước và nhu cầu của quốc dân.

Về tình hình nước ta hiện nay, nhiều người trong mọi giới (ngay cả người ngoại quốc nữa) đã xét rồi. Hết thấy đều nhận rằng chưa bao giờ dân tộc mình đau khổ như ngày nay, khắp thế

giới không có dân tộc nào điêu đứng như chúng ta ngày nay. La Mã chỉ cháy trong có một vài đêm, Việt Nam đã chịu cảnh bom đạn trên một phần tư thế kỷ, non hai thế hệ rồi, chỉ trừ vài châu thành còn thì bị cày nát lên cả rồi.

Mà về nhu cầu của quốc dân, thì ai cũng nhận rằng mọi người mong ngóng từng ngày được thấy :

- 1 — Hòa bình.
- 2 — Chủ quyền.
- 3 — Tự do, dân chủ thực sự.
- 4 — Mức sống tối thiểu của con người.
- 5 — Kiến thức tối thiểu của một công dân.

Tôi không muốn xét tới những điều kiện của hòa bình trong bài này vì tôi nghĩ rằng toàn dân đã chịu cái nạn chiến tranh trong một phần tư thế kỷ này, thì toàn dân — chứ không phải một nhóm nào — mới đáng có tiếng nói, mới được quyết định trong vấn đề hòa bình.

Mới rồi, trong cuộc hội thảo về "Mục tiêu Quốc gia" ở Đà Lạt, ông Tôn Thất Thiện đã can đảm nói thẳng ra rằng mục tiêu của nhà cầm quyền miền Bắc là Cộng-sản triệt để, của nhà cầm quyền miền Nam là chống Cộng triệt để, còn mục tiêu thực sự của người dân cả hai miền thì khác hẳn, nó chối bỏ cả mục tiêu của Nga và Mỹ (Chính Luận ngày 27-7-67).

Phải có hòa bình rồi mới nói tới chuyện chủ quyền được vì còn chiến tranh thì còn bị lệ thuộc người về mọi mặt, mọi thứ, từ viên đạn, giọt dầu đến thước vải, đầu đinh, cả hột gạo nữa, như vậy làm sao có chủ quyền được ?

Có chủ quyền rồi mới có tự do và dân chủ thực sự được. Một thế kỷ kinh nghiệm chua xót đã cho chúng ta thấy chính sách thực dân chỉ đời bình thức thôi chứ chưa cáo chung. Không dùng vũ khí làm áp lực

nữa thì người ta dùng đồng tiền. Người ta viện trợ cho mình, đem bơ sữa, lê táo, pho mát, đồ hộp cho mình để chi phối mình về chính trị, bắt mình đứng vào phe người ta, và một khi mình đã lỡ đứng vào một phe nào rồi thì dễ gì rút ra được nữa. Viện trợ nhất đán mà bị « cúp » thì sẽ loạn. Giáo hội La Mã, trong *Progressio Populorum* đã nhận xét rất đúng rằng trên thế giới hiện nay « không có một chương trình viện trợ nào hoàn toàn bất vụ lợi, đáp ứng đúng nhu cầu của các xứ kém mở mang » (Nguyễn Như Cương — Sống Đạo số 18-6-1967).

Muốn cho dân chúng có tinh thần tự do và dân chủ, biết chiến đấu và bảo vệ được tự do và dân chủ thì họ phải có một mức sống tối thiểu của con người đã. Khi không có đủ cơm ăn, không có áo mặc, đau ốm không có thuốc uống thì đừng nói đến nhân phẩm, ngay đến thể xác cũng phải bán đi để cứu lấy cái mạng, còn nghĩ gì đến tự do và dân chủ.

Muốn có một ý niệm đúng đắn về tự do và dân chủ, muốn cho sự sản xuất tăng lên để có một mức sống khả quan thì cần có một kiến thức tối thiểu. Tôi đã nhiều lần nhấn mạnh rằng trong một nước chậm tiến như nước ta, sự giáo dục phải nhắm mục đích sản xuất, sự đầu tư vào giáo dục kết quả tuy chậm nhưng chắc chắn nhất. Dù ta có những học giả uyên thâm, những kỹ sư tài giỏi mà đại chúng không hiểu được sự quan trọng của kinh tế, của kỹ nghệ, không có ý niệm về sự tấn bộ, không bện với những phương pháp khoa học, biết suy nghĩ, tìm cách cải thiện công việc rồi thí nghiệm, sửa chữa, thực hành thì năng xuất của quốc gia cũng không thể nào cao được, nền kinh tế không thể nào tiến mau được.

Tóm lại, theo thiên kiến, việc gấp nhất là lập lại được hòa bình, rồi toàn dân tận lực phát triển kinh tế để có thể tự túc và học hỏi để nâng cao kiến thức của mình lên.

Hiểu nhu cầu của thời đại rồi tự vấn tâm ta, ta sẽ thấy nhiệm vụ của bọn cầm bút chúng ta trong giai đoạn này ra sao.

oOo

Mới đây, học - giả Hồ-Hữu-Tường trong một cuộc phỏng vấn tuyên bố rằng ông chán ngán không trông mong gì ở các nhà trí thức cả.

Tôi cho đó là một lời tự thú can đảm. Người cầm bút nào lúc này mà chẳng đã có nhiều lần buồn tủi rằng tất cả những cái mình viết ra đều là bá láp hết, chẳng có một tác động gì hết, rằng mình gần như vô dụng, may mắn là khỏi đánh đi với cây viết ?

Hòa bình rồi đây sẽ tới hay không, cũng không phải là do những bài báo, những chương sách của ta, mặc dầu chúng ta đã « cảnh cáo », rồi hô hào... suông. Nó sẽ từ đâu tới chứ không phải từ nước mình.

Chủ quyền, nhất định là chúng ta không thể bảo vệ được rồi, vì chủ quyền không thể bảo vệ được bằng cây bút. Ngay đến cái hình thức tầm thường nhất của chủ quyền, tức sự dùng Việt ngữ ở Đại học, chúng ta hò hét cả chục năm mà mới chỉ được chấp nhận trên nguyên tắc chứ đã thực hiện được những gì ? Không, không nên tự dối lòng, cứ nhận rằng mình bất lực đi, phải nhận như vậy đi.

Chúng ta cũng đã tranh đấu cho tự do, dân chủ đấy, đôi khi người ta cũng nói tay cho ta đấy, nhưng lúc nào người ta muốn bóp nghẹt trở lại thì chúng ta cũng đành chịu và chua chát nhận ra

rằng người ta nói tay không phải vì lời hô hào của mình mà vì người ta muốn thử mình chơi đấy. Chế độ kiểm duyệt mới được bãi bỏ ; chờ xem có phải chỉ là trên nguyên tắc không... Tôi nghĩ còn chiến tranh thì chúng ta cứ nên chờ trước cái tệ nhất đi, mà đỡ thất vọng.

Trong việc phát triển kinh tế, bọn cầm bút chúng ta dĩ nhiên không dự gì cả. Ngay cả về đường lối phát triển, ý kiến của chúng ta cũng chẳng được đề ý tới. Chiến tranh này không phải chiến tranh riêng của chúng ta. Người ta bảo rằng chúng ta chiến đấu cho thế giới tự do — Vinh dự chưa ? — và khắp thế giới tự do ca tụng tinh thần của chúng ta ; như vậy thì người ta phải mang ơn chúng ta, góp sức ngang với chúng ta chứ ; nhưng người ta lại chỉ giúp chúng ta theo cái kiểu chèo gao, đùm muối cho một gia đình hỏa hoạn, và nhiều kẻ nhờ giúp chúng ta mà đã làm giàu. Nhiều lúc chúng ta uất ức, muốn nhắc thiên hạ rằng không thể đem tiền của dân chúng Việt Nam, nhất là dân nghèo, để chi tiêu vào cái « chiến tranh cho thế giới tự do » này được.

Rốt cuộc, trong năm nhu cầu của quốc dân lúc này, chỉ còn có nhu cầu cuối là bọn cầm bút chúng ta giúp được phần nào thôi. Chúng ta có thể « nhận định » và tỏ « thái độ » để giúp quốc dân nhận định cho đúng và có một thái độ thích đáng. Chúng ta có thể đem những hiểu biết của mình truyền cho những người không được may mắn học hỏi như chúng ta. Chúng ta có thể nâng cao trình độ kiến thức của quốc dân. Chỉ có thế thôi.

oOo

Nhưng trong việc nhận định và tỏ thái độ đó, chúng ta đã gần như bị bó tay,

mà ngay trong cái việc nâng cao trình độ kiến thức của quốc dân, chúng ta cũng chẳng làm được gì nhiều. Vì các bài, các cuốn nghị luận, phê bình, nghiên cứu hay truyền bá kiến thức, chúng ta viết toàn là để cho hạng có học ít nhiều ở thành thị đọc, để cho « các thầy các cô » đọc, như một ông chủ tiệm sách ở Chợ Lớn đã nói với tôi.

Chúng ta chuyên viết cho « các thầy các cô » đọc, không khi nào nghĩ tới việc viết cho đại chúng, tức go olo đồng bào của chúng ta cả. « Không bao giờ chúng ta tìm hiểu cảm xúc, nhu cầu tinh thần của hạng bình dân. Chúng ta cố tình quên họ đi. Họ lặng lẽ cày ruộng cho ta, chèo ghe cho ta, sống ngay bên cạnh ta mà ta với họ có vẻ như sống trong hai thế giới khác nhau. Họ có những mối tình khác xa những mối tình của cô Mai, cô Tuyết trên xa lộ, có những câu hò điệu hát khác xa những điệu cha-cha-cha và bi-bốp trong các quán trà (...) Chúng ta chỉ lo tiếp thu học tuyết của Camus Sartre, kỹ thuật của Kafka, Joyce trong khi họ chỉ ưa luân lý trong Lục Vân Tiên, kỹ thuật trong Bạch Viên Tôn Các ».

Thực lạ lùng ! Chúng ta càng « văn minh » thì cái hố cách biệt chúng ta với đại chúng càng rộng ra, sâu thêm. Từ khi chịu ảnh hưởng của phương Tây, chúng ta bắt hẳn quần chúng ra mà « tiến ».

Hồi xưa giữa các nhà Nho và nông dân, tình rất thấm thiết. Họ sống sát vờn nhau, ăn mặc như nhau, yêu ghét như nhau, có những nhu cầu, nguyện vọng như nhau, theo những phong tục lễ nghi như nhau, cũng ưa những điệu hò điệu hát, tiếng sáo diều, tiếng chuông chùa như nhau, ngay đến văn thơ

cũng có những giám thức gần giống nhau. Đành rằng một bác nông phu khó hiểu được cái hay trong một bài thơ của Lý Bạch, hoặc trong một bài phú của Âu Dương Tu, nhưng bác cũng thích ngâm Kiều, ngâm Cung Oán, Chinh Phụ hay Lục Vân Tiên như các cụ Tú cụ Cử; và các cụ Tú cụ Cử nghe những câu lý, câu hò mộc mạc của bác nông phu cũng thấy bâng khuâng nhớ nhung, như họ. Không có sự cách biệt; chỉ có trình độ cao thấp thế thôi, mà cao cũng không cao bao nhiêu.

Ngày nay thì khác hẳn. Có sự cách biệt tới ba bốn tầng.

Giữa một ông Tiến sĩ hay Thạc sĩ ở ngoại quốc về với một ông Cử nhân hay Tiến sĩ ở Đại học Saigon hay Huế ra, đã có sự cách biệt. Tôi không nói về bằng cấp, mà về cảm quan, về lối suy tư, nhận định, về nhân sinh quan. Hồi xưa đã chả có lần ông «nghe» Nguyễn Mạnh Tường đã mặt sát các nhà trí thức Việt Nam được đào tạo trong nước là «primaire» hết ráo đấy ư?

Rồi giữa một ông Cử ở Đại học Saigon hay Huế với một cậu Tú ở Cần Thơ hay Bạc Liêu lại có một sự cách biệt nữa — tôi nhắc lại, không phải về phương diện bằng cấp — vì ông Cử đọc được Sartre hoặc Kafka, mặc dầu là có khi chỉ hiểu lơ mờ, chứ cậu Tú chỉ mới thích được Võ Phiến hay Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu.

Xuống một bậc nữa, cậu Tú ở Cần Thơ hay Bạc Liêu cũng cách biệt hẳn với một thanh niên có tiểu-học ở Ô Môn hay Giá Rai, chề thanh niên này chỉ ham đọc Hồ Biểu Chánh hay Bình Nguyên Lộc.

Lại xuống một bậc nữa, thanh niên này lại chề các anh nông phu và các chị chèo ghe là vẫn ngâm thơ Vân Tiên, thơ Bạch

Viên Tồn Các, chỉ biết hò mà không biết ca tân nhạc.

Giai cấp trên cùng — các ông Thạc sĩ, Tiến sĩ ở ngoại quốc về — từ lối sống tới ngôn ngữ, cử chỉ, lối suy tư, lối cảm xúc, theo kịp được hạng trí thức tấn bộ của Âu Mỹ, gần như Âu hóa hoàn toàn rồi; còn giai cấp thấp nhất — các nông dân — vẫn sống theo cái lối của các cụ thời Đồ Chiểu hay Thủ Khoa Huân. Cách nhau cả một thế kỷ.

Đó là một bi kịch của thời đại chúng ta. Chúng tôi không bảo rằng hết thảy chúng ta đã bị bứt gốc; chúng tôi chỉ nhận định rằng cá i hỡ giữa mấy phần trăm quốc dân là chúng ta với chín mươi mấy phần trăm kia đã cách biệt quá lắm. Đại chúng không kính trọng, không tin chúng ta như hồi xưa đã kính trọng và tin các nhà Nho. Họ có thể ngờ chúng ta, và trong thâm tâm, còn khinh chúng ta nữa. Giữa họ và ta, chẳng có gì giống nhau cả, trừ màu da và giọng nói — tôi nhấn mạnh: giọng nói, chứ không phải lời nói vì ngôn ngữ của chúng ta cũng đã khác xa họ. (Cứ đọc những bài phổ thông kiến thức của một số giáo sư Đại học thì thấy: các ông ấy viết cứ như Tây bập bẹ tiếng Việt vậy).

Họ ngạc nhiên không hiểu được tại sao chúng ta lại nhảy tưng tưng lên theo những điệu man rợ rồi lăn đùng trên sàn giầy đánh đập mà rên rĩ trước mặt mọi người. Họ không hiểu được tại sao ta sống sung sướng như vậy, ăn thì có bơ, có sữa, lúc nào buồn miệng lại có cả kẹo cao su để nhóp nhép, ngủ thì có quạt máy, máy điều hòa không khí, ra cửa thì có xe hơi Huê-kỳ... mà vẫn cứ chửi đời là đáng buồn nôn, trong khi họ làm ăn tới tấp mặt mũi, lo chạy bom chạy đạn mà vẫn

vui vẻ vì vợ con còn được sống sót và được dầm trấm gam gạo mỗi ngày.

Thái độ nôn mửa nếu nó thành thực thì ít gì cũng còn hơn thái độ phè phỡn của một số ông bụng bự, bọn này nhiều khi làm cho chúng ta buồn mửa thật. Nhưng ở đây tôi không có ý phê phán nó, chỉ muốn nói rằng nếu hạng cầm bút chúng ta còn nhớ tới nhiệm vụ của mình, còn nhận rằng trong năm nhu cầu của quốc dân lúc này, chúng mình chỉ có thể giúp sức vào được cái nhu cầu thứ năm thôi, nghĩa là chỉ còn có thể đem chút sở học thô thiển của mình, truyền bá cho quốc dân để giúp quốc dân dễ thực hiện được, mau thực hiện được những nhu cầu khác, thì ít nhất chúng ta phải nhận rõ sự thực bi đát này là giữa chúng ta và đại chúng có cái hố sâu lắm, và việc đầu tiên là phải rón lấp cái hố đó đi đã.

oOo

Tôi nhớ các lý thuyết gia Trung-Cộng từ đầu chiến tranh Trung - Nhật hay trước nữa, đã bắt các văn nghệ sĩ của họ bỏ hết những kỹ thuật vay mượn của phương Tây mà trở về những kỹ thuật truyền thống của họ; chẳng hạn bỏ thơ mới đi mà làm về, bỏ thoại kịch đi mà viết tuồng như tuồng đời Minh, bỏ lối tiểu thuyết mới đi mà viết những tiểu thuyết chương hồi theo kỹ thuật Thủy Hử... Họ muốn các văn nghệ sĩ phải sống với nông dân, cảm nghĩ như nông dân, nói như nông dân, viết như nông dân nói.

Tôi chắc họ cũng nhận rằng như vậy là làm cho văn nghệ của họ lùi lại ba chục năm, nhưng họ cho rằng sự tấn bộ của văn nghệ không quan trọng bằng sự giáo dục nhân dân theo đường lối của họ. Chính sách đó là một cực đoan,

nhưng chính sách của chúng ta — chữ *chính sách* này tôi dùng có sai không? thực sự chúng ta có một chính sách nào không? — là văn nghệ sĩ muốn làm gì thì làm, cứ viết cho một số người ở thị thành đọc, có khi chỉ cho một nhóm của mình đọc, bất chấp nhu cầu chính đáng của đại chúng, bất chấp cả lợi ích của quốc gia, chính sách này cũng lại là một cực đoan nữa.

Có đường lối nào khác không? Chúng tôi xin đề nghị ba nguyên tắc:

1.— Chúng ta không muốn trong một sớm một chiều xóa bỏ hết các giai cấp, vô sản hóa toàn thể quốc dân; chúng ta muốn giảm thiểu tất cả những sự bất quân và bất công trong xã hội để cùng tiến với nhau, và muốn vậy cần gây sự cảm thông giữa các giới và tránh mọi thái độ căm thù;

2.— Chúng ta không muốn văn nghệ bị chỉ-huy theo một chiều, như vậy nó có thể có một tác động mạnh đấy nhưng nó sẽ hóa ra nghèo nàn, và sớm muộn gì cũng đưa tới những cuộc thanh trừng kinh khủng; chúng ta muốn để cho «trăm hoa đua nở», miễn là đừng đi hại cho quốc dân. Hai tiếng «di hại» này có thể mỗi người hiểu một khác, đó là điều tất nhiên trong một chính-thể dân-chủ; nhưng nếu chúng ta cũng có thiện chí xây dựng cả thì chắc chúng ta cũng dễ chăm chú quan điểm của nhau được.

3.— Chúng ta không muốn thụt lùi — dù là tạm thời — để sau sẽ tiến; chúng ta muốn từ vị trí của chúng ta hiện nay tiến đều đều và tiến mau, và trong khi tiến chúng ta không quên hiện tình của nước ta, hiện tình bi đát mà ở trên chúng tôi đã nhắc tới; không quên rằng một quốc gia mạnh được là nhờ toàn dân hơn là nhờ một nhóm trí thức cách biệt

với dân ; vậy sự tiến bộ của đại chúng mới là điều quan trọng nhất.

oOo

Theo quy tắc 1, chúng ta sẽ tiếp tục viết cho giới trí thức ở thành thị, cho « các thầy các cô » đọc, vì họ cũng cần có sách để đọc : họ có trau dồi kiến thức thì mới phục vụ giới bình dân được đắc lực. Học là để phục vụ. Nhưng đồng thời ta phải đặc biệt chú trọng tới công việc giáo dục bình dân, nâng cao trình độ hiểu biết của bình dân, viết nhiều sách phổ thông cho bình dân. Muốn vậy ta phải gần gũi họ, tìm hiểu nhu cầu, cảm xúc của họ, lối sống, lối suy tư của họ, phải dùng ngôn ngữ của họ. Thử đem một đoạn văn của ta mà ta cho là sáng sủa nhất, dễ hiểu nhất, đưa cho một nông dân đọc, xem họ có hiểu sai mình không, mười phần hiểu được mấy, và tại sao họ không hiểu : vì những tiếng mình dùng « thông thái » quá, hay vì lối phô diễn của mình không hợp với lối của họ..., thí nghiệm như vậy nhiều lần, chắc ta sẽ rút ra được nhiều điều rất bổ ích.

Và chúng ta vẫn phải tiếp tục thúc đẩy các giáo sư mau thực hiện việc dùng tiếng Việt ở Đại học. Trên mười lăm năm nay, từ khi thôi dạy học, tôi không còn nói tiếng Pháp, viết tiếng Pháp nữa, và ba chục năm nay, có thể nói là trung bình ngày nào tôi cũng viết một hai trang tiếng Việt, vậy mà tôi vẫn thấy rằng nhiều lúc tôi có cái tật suy tư, phô diễn như người Pháp, có khi phô diễn bằng tiếng Pháp rồi mới dịch ra tiếng Việt vì có những ý tôi phô diễn bằng tiếng Pháp dễ hơn, tự nhiên hơn là bằng tiếng Việt. Ảnh hưởng của một nền giáo dục hấp thụ bằng ngoại ngữ sâu xa như vậy đó, ba mươi năm nay

gột mà chưa sạch. (1) Trách chi nhiều sinh viên Đại học của ta hiện nay viết chẳng thành câu. Viết không thành câu thì làm sao mà truyền bá kiến thức của mình trong đại chúng được. Cái hố giữa họ và nông dân thực là thăm thẳm. Phải lấp ngay đi. Tôi xin các Giáo sư, các sinh viên suy nghĩ kỹ và tưởng tượng để cảm thấy cái việc đó bi thảm và nguy hiểm ra sao.

Theo quy tắc thứ nhì, chúng ta không đòi rằng mọi người cầm bút phải có một đường lối như nhau, phải viết cho thật bình dị để chuyên phục vụ đại chúng... Bút pháp do cá tính, thiên tư của mỗi người không ép được, ép thì hết tự nhiên, do đó hết nghệ thuật. Có người chỉ làm thơ mà không viết văn được. Có người chỉ thích tô chuốt, đẽo gọt mà không thể viết bình dị được. Có người chỉ thấy hứng khi tả những cảnh diễm lệ, huyền ảo, những mộng trong không gian và thời gian. Có những người suy tư rất sâu sắc, có những ý tưởng tân kỳ, tuy không thực tế nhưng làm cho tâm hồn ta phong phú thêm lên. Họ có tài riêng và công trình của họ có ích cho xã hội. Không phải chỉ có lúa mới đáng trồng. Đành rằng khi chúng ta đói thì bao nhiêu đất nên đem trồng lúa hết; nhưng trước tiên, có thêm một vài giò huệ, cành mai thì đời cũng tươi hơn. Vậy các vị đó cứ sáng tác theo khuynh hướng của mình miễn là tạo ra được những cái có giá trị thực, chứ đừng nhân danh cái Đẹp để làm những việc chẳng có chút gì là đẹp. Đây là vấn đề tu dưỡng, thành thực với chính mình. Có khi chỉ vượt một lần ranh rất hẹp mà từ cái đẹp bước qua

(1) Tôi không chối rằng ngoại ngữ đã giúp nhiều cho tôi trong việc viết lách, nhưng đó lại là chuyện khác.

cái sa đọa, nhưng trường hợp này hiếm và trong một chế độ tự do, ta không nên nghiêm khắc quá với người mà nên nghiêm khắc với chính mình.

Theo quy tắc thứ ba, chúng ta sẽ không bỏ hết những kỹ thuật chúng ta đã học được của phương Tây, chẳng hạn không cần đề cao kỹ thuật viết tiểu thuyết chương hồi. Những kỹ thuật nào ngay cả những lối phô diễn đã thông dụng, dù chỉ trong giới thị dân, thì cũng có thể giữ được. Nếu nền giáo dục cần bản được phổ biến trong toàn dân thì chỉ trong mười năm, giới bình dân sẽ quen với những kỹ thuật và lối phô diễn đó.

Ta sẽ còn tiếp thu hoài của phương Tây, nhưng như nhiều người đã nói, sự tiếp thu đó phải có tính cách lựa chọn. Nghĩa là phải tự hỏi những câu này. Sự tiếp thu đó có ích lợi trong giai đoạn này không? Dân chúng có hiểu được không? Nó có phản lại tinh thần dân tộc không? Có hại không? Có cần sửa đổi nó ra sao không? Tự hỏi những câu đó mà ta còn do dự thì chỉ nên giới thiệu rồi nhận xét, phê bình chứ đừng nên áp dụng vội, như vậy quốc dân sẽ theo dõi được những trào-lưu mới trên thế-giới mà không bị lôi cuốn trong những trào-lưu đó một cách vô-ý-thức.

Đồng thời với sự tiếp thu văn hóa ngoại quốc, chúng ta phải nghiên cứu đề bảo tồn văn hóa dân tộc. Hai việc đó bổ túc lẫn nhau. Chỉ tiếp thu thôi thì sẽ mất gốc; chỉ bảo tồn thôi thì sẽ lạc hậu. Chúng ta phải có tinh thần dân tộc đã, phải «cắm rễ sâu trong lòng dân tộc» đã rồi mọi sự tiếp thu mới thành của mình được. Cũng như việc ghép cây. Chúng ta muốn ghép một cành mận đỏ vào một cây mận xanh, thì chính cây mận xanh phải cắm rễ sâu trong đất rồi

cành mận đỏ mới sống được

Ta lại đừng bao giờ quên rằng dân tộc ta đương trải qua một tai nạn chưa hề thấy trong lịch-sử, và bốn phận chúng ta là bỏ bớt những cái phù phiếm đi. Những cái phù phiếm có thể có ích, khi ta coi nó là cái phù phiếm; nhưng đề nó biến thành cái cần thiết thì nó rất có hại.

oOo

Sau cùng chúng tôi muốn bàn qua về thái độ của chúng ta đối với chính quyền.

Tôi nghĩ rằng cái thú nhất của người cầm bút là được độc lập, và cái vinh dự lớn nhất của họ là giúp được chút gì cho quốc dân. Muốn giữ được độc-lập và giúp được quốc dân thì nên ở ngoài chính quyền, đứng ở địa vị đối lập với chính quyền. Đối lập không nhất định là chỉ trích lại càng không có nghĩa là đả đảo. Đối lập là một cách hợp tác hữu hiệu nhất và nghiêm chỉnh nhất. Ta không lệ thuộc chính quyền thì mới dám nói thẳng với chính quyền, và chính quyền mới chú ý tới lời nói của ta. Alain và André Maurois đều từ chối những chức trọng quyền cao đề được là người tự do, được là một công dân giám thị các Ông lớn.

Chúng ta còn phải tiếp tục tranh đấu cho được tự do ngôn luận. Không phải dễ đâu. Mười, mười lăm năm nữa chưa chắc đã thành công. Muốn thành công thì một mặt chúng ta phải coi chừng bọn người muốn bịt miệng chúng ta, mặt khác phải có thái độ đứng đắn. Chính quyền có điều đáng khen thì ta khen — chứ không nịnh; chính quyền làm lẫn thì ta thẳng thắn đưa nhận định, với những lý lẽ vô tư và vững vàng, những lời nhã nhặn và minh bạch. Chúng ta vì quốc gia mà xây dựng. Tất nhiên có những lúc ta phải tỏ nổi bất bình

— chẳng phải của ta, mà của quốc dân
— chẳng hạn với kẻ bán nước; lúc đó
giọng của ta có thể gay gắt nhưng lòng
ta không hề có chút căm thù cá nhân.
Chúng ta đã một thái độ, một chính sách
chứ không đã một con người.

Chúng ta biết chính quyền nào cũng
gặp nhiều nỗi khó khăn, không thể
trình bày hết với quốc dân được, cho
nên nếu chính quyền có thiện chí và
thực hiện được ít nhiều việc có ích thì
chúng ta cũng quý và ủng hộ. Chúng ta
chỉ ghét những kẻ mị dân, độc tài, hoặc
làm tay sai cho ngoại quốc, bất kỳ về
phương diện gì: chính trị, kinh tế hay
văn hóa.

Nhiều người vừa cầm bút vừa làm
công chức, vì nghề cầm bút không đủ
sống. Như vậy là một việc bất đắc dĩ,
nhưng nếu biết tách rời hai hoạt động
đó ra, nghĩa là khi ở sở, làm trọn nhiệm
vụ một công chức, mà khi viết vẫn
giữ được thái độ đối lập của nhà văn,

thì cũng không hại gì cả, có lẽ còn có lợi
cho sự rèn luyện tư cách của mình nữa.

Tất nhiên, một số nhà văn muốn hoạt
động chính trị, muốn giữ một ghế nào đó
trong chính quyền để có cơ hội, phương
tiện thực hiện chủ trương của mình. Ý
muốn đó rất chính đáng; nhưng khi vô
chính quyền ta nên nhớ rằng mình là nhà
văn, nếu không thực hiện được ít nhiều
những điều mình đã viết thì nên rút
lui, trở về vị trí đối lập, như vậy mới
được quốc dân tin, mới giữ được tính
cách cao quý của nghề cầm bút. Tôi cho
không có vinh dự gì lớn lao cho người
cầm bút bằng được quốc dân tin cậy.
Những bằng cấp, chức tước, chỉ là
những vết son trên giấy, làm sao bằng
một điểm son trong lòng đồng bào.

Suy tư về nghề cầm bút, tôi có vài
ý riêng như vậy, xin thành thực trình
bày. một phần cũng để tự hứa với
mình, chứ không dám nhận rằng nắm
được lẽ phải. NGUYỄN HIẾN LÊ

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRANH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cúm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG

Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence **TSIM SHA TSUI**
Milton Mansion, 96 Nathan Road
KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON
Tél 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

BP N° 122

★

Sự bất lực của Liên-Hiệp-Quốc trước những vấn-đề trọng-đại trên thế-giới ngày nay

Khóa họp thứ 22 của Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc khai mạc ngày 19-9-1967 tại Nữu-Uớc. Các bài diễn-văn của 2 ông Goldberg và Gromyko liên quan tới cuộc chiến tranh Việt-Nam và khủng hoảng ở Trung-Đông khiến người ta nghĩ rằng các vấn đề này sẽ được nêu lên hàng đầu và át tất cả các vấn-đề kinh-tế và chính-trị khác. Tuy nhiên trong bản phúc trình thường-niên của ông Tổng-Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc, những vấn đề mà ngày nay người ta coi như là quen thuộc (như vấn đề giải trang, vấn đề kỳ-thị chủng-tộc, vấn đề phát-triển các nước chậm tiến) vẫn còn hết sức gay go và mỗi ngày một khó giải quyết thêm.

Đã từ lâu, người ta không còn trông đợi gì ở những kết quả thực tế của các khóa họp của Đại-hội-đồng Liên-Hiệp Quốc. Có chăng là sự đối chiếu các quan-điểm cho phép ta thấy rõ sự tiến-triển của tình hình quốc tế mà Đại-hội-đồng đã cụ thể hóa trong một số quyết nghị.

Trong khóa họp này, việc bầu ông Corneliu Manescu, đại biểu Lỗ-ma-ni, một nước Cộng sản Đông Âu, có đường lối tương đối độc lập với Sô-viết, lên làm Chủ-tịch Đại-hội-đồng là một sự mới lạ, vì lần đầu tiên từ ngày thành

lập Liên-Hiệp-Quốc, một đại biểu Cộng sản được bầu vào chức vụ này. Điều đó chứng tỏ là sự đối-lập giữa hai khối Đông Tây đã giảm thiểu mặc dầu cuộc chiến tranh Việt-Nam vẫn tiếp diễn ác liệt.

Các phái đoàn hình như đã ngầm thỏa thuận với nhau để cho khóa họp này khỏi bế tắc, vấn-đề Việt-Nam không được ghi trong chương trình nghị sự.

Chúng ta đều biết là vào tháng 2-1966, Hoa-kỳ đã phải khó nhọc lắm mới đưa được vấn đề Việt-Nam ra trước Hội đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc. Nhưng Hội đồng này cũng chưa bao giờ đi sâu vào vấn-đề vì sự phản-đối của Pháp và Nga. Cả Paris lẫn Moscou đều bênh vực lập trường của Hà-nội và cũng là lập trường của Bắc-kinh theo đó Liên-Hiệp-Quốc hoàn toàn không có một chút quyền nào can thiệp vào vấn-đề này vì cả hai miền Việt-Nam đều không phải là hội-viên Liên Hiệp Quốc. Hà Nội và các người ủng-hộ họ lại còn tố cáo Hoa-Kỳ muốn dùng Liên Hiệp Quốc để « hợp pháp hóa cuộc chiến tranh xâm lược Việt-Nam ».

Ông Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U-Thant cũng đã có một thái độ rõ ràng khi ông tuyên bố việc Mỹ ngưng oanh tạc Bắc Việt vô điều kiện là chìa khóa cho mọi cuộc đàm phán. Chính ông đã từ

chối không chịu nhận thẩm quyền của Liên Hiệp Quốc đối với vấn đề Việt Nam. Chính ông đã không ngần ngại bác bỏ việc cử quan - sát - viên Liên Hiệp Quốc đến quan sát cuộc bầu cử ngày 3-9 ở Việt Nam theo lời đề nghị của Đại-Hàn.

Chắc chắn là khi chấp nhận quan điểm của Hà-Nội về việc ngưng oanh tạc Bắc Việt, ông Thant thực sự mong muốn tiến tới những cuộc hòa đàm. Nhưng vào giữa khóa họp của Đại-hội-đồng Liên Hiệp Quốc, những lời tuyên bố của ông cũng như những lời tuyên bố của giới hữu trách Hoa-Kỳ đã tạo nên hậu quả khác hẳn là giúp cho một số nước định rõ thái độ của mình. Chúng ta đều biết là có một số lớn nước ở Liên Hiệp Quốc đã lên tiếng yêu cầu Hoa-kỳ ngưng oanh kích Bắc-Việt để tiến tới hòa đàm.

Trước tình trạng đó, thái độ của ông Goldberg đã tỏ ra rất khôn khéo, ông không ngăn cản, bác bỏ mà chỉ mời các phái-đoàn cho biết ý-kiến. Như vậy cũng là một cách để tránh đi đến một quyết-nghị mà Hoa-Thịnh-Đốn xét ra bất lợi cho mình trong lúc này. Mà cho dù quyết-nghị đó có được nêu ra thì cũng lại đưa Liên Hiệp Quốc đến chỗ bế-tắc mà chắc chắn là Liên Hiệp Quốc không có đủ phương tiện để gây áp lực nhất là đối với một nước lớn như Hoa-kỳ.

Vấn đề Trung-Đông, cũng lại là một bài học nữa.

Trong cuộc chiến tranh Trung-Đông, thực ra chỉ có các cường-quốc hạng nhì trực tiếp lên can. Cả Hoa-kỳ lẫn Liên-xô thì cung cấp vũ khí nhưng đều đứng ngoài vòng can. Liên Hiệp Quốc, trên lý thuyết, không vấp phải những vấn đề nan giải như ở Việt-Nam. Chỉ cần so sánh tính chất của hai cuộc xung đột cũng thấy rõ khả-năng can thiệp của Liên Hiệp Quốc đến mức độ nào. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Liên Hiệp Quốc cố giữ thái độ không can thiệp vì có can thiệp cũng vô ích mà lại còn tỏ sự bất lực của mình. Cả hai bên đều có những đại-cường trực tiếp tham gia.

Trong cuộc chiến-tranh Trung-Đông, cả hai bên đều là những hội viên Liên Hiệp Quốc. Liên Hiệp Quốc đã ra lệnh ngưng bắn và lệnh đó đã được tuân theo cũng như nó đã được tuân theo 10 năm trước đây, trong vụ kênh Suez. Nhưng trên thực tế, sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc tỏ ra rất hạn chế. Trong hai tháng liền, vào mùa hạ vừa qua, Hội-đồng Bảo-An và Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc đã liên đầu vì cuộc tranh chấp Do-Thái Ả-Rập đưa đến cuộc xung đột vũ trang và cuộc thắng trận chớp nhoáng trong 6 ngày của Do-Thái. Khi ra lệnh ngưng bắn, và gửi quan-sat-viên đến vùng kênh đào Suez, Liên-Hiệp-Quốc chỉ hạn chế bớt sự thắng lợi của Do-Thái và làm cho sự thất bại của phe Ả-Rập đỡ chua cay. Nếu Liên-Hiệp-Quốc thành công trong việc buộc quân đội hai bên ngưng bắn, thì Liên-Hiệp-Quốc đã không thu được kết quả nào trong việc buộc hai bên phải giải quyết dứt khoát một vấn đề đã kéo dài từ 20 năm nay.

Trong phiên họp bất thường của Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc được triệu tập do sáng kiến của Liên-xô, Liên-Hiệp-Quốc cũng lại vướng phải những khó khăn đó. Trong số 5 dự-án quyết nghị đưa ra phản ảnh lập trường của hai bên đối lập, không dự-án nào được thông qua. Chỉ có hai vấn-đề phụ, đi được đến sự thỏa thuận của các phái đoàn là vấn đề xấp nhập khu vực Jérusalem của Ả-Rập và cứu tế nạn nhân chiến tranh. Do-Thái vẫn nhất định giữ những đất đai đã chiếm, Ai-Cập vẫn nhất định không chịu mở kênh Suez cho cuộc lưu thông quốc tế. Hai bên vẫn không đi thêm được một bước nào trong việc giải quyết tình trạng cừu địch. Người ta hy vọng, với sự nhúc nhích lập trường của Cộng-Hòa Ả-Rập Thống-Nhất và Ả-Rập-

Séoudite, khóa họp này may ra đi được đến một kết quả nào chăng. Nhưng hy vọng đó rất mong manh. Và liệu nó có tính cách thực-tế không, những biện pháp đưa ra từ 20 năm nay để giải quyết dứt khoát vấn-đề Trung-Đông đều đã không được áp dụng vì nó không phù-hợp với quyền-lợi của hai phe đối lập và Liên Hiệp Quốc cũng không có cách gì để bắt họ phải tuân theo.

Cái thành công độc nhất của Liên Hiệp Quốc ở Trung-Đông là đã lập nên trong khoảng hơn 10 năm nay một đội quân mũ xanh ở dọc biên thùỳ Á-Rập, Do-Thái. Liên Hiệp Quốc có vẻ rất hãnh diện với đội quân này mà người ta gọi là « lực lượng khẩn cấp của Liên Hiệp Quốc tại Trung-Đông ». Cuộc hành quân đầu tiên để duy trì hòa bình của Liên Hiệp Quốc vào năm 1956, không đưa đến một kết quả nào dứt khoát vì nó vẫn không ngăn chặn được hai bên khởi xung đột. Vì không được sự thỏa thuận của Do-Thái nên đội quân mũ xanh chỉ đóng trên phần đất của Ai-Cập mà thôi. Khi Tổng-Thống Nasser yêu cầu ông Thant rút đội quân đó đi vào tháng 5 vừa qua, ông Tổng thư-ký Liên Hiệp Quốc bị đặt trước một tình-trạng khó xử là nếu không chịu rút, Liên Hiệp Quốc sẽ bị buộc là can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc-gia. Nhưng nếu rút đi, thì sẽ đứng trước một nguy hiểm khác là để cho hai kẻ thù đối diện nhau. Có lẽ vì tin ở lời hứa của Nasser, nên U Thant đã mau chóng quyết định rút đội quân mũ xanh về. Quyết định đó sau này đã bị chỉ trích nặng nề coi như là một sự sai lầm lớn nhất của U-Thant trong sự nghiệp của ông. Trong một phúc trình gửi Đại hội-đồng Liên Hiệp Quốc ngày 18-5, U-Thant đã biện minh cho hành động của mình bằng cách nêu lên tính cách hạn chế

của nhiệm vụ đội quân mũ xanh, một lực lượng hộ vệ hòa bình chứ không phải một lực lượng cưỡng bức. Vì mục đích của nó và cũng vì lực lượng quá ít ỏi của nó, đội quân mũ xanh đã không có đủ phương-tiện để ngăn cản một cuộc chiến tranh Á-Rập - Do-Thái.

Thực tế cuộc chiến tranh đó đã xảy ra và bầu không khí Trung - Đông ngày nay còn nóng bỏng hơn bao giờ hết. Lệnh ngưng bắn luôn luôn bị vi phạm. Việc đánh đắm một ngư-lôi đình của Do-Thái bằng một hỏa-tiến của Liên-xê được trả đũa ngay bằng việc đốt cháy một kho dầu lửa lớn nhất của Ai-Cập. Liệu những đòn qua lại đó có làm cho cuộc chiến tranh Trung-Đông tái diễn và đốt cháy luôn cả quả địa-cầu này không? Người ta chỉ có thể đề phòng hữu hiệu bằng cách gửi đến đó một đạo quân Liên Hiệp Quốc đủ sức mạnh để ngăn cản cả hai bên lao đầu vào vòng chiến. Đạo quân đó có sự tham gia và trợ giúp của các đại cường không và tham gia cùng trợ giúp một cách như thế nào để khỏi biến thành công-cụ của một bên như Trung-Cộng đã từng tố cáo Liên Hiệp Quốc trong cuộc chiến tranh Cao-Ly. Hiện nay đang có một Ủy-ban đặc biệt của Liên Hiệp Quốc nghiên cứu việc tổ chức lại những cuộc hành quân bảo-vệ hòa-bình của Liên Hiệp Quốc. Ủy-ban đó chắc sẽ rút kinh nghiệm ở những bài học của quá khứ và chắc đang tìm cho Liên Hiệp Quốc những phương tiện can thiệp hữu hiệu hơn. Nhưng công việc tiến hành rất chậm chạp và người ta e ngại nó sẽ luôn luôn bị thời cuộc vượt qua và rút cuộc các đại-cường, trong tình-trạng mâu thuẫn hiện nay, vẫn phải tự mình gánh chịu lấy nhiệm vụ duy trì hòa bình thế-giới vì một cuộc thế-chiến thứ ba sẽ là một thảm-họa tận diệt xã-hội loài người.

Tóm lại, hai vấn đề Việt-Nam và Trung Đông nóng bỏng hiện nay đã vượt ra ngoài khả năng của Liên Hiệp Quốc. Người ta bi quan mà nhận thấy trong tương lai, nếu không có sự cải tổ cần thiết, Liên-Hiệp-Quốc sẽ khó lòng làm tròn được nhiệm vụ trọng đại nhất của mình là duy trì hòa bình thế-giới.

Liên-Hiệp-Quốc đã bắt lực trong việc bảo vệ hòa-bình thế giới trước các vấn đề Việt-Nam và Trung-Đông, nhưng Liên-Hiệp-Quốc có tiến triển được trong các vấn đề khác không ?

Ở đây người ta phải buồn rầu mà nhận xét rằng trong năm nay, Liên-Hiệp-Quốc đã không giải quyết được bất cứ một vấn đề nào. Không có một tiến triển nào đáng kể.

Muốn duy trì hòa bình hữu hiệu, phải xét lại bản Hiến-chương Liên Hiệp Quốc. Việc xét lại này hiện nay đang ở điểm chết. Trung-Cộng ; một nước đông dân nhất thế-giới và lại có vũ-khí nguyên-tử, vẫn bị gạt ra ngoài tổ-chức Liên Hiệp Quốc, năm nay cũng như các năm vừa qua. Những khó khăn tài-chánh vẫn còn nguyên vẹn, mặc dầu năm nay người ta tránh không đòi Pháp và Nga đóng góp số tiền thiếu để tránh gây khó khăn thêm cho Liên Hiệp Quốc. Nhìn vào thực tế, ta thấy Liên Hiệp Quốc không thu lượm được một thành công nào. Ở Nam-Phi, Tây Nam-Phi, Rhodésie, các quyết-nghị của Liên Hiệp Quốc không được thực hiện một cách hữu hiệu. Chương trình 10 năm phát-triển vừa qua của Liên Hiệp Quốc đã hoàn toàn thất bại, thất bại đến nỗi người ta phải quyết-định đưa ra một chương trình 10 năm mới bắt đầu từ năm 1970. Việc tăng-gia chút ít viện-trợ tại chánh cho các nước chậm tiến không bù đắp nổi việc rút bớt viện trợ. Một chi nhánh của Ngân-Hàng Thế-

giới là Hiệp-hội quốc-tế phát-triển đã cạn hết tài-nguyên và có cơ phải ngưng hẳn những cuộc cho vay không có lãi.

Những món nợ của các quốc gia chậm tiến không ngừng tăng gia, mà những điều kiện vay nợ lại có vẻ khó khăn hơn. Ngân-hàng Thế-giới dự tính tăng-gia phân-xuất lãi. Nợ sẽ chồng chất lên và các quốc gia trên đường mở mang sẽ khó lòng thanh toán nổi. Chiến-dịch bài trừ nạn đói đã không ngăn cản được nạn đói hoành hành ở Ấn-Độ. Không cần phải đợi đến khi triệu tập Hội-nghị thứ hai của Liên Hiệp quốc về thương-mại và phát triển — định vào tháng 2-1968 ở Tân-Delhi — mới nhận thấy rằng nền thương mại của các nước chậm tiến không mấy phát triển từ hội nghị trước đến nay. Kết quả của chương-trình Kennedy (Kennedy-round) được các chuyên viên của các nước kém mở mang coi như một nguồn khó khăn thêm vào cho các quốc-gia không có kỹ-nghệ.

Sau hết nguyên-tắc tổng giải-trang toàn diện cũng nhường bước cho việc cấm phổ biến vũ-khí nguyên-tử. Thực ra việc tiến tới một hiệp-ước cấm phổ-biến vũ-khí nguy-tử chỉ có mục đích duy-trì ưu thế quân-sự và kỹ thuật của các đại-cường đã có thứ vũ-khí này và nay muốn giữ vững sự quân bình lực-lượng bằng cách mời các nước khác cùng ký.

Những vấn đề mà ta vừa nêu lên ở trên đã là nguyên do khiến cho những lời tuyên bố và những phúc trình của ông Tổng thư-ký Liên Hiệp Quốc mỗi ngày một thêm bi quan. Nếu một số lớn nước, nhất là những nước nhược tiểu, đã tỏ ý dè dặt trong việc phê phán công cuộc của Liên Hiệp Quốc cốt để bảo vệ uy tín của tổ-chức này mà họ cần phải bám lấy, thì ông Thant, với tư cách Tổng thư-ký của mình, đã không ngần ngại nói thẳng ra và đó cũng là

điều mà ông đã thực sự giúp ích cho đại gia đình quốc tế. Chính ông mới là người có đủ thẩm quyền đề vạch trần những chỗ yếu của tổ-chức Liên Hiệp Quốc và những sự khinh thị của các chính phủ muốn đi ngược lại những mục-tiêu của Hiến-Chương. Căn cứ vào chức vụ của ông, người ta thấy ông không có một chút quyền hạn nào để trực-tiếp can thiệp vào sự tiến-triển của thời cuộc, mặc dầu ông có quyền và có bốn phần triệu tập Hội đồng Bảo an về những vấn đề đe dọa hòa bình thế giới. Vì nhận thấy quyền hạn của mình rất hạn-chế nên ông đã nhân danh cá nhân ông đề đi vận động cho hòa bình và nhất là để chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Việc đó ông đã làm với tất cả thiện-chí mặc dầu kết quả không được như ý : Hòa bình Việt Nam vẫn còn mờ mịt, các phe tham chiến vẫn tiếp tục leo thang những bước đều đặn và nguy hiểm.

Ta thấy ông Thant đang cố gắng tái tạo lại điều 28 của Hiến Chương San Francisco mà ngày nay người ta hầu như quên lãng. Điều 28 đó cho phép việc triệu-tập những phiên họp có định-kỳ của Hội-đồng Bảo-an để tạo cơ hội cho tứ cường có dịp luôn luôn thảo luận về những vấn-đề xung đột hiện tại

ngõ hầu tìm ra một giải-pháp chung.

Ông luôn luôn cố gắng tìm cách tránh những hạn chế về quyền hạn của mình và gọi lại những điều của Hiến-Chương chưa được khai thác để mong tìm cho thế-giới hiện tại một con đường thoát. Ông đã tận dụng mọi khả năng của Liên Hiệp Quốc để làm tròn sứ mạng của ông, không chịu thúc thủ trước những bó buộc của thời cuộc. Có lẽ, hơn ai hết, ông là người thấy rõ rằng tình trạng đó không thể kéo dài mãi được.

Vì thế cho nên trong bản phúc trình cho khóa họp 22 của Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, ông khẩn thiết yêu cầu các quốc-gia hội-viên nên tôn trọng các nguyên tắc của Hiến-chương bằng cách từ bỏ cảm hờn và bạo tàn, nếu không thì phải tìm ra những nguyên-tắc mới thích hợp hơn. Những lời kêu gọi đó không biết có tiếng vang nào trong khóa họp này không vì, cho tới nay và có lẽ còn lâu về sau này, các cường quốc chưa chịu nhân nhượng nhau để cùng chung sống trong hòa bình và thịnh vượng. Với sự thiếu thiện chí chung của các đại cường, có lẽ còn lâu Liên-Hiệp-Quốc mới đóng vai trò mà phần lớn nhân loại muốn giao phó cho nó.

V. P.

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường **ALGAN**

(KHÔNG CÓ THUỐC NGỪ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

nghĩ về **tên một quyền tự điển** **Tiếng Việt**

Mạn - đàm của ĐÔNG - HỒ

Trong mấy tháng nay, bộ Văn hóa của Nhà-nước có thành lập một ủy-ban, tên là Ủy ban Điền chế Văn tự. Công việc chánh yếu và đầu tiên của Ủy-ban là soạn thảo một bộ tự-điển, để làm căn bản, để làm tiêu chuẩn cho Tiếng Việt. Từ lâu nay, mọi người đều phàn nàn rằng tình trạng Văn tự Ngôn ngữ của chúng ta càng ngày càng xáo trộn, bừa bãi, bẽ bối, càng ngày càng mất qui củ, mất khuôn phép.

Riêng tôi vẫn nghĩ, những cái gọi là xáo trộn bừa bãi đó, không có gì đáng bi quan cho lắm. Bởi vì, có tiến-hóa nào mà tránh khỏi xáo trộn lúc ban đầu. Có chuyện mình đề trở thành nào mà không gây khủng hoảng. Một đứa bé con, khi sắp mọc răng, khi sắp chập chững đi, đều trải qua thời kỳ nóng lạnh. Đó cũng là một trạng thái khủng hoảng tự nhiên và đương nhiên. Tiếng Việt cũng vậy. Tôi chỉ nói riêng Tiếng Việt mà không nói đến Ngôn ngữ chung, để cho phạm vi bài viết có giới hạn. Chớ tôi nghĩ Ngôn ngữ Văn tự nước nào mà không như vậy.

Có người cố chấp, khó khăn, tất không bằng lòng ý nghĩ và luận điệu hời hợt của tôi, Nhưng xin hãy bình tĩnh mà

nhận với tôi, là trong làng, Chữ nghĩa của chúng ta, ít lâu nay, thật là vui rộn, thật là náo nức thật là xáo trộn và... thật là bừa bãi nữa. Trạng thái đó đã phản ảnh đúng y như trạng thái xã hội chúng ta đang sống. Sao mà chúng ta không nhận thấy tình trạng biến chuyển đó đã gây cho Ngôn ngữ chúng ta một sinh khí. Mặc dầu có xáo trộn, có bừa bãi đó, nhưng mà, có một hội sống tưng bừng nô nức nào mà không không phải chịu đựng ít nhiều bừa bãi, chịu đựng ít nhiều xáo trộn, do bởi hăng say, sôi động, bùng bột gây ra.

Có hăng say có sôi động có bùng bột, và có mất trật tự ít nhiều, thì mới gây nên sinh khí, mới gây nên linh động.

Con tuấn mã có khả năng, có thừa sức cuốn gió lướt mây trên đường vạn lý, bản chất nó vẫn là con ngựa trái nết, trái chững ròi, thì tránh sao khỏi nó tung lên bụi mù, kất lên cát vãi, dọc đường trường.

Xin đừng than thở cũng xin đừng phàn nàn. Chỉ cần người kỵ mã có tài cầm cương cho đúng mức. Tay khấu cũng không nên lỏng buông, mà tay khấu cũng không nên gò chặt quá. Lỏng buông quá thì sa lạc, thì 'đị phóng nan trâu'. Gò

Chặt kiểm hãm quá thì mất đi hết bản tính, tài năng, tinh thần của con long mã phi thường.

Tôi hãy bớt ví von, bớt văn hoa đi vào thực chất của vấn đề.

Ai đó đã phàn nàn rằng Tiếng Việt, Chữ Việt mất qui củ, mất khuôn phép. Thì tôi muốn hỏi lại, từ xưa đến nay Ngôn ngữ Văn tự của chúng ta đã có qui củ, đã có khuôn phép hay chưa, mà nói mất, nói còn.

Hay, từ xưa, cứ vẫn tiến hóa, cứ vẫn phát triển, đồng thời cứ vẫn là bừa bãi, cứ vẫn là hỗn độn, cứ vẫn là phân phân bất nhất, cứ vẫn là bất hợp lý, cứ vẫn là chưa nhất trí, cứ vẫn là chưa nhất thống.

Hay là từ xưa, chúng ta đã viết, chúng ta đã nói, theo thói quen, nói theo Tàu, viết theo Tây; bất hợp lý, lâu ngày thành thói quen, thành hợp lý. « Thông dụng thành ước lệ ». Tôi cũng biết như vậy lắm.

Hay là, phàn nàn thì phàn nàn, phàn nàn để mà phàn nàn, mà hề có ai đề nghị xét lại, đề nghị một sửa đổi, đề nghị một canh cải nào cho hợp lý, thì lại cứ khăng khăng ôm riết, đeo mãi cái khuôn cũ, cái nếp mòn nào đó mà bảo rằng: đó là qui củ, đó là thói quen phổ biến đã thành luật tắc, không thể sửa đổi gì được nữa. Chúng ta đã tự mâu thuẫn với chúng ta. Một mặt, chúng ta muốn tiến hóa, chúng ta muốn canh tân, chúng ta muốn « điên chế mà một mặt khác, chúng ta lại lười biếng xét lại, chúng ta lại e sợ thay đổi, chúng ta lại lo ngại mất thói quen.

Nếu đã thế. Nếu đã chiều theo thói quen, nếu đã ôm riết bám chặt những nếp cũ khuôn mòn đó lấy làm luật tắc, lấy làm ước lệ, tức thì là đã đầu hàng. Đã đầu hàng, tức là đã chịu thua, tức là đã buông xuôi, thì còn nói làm gì đến

canh tân, còn nói làm gì đến điên chế. Cứ để mặc cho Tiếng nói Chữ viết phong tưng như sao thì như, bừa bãi như sao thì như, rồi ít lâu nữa, nó trở thành thói quen, nó trở thành luật tắc hết.

Không phải tôi cả quyết rằng mọi đề nghị xét lại đều hoàn toàn hợp lý hết, hay mọi đề nghị thay đổi đều hoàn toàn chánh đáng hết cả. Nhưng mà tôi yêu cầu mọi người, nên hãy bình tĩnh mà chấp nhận đề nghị cái đã, rồi sẵn sàng ghi vào chương trình nghị sự, đem ra thảo luận cho nghiêm chỉnh, cho thấu đáo vấn đề, đề tìm đến một quyết định chung, thỏa đáng hơn hết, đề mà chấp nhận hay là không chấp nhận.

Có nhiều đề nghị, mới nghe, như lần-thần, như ngây thơ, như ngu ngốc nữa, nhưng mà biết đâu, nhờ đó, nảy ra ánh sáng cho chúng ta tìm đến một chánh đáng, một sáng suốt, một khôn ngoan.

Cũng vì sợ cải cách, chỉ vì ngại thay đổi, mà Tiếng Việt, Chữ Việt của chúng ta còn giữ gần nguyên tình trạng tự hồi đầu thế kỷ này. Có thay đổi chút ít gì đó, cũng không đúng là một cuộc cải cách, đích thực cải cách,

Hơn ba mươi năm trước, đã có người đề nghị bỏ năm ký hiệu dấu giọng, thay bằng năm tự mẫu. Rồi có người đề nghị thay đổi bỏ bớt mấy tự mẫu thừa vô lý. Rồi, lại có người đề nghị bỏ dấu nối mà viết những từ kép dính liền nhau vân vân... Nhiều lắm, và nhiều nữa. Tổ ra luôn luôn chúng ta có tinh thần cầu tiến.

Nhưng mà, rồi đâu lại vào đó, tình trạng dở dang, lợm thợm của chữ Quốc ngữ cứ kéo dài mãi cho đến ngày nay. Kinh hoàng giật mình, ngày nay mới lại nhắc đến việc điên chế văn tự.

Đã nói điền chế, mà khi nghe một đề nghị nào lạ tai, tức thì ngơ ngác, cầu cứu ở thói quen, cầu cứu ở thông dụng mà gạt bỏ, mà phủ nhận, mà không chịu đặt thành vấn đề thảo luận, đặt thành nghị vấn xét lại.

Tôi xin nhắc lại lần nữa. Không phải mọi đề nghị đều chánh đáng, đều ổn thỏa hết cả đâu. Nhưng mà ít ra, chúng ta phải chấp nhận thảo luận, thì mới có người đưa đề nghị, có người đưa sáng kiến.

Chúng ta không có quyền độc tài.

Chúng ta không phải là học phiệt.

Tôi đã nói rồi, tôi xin nhắc lại. Đề nghị có khi táo bạo, ngớ ngẩn và ngu ngốc nữa. Nhưng mà chúng ta cũng cứ phải nghe. Và chúng ta cứ phải thảo luận cho đến nơi đến chốn, cho vỡ lẽ, cho ngã ngũ. Nhiên hậu, chúng ta mới đi đến một kết luận chung cho thỏa đáng, cho sáng tỏ vấn đề, để cho mọi người bằng lòng, để cho mọi người khỏi thắc mắc.

Chúng ta không mặc cảm tự tôn, cũng đừng mặc cảm tự ti. Chúng ta làm việc cho Ngôn ngữ, làm việc cho Văn tự. Chính bản thân Ngôn ngữ, Văn tự, không có mặc cảm tôn ti nào hết. Chữ nghĩa tự nó không hề biết mich lòng.

Tôi có tật xét nét và nhiều lời. Tật ít ai tra. Nhưng tôi xét nét cho Văn tự, tôi nhiều lời cho Ngôn ngữ. Đâu có phải cho tôi. Tôi không ngần ngại mà đưa ra đây năm ba điều nghị.

oOo

Nghĩ về tên một quyền tự điển Tiếng Việt

Trước khi các giáo sĩ Tây phương đến truyền giáo, ở nước ta, Tiếng Việt chúng ta không có sách tự điển.

Từ khi Tiếng Việt được la tinh hóa lối tả tự bằng tự mẫu ABC, bắt đầu có chữ Quốc ngữ, các giáo sĩ Tây phương mới nghĩ đến làm tự điển Tiếng Việt, theo phương pháp và thể thức làm sách tự điển, tự vị chữ Tây phương. Mục đích là làm sách cho họ học, cho người ngoại quốc học Tiếng Việt, để làm lợi khí cho việc truyền giáo, cho tiện việc giao thiệp, cho tiện việc in kinh, in sách cho họ, và để phổ biến truyền giảng cho người bản xứ những tín điều, giáo lý của một đạo-giáo mới du nhập.

Bởi là tự-điển của người ngoại quốc biên soạn, có ý niệm của người xa nhìn vào một xứ lạ, cho nên chúng ta thấy tên các sách tự điển đó luôn luôn có hai thứ tiếng đối chiếu song hành.

Thí dụ; đại loại như :

Annam - Bồ tự điển

Nghĩa là : Tự điển tiếng Annam và tiếng Bồ-đào-nha.

Annam - La tự điển

Nghĩa là : Tự điển tiếng Annam và tiếng La-ích vân vân...

Rồi, đại loại như ;

Pháp-Nam tự điển

Nam-Pháp tự điển

Hay đại loại như :

Nam-Hoa tự điển

Pháp - Nam - Hoa tự điển

Nghĩa là : Tự điển tiếng Pháp và tiếng Nam, tự điển tiếng Nam và tiếng Pháp, tự điển tiếng Nam và tiếng Tàu, tự điển ba thứ tiếng : Tiếng Pháp — Tiếng Nam và tiếng Tàu vân vân...

Có nhà không ưa dùng *An-nam* thì gọi là *Việt-nam*. Ví dụ : *Hán-Việt* hay *Việt-Hán tự điển*. Hoặc là *Pháp-Việt-Hán tự điển* vân vân..

Chúng ta nên trí ý, đặc biệt trí ý điều quan trọng này :

Những tiếng *an-nam* hay *nam* tron tiếng *việt nam* hay *việt* tron, họ dùng đó cũng như họ dùng tiếng *pháp* tron hay tiếng *tây* tron (không viết hoa) đều có nghĩa là tiếng *nam* hay *nam ngữ*, tiếng *việt* hay *việt ngữ*, tiếng *hán* hay *hán ngữ*. Cũng như tiếng *tây* hay *tây ngữ*, tiếng *pháp* hay *pháp ngữ* vân vân...

Khi người ngoại quốc, nói chung, người Pháp nói riêng, họ dùng tiếng *annamite* hay dùng tiếng *vietnamien*, là họ nghĩ nó như khi họ dùng tiếng *français* (viết không hoa). Họ nghĩ nó có nghĩa là tiếng *an nam*, tiếng *việt nam* cũng như khi họ nói *le français*, nghĩa là tiếng *pháp*, hay *pháp ngữ*. Bởi vì họ đã có một qui luật một thể thức phân minh khi tả tự:

Khi họ viết *le Français* (chữ hoa) thì đó là một đặc-danh-từ, phải hiểu nghĩa là người Pháp, có nghĩa là dân tộc Pháp. Còn khi họ dùng và viết *le français* (viết thường, không hoa) thì đó phải hiểu nghĩa là tiếng *pháp* hay *pháp ngữ*. Cho nên họ nói: *écrire le français*, hay nói thân mật: *parler français*, hay nói xúc giã: *pas français* vân vân...

Từ trên, là kể chung, những tên sách tự-điền lưỡng ngữ song hành.

oOo

Năm 1895.

Chúng ta có một cuốn tự điển, in toàn bằng tiếng Việt, mà không đối chiếu với tiếng Hán, tiếng Pháp, bắt đầu từ cuốn *Đại-nam quốc-âm tự-vị* của Huỳnh-Tĩnh Paulus Cửa.

Có nhiều người than phục rằng Paulus Cửa đã có sáng kiến thoát ly, tự lập, soạn một cuốn tự vị độc lập, định nghĩa từ ngữ Việt bằng tiếng Việt mà không cần phải dịch ra tiếng Tây. Đó là một ưu điểm, một trác kiến, hơn người đồng thời, và hơn cả hậu nhân.

Tôi xét lại, không phải như vậy. Cuốn tự vị của Paulus Cửa, nguyên lúc khởi thảo, tác giả cũng soạn có đối chiếu lưỡng ngữ song hành với tiếng Pháp. Chủ ý, cũng như các sách tự điển khác đồng thời, là vừa để cho người mình học chữ Pháp và cho người ngoại quốc học chữ Việt. Nhưng vì, nửa chừng, thiếu người hợp tác, rồi đến khi in, vì thiếu phương tiện, muốn giảm bớt ấn phí, muốn xin trợ cấp của Chính phủ, phải bỏ phần tiếng Pháp đi.

Bằng cứ rõ ràng là, trong bài tựa sách, tác giả đã viết:

« Lòm tự vị này, sơ tâm ta muốn cho có tiếng Langsa. Hồi mới khởi công, có nhiều quan Tây giùm giúp, sau các ông ấy phải thuyên đi Bắc-kỳ, bỏ có một mình ta, lúng túng, phải bỏ phần dịch tiếng Langsa. Nhưng vậy, hơn khi rồi rãnh, ta cứ việc làm theo tiếng ta, chữ ta, viết đi chép lại, ngày đêm khó nhọc hơn bốn năm trời mới thành công việc, mà cũng áy náy vì còn thiếu tiếng Langsa. Năm nay, có quan tham tán cho quan toàn quyền là ông Landes trở về Gia-định, người cũng có giúp ta năm trước, cùng bày cách cuộc cho ta phải làm tự vị thế nào, xem công việc ta làm thì người cho là công việc rất lớn, nếu có dịch ra tiếng Langsa thì lại thêm bề bộn; và trong sự dịch ấy cũng phải tìm người, mà phải dụng công cho tới năm ba năm nữa, người bàn với ta rằng: « Tự vị nước nào làm theo nước ấy, chẳng phải dịch tiếng Langsa làm chi, và xưa nay trong nước An-nam chưa hề có Tự vị tiếng riêng, cứ việc in tiếng ta, chữ ta như tự vị Trung quốc, thì cũng là điều rất có ích. » — Qui-ti niên cục ngoạt cốc đán (1893) Huỳnh-tĩnh, Paulus Cửa. » —

Chúng ta đã thấy chưa. Có sáng kiến

biệt lập gì đâu. Chính tác giả của nó, còn lấy làm tiếc, hết sức tiếc « áy náy » về việc không được in kèm thêm tiếng Pháp đó mà.

Nay trở lại tên cuốn sách này : Tên chữ Tây, viết là : *Dictionnaire annamite*. Nếu mới nghe qua, mới thấy qua, tất dịch là : *Tự điển An-nam* ». Nhưng nếu dịch và nhận như vậy là sai, vì chưa đúng nghĩa chữ của nó. Chính tác giả của nó đã đề rõ ràng là : *Đại nam quốc âm tự vi*. Bốn tiếng « *Đại nam quốc âm* » mới có nghĩa đầy đủ là « tiếng nói của người Đại nam hay nói gọn là *Tiếng nam* ». Hay nói theo lối Hán-Việt là : *Nam ngữ*, hoặc là *Việt ngữ*, như hiện nay, chúng ta thường viết, thường nói.

Như ở trước, tôi đã giải thích, tiếng *annamite* đó không có nghĩa là *Đại Nam*, hay là *Annam* tron, không có nghĩa là *nước Đại-Nam* hay *nước An-nam*, quốc hiệu của nước ta, một quốc gia, mà phải hiểu nghĩa là : *đại-nam quốc ngữ*, là *đại-nam quốc âm*, cũng y như người Pháp họ hiểu tiếng *français* (viết không hoa) của họ vậy. Tiếng *français*, đâu có phải cùng nghĩa với đặc danh từ *La France*, hay *Le Français* (viết hoa).

Đã phân minh như vậy thì không thể nào gọi tên cuốn tự-điển Tiếng Việt, là *Đại-nam tự điển*, hay *Việt-nam tự điển*. Gọi như vậy là không thông.

Hội Khai trí tiến đức ở Hà-nội, khi khởi thảo bộ tự điển, biên soạn toàn bằng tiếng Việt, không biết Ban Văn học của Hội, có thảo luận kỹ về vấn đề đặt tên sách hay không, mà chúng ta thấy tên sách đề là « *Việt-Nam tự điển* ».

Từ lâu nay, tôi cứ vẫn không bằng lòng tên sách đó. Một là vì nó không thông nghĩa. Hai là vì đề như vậy, tôi thấy như cò quen theo nếp của người ngoại quốc biên soạn sách Tiếng Việt.

Đáng lẽ đề là *Việt ngữ tự điển* hay *Việt âm tự điển* thì lại đề là *Việt-nam tự điển*. Nếu nói theo lối thuần Hán thì đề là *Việt ngữ tự điển*, hoặc *Việt âm tự điển*. Nếu nói theo lối Hán Việt thì đề là *Tự điển Việt ngữ*. Nếu nói theo lối thuần âm thì đề là *Tự điển Tiếng Việt*.

Đề như vậy, cũng như người Pháp thời trước, thường đề tên sách tự điển của họ là : *Dictionnaire de la Langue française*. *Dictionnaire complet de la Langue française*. *Dictionnaire nouveau de la Langue française*.

Tôi chắc rằng người Pháp không hề đề rằng : *Dictionnaire de la France*, cũng như người Anh không hề đề rằng : *Dictionnaire de l'Angleterre*, cũng như người Đức không hề đề rằng : *Dictionnaire de l'Allemagne* vân vân...

Gần gũi với chúng ta, và quen thuộc với chúng ta, người Tàu làm tự điển tiếng của họ, họ đề là *Khang hi tự điển*, đề là *Bội văn vận phủ*. Hoặc đề tron là *Từ nguyên*, là *Từ hải*, là *Từ uyên*. Họ đâu có cần thêm những chữ *Trung hoa ngữ*, *Trung quốc ngữ* làm chi.

Khi nào có chữ *Trung*, chữ *Hoa* đó là những sách tự-điển nào có đối chiếu song hành với một ngôn ngữ ngoại quốc, như *Pháp-Hoa tự điển*, như *Anh-Hoa tự điển*, vân vân...

(Còn tiếp)

ĐÔNG-HỒ

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

ĐOÀN-THÊM

cái bàn và cây viết

(Xin xem BK.TĐ. từ số 259)

— Ngồi làm việc sau một bàn giấy cũ, kiểu Louis XIV thế kỷ XVII, thì sao có được những ý-tưởng tân-tiến để theo kịp thời-đại mà trị nước Pháp hậu-hán thế-kỷ XX?...

Đó là lời phê-bình về De Gaulle, của một tác-giả mà tôi không nhớ tên, trên một số tuần-báo Arts cách đây dăm bảy năm.

Tôi đã liên tưởng vài lần đến câu vừa kể, khi nhìn chiếc bàn của ông Ngô Đình Diệm, trên lầu dinh Độc Lập cũ. Chẳng ra kiểu gì đặc-biệt, chỉ lớn, nặng, màu vàng nâu, phủ nỉ xanh và tấm kính, gần như của mấy nhân-viên cao cấp : một di-sản của thời trước.

Nếu quả thật có tương-quan mật-thiết giữa đồ dùng và con người, hoặc nếu nơi làm việc phản chiếu tâm-lý nhà cầm quyền, thì ý-niệm của ông Diệm về vai trò của mình không khác cái bàn kia, nghĩa là chẳng có gì đáng chú ý.

Nhưng đồ gỗ ấy không được sử dụng hàng ngày. Ông chỉ tới ngồi khi cần cho chụp ảnh quay phim, khi nói hay đọc đề ghi âm phát thanh. Phòng bị bỏ không, trên bàn chẳng có giấy tờ gì, chỉ thấy một cây cờ nhỏ và một giá bút bày làm cảnh.

Ông xét việc và tiếp nhân-viên ngay trong phòng ngủ. Ai vào cũng thấy ông ngồi lên trên chiếc ghế bành sâu, dày, bọc da rất cũ, mà không bao giờ chịu cho thay. Trước mặt, là bàn tròn nhỏ, với ống bút, hộp thuốc lá, đĩa đựng tàn, tách nước trà. Sau lưng, một bàn rộng để trồng chất lộn xộn không biết bao nhiêu tập sách, báo, văn thư lộn-tinh : nếu cần tìm gì, chắc phải bới lộn hàng giờ. Trang-trí, thì thiếu hẳn ; lạ mắt, họa chẳng có khung ảnh lớn đặt trên một nóc tủ cao, giữa hai cây nến bằng thủy-tinh : cụ Ngô Đình Khả, búi tóc củ hành, râu ba chòm, áo gấm bông vàng chữ thọ. Cách vài thước, một chiếc giường độc-thân phủ tấm chiếu hoa : phía đầu, kỷ con, cháp nhỏ, nhiều ống thuốc bỏ và những lọ dầu bạc-hà... Tóm lại, một buồng lũng củng đồ vật của một bà già thuộc thế-hệ mẹ tôi, hơn là văn-phòng của một quốc-trưởng 1960.

Nếu áp dụng câu xét đoán về De Gaulle, thì không biết tôi phải kết luận như thế nào ? Tôi bèn cho là câu ấy không thể tin vì đầy ác-ý. Để tìm hiểu một nhân vật cầm vận-mạng xứ sở tôi, phải căn cứ vào những sự-kiện nào quan-trọng hơn...

Vào các tác-phẩm như đối với Jefferson, Churchill hay De Gaulle ? Nhưng ông không viết gì cả.

Vào các diễn-văn, tuyên-cáo v.v. ? Tôi đã in thành tập đấy, nhưng lại do kẻ khác soạn thảo, và muốn hợp ý ông, thì chỉ chứa đựng những tổng-kết thành-tích với rất nhiều con số khô-khan, hoặc những lời hô hào tương-tự như của mấy ông Thủ-Tướng thời trước thời sau : đoàn-kết, nhất-trí, nỗ-lực, hy-sinh, cứu-quốc, kiến-quốc, trang sử cai-hùng cần viết lại v.v... Đôi khi, Cố-vấn Ngô Đình Nhu gài thêm dăm câu hàm-xúc, bằng tiếng Pháp dịch ra tiếng Việt, về lý-tưởng Nhân-vị hoặc lập-trường của chánh-phủ trước một thời-sự.

Hay là ý vào Hiến-pháp mà Quốc-hội đã chấp nhận đề thể hiện triết-lý của ông và ông Nhu ? Cũng chỉ có thể dựa dẫm phần nào, vì bản văn rất vắn tắt, hoặc đã được gọt sửa để giải thích cò giã, nên thiếu chính-xác nếu muốn nhận chân thâm-ý. Và lại, như tôi đã có dịp phân tích, triết-lý kia không ăn nhập bao nhiêu với phần thiết-bị chánh-quyền.

Vậy thì đứng vị vào đâu, đề nhu rõ ông Ngô Đình Diệm thấy mình là gì, muốn được coi như thế nào, và mong làm gì cho đất nước ?

Không thể có chi khác là lời và việc, miễn sao lời phải thành-thực và việc phải hiền-nhiên.

Nhưng sự khó-khăn ở đây, là ông thường có lối nói rất hàm-hồ, và công việc nhiều khi mâu-thuẫn.

Nên người quan sát phải nghe và nhìn ở nhiều dịp khác nhau, trong một thời-gian khá lâu, rồi so sánh, chấp nối, và lựa lọc, mới mong đi tới một nhận-định không quá xa sự thật.

oOo

Cuối 1955, vài nhân-viên được khâu-lijh thâu thập tài-liệu để khởi thảo dự-án Hiến-pháp.

Rồi một buổi tối, ít ngày sau khi các tài-liệu được đệ trình. ông Tổng-thống cho vời một người lên hỏi về mỗi tập thuộc mỗi quốc-gia.

Biết ông chú trọng nhất đến thể-chế Hoa-kỳ, đương-sự giờ ngay bản sơ-lược về tổ-chức chánh-quyền xứ này.

Ông phán rằng :

— Hoa-kỳ, họ cũng có cái tốt, là Tổng-Thống nhiều quyền. Làm chủ một nước, thì phải điều khiển, quyết định, không thể ủy quyền cho một Thủ-Tướng rồi ngồi làm vì. Mình có cái tệ, là đã có ông vua làm vì, ông quốc-trưởng làm bù-nhìn...

Tôi trộm nghĩ : không biết tại ai mà trước đây ông Bảo-Đại đã mất quyền từ 1954 ?

— nên Tổng-Thống không thể làm bù-nhìn cho người ta bịt mắt, qua mặt. Việc giao ai, phải trình cận kề, có đầu có đuôi, chớ tầm bậy, tầm bạ sao được ? Kẻ dưới được tin thì hay bừa bãi, có khi quá trời...

— Thừa cụ, ở những nước phỏng theo Tổng-Thống-Chế, dù giữ quyền tối-hậu, các vị Tổng-Thống đều ủy một phần thường-vụ cho một người giải quyết, Thủ-Tướng hoặc Bộ-Trưởng tại phủ Tổng-Thống, để công việc khỏi ứ đọng.

— Nước người ta lớn, nước mình nhỏ. Quyền của quốc-dân người ta giao cho mình, đặt vào tay mình vì người ta tin mình, không thể giao lại cho ai. Ông Bộ-trưởng N.H.C muốn lãnh trách-nhiệm thì cứ ký việc, nhưng đừng đổ lỗi cho ai. Đừng làm ông Thiện rồi dành cho Tổng-Thống làm ông Ác trên chùa. Mà ủy hẳn sao được? Quyền của quốc-dân người ta gửi người lãnh-đạo, chớ gửi đầu ông Bộ nào?

Tôi hiểu vì sao mấy lần xin mà không được duyệt ký một nghị-định ủy quyền chánh thức cho Bộ-trưởng để thừa-lệnh giải quyết những việc hàng ngày. Hai tủ lớn chứa đầy hồ-sơ đợi « trình cụ » quá lâu, cứ độ một tháng lại phải tạm trả về các Bộ hay các cơ-quan trực thuộc Phủ, để chờ dịp khác. Có những đề-nghị thăng thưởng ba năm chưa được xét.

— Ông Gia-Long đánh giấc, phải để mắt nhìn cả những chiếc đinh ốc đóng thuyền chiến, thợ nó cầu thả lắm. Mắt ông chủ l'oeil du maitre bao giờ cũng tốt hơn, có nhìn khắp mới xong việc, bỏ mặc là hỏng. Mình làm quan, mình nhìn từng ven đê, nó đê nước thấm mà nó đi uống rượu, đê đê lở, dân chết rồi nó mới trình...

Ông liếc qua Hiến-pháp Hoa-Kỳ :

— Người ta hai Viện vì người ta có các tiểu-bang. Mình đâu có tiểu-bang đại bang. Tốn lắm. Mình nghèo. Cãi nhau nhiều, đình đám xôi thịt. Một Viện thôi, vài chục người đủ rồi. Mà việc thì Viện việc gì, đã có Tổng-Thống làm, cả thầy dân người ta bầu mình làm việc cho người ta, thì mình cứ làm.

Rồi ông giờ đến tập Á-Căn-Đình :

— Hề hề. Cái bà Evita Péron thiệt giỏi. Ông ta nhờ bà nhiều. Đàn-bà nước người ta cũng giỏi hơn đàn-ông nước mình. Mặc đẹp, là thói đàn bà, không sao..

Tôi thấy Evita bận đồ tơ lụa và đeo nữ-trang lộng-lẫy hộ cho những kẻ áo rách mà bà thường tuyên bố hết lòng che chở : Do-decamideros. Có lẽ vì thế, một số bà « phu nhân » làm việc xã-hội, đi thăm xóm nghèo cũng diện rất sang...

— ...Người quyền trên phải trông nom người dưới...Mấy bà hôm trước cứ đi phái đoàn ra ngoại-quốc, coi bộ quê lắm, chưa đi thì kiếm người khác có mẽ hơn chút, nước ngoài, người ta chú ý lắm đến cách ăn mặc.

Tôi nhớ lại : Thảo nào, có hôm ông Bộ-trưởng phủ Tổng-thống bị triệu lên gấp từ sớm vì có việc rất cần, nhưng vừa đến nơi đã bị lưu ý :

— Coi cà-vạt ông thất lịch !

Lịch thật, vì vội, không kịp thắt ngay ngắn : ông Bộ đưa liền tay lên cổ sửa nút, rồi mới được hỏi về vấn-đề phát-thanh của Pháp tại Sài-Gòn.

— ... Portugual. Bồ-Đào-Nha. Chà, ông Salazar giỏi quá ! Mình phải hiểu rõ ông ta đi bộ tới đình làm việc. Đi bộ về nhà nhỏ. Nghèo, không biết ăn tiền. Ông đáng làm phụ mẫu dân Dân-chủ như Pháp Thụy-si, đã sao được? Có quyền mới làm được việc cho dân. Dân-chủ là làm cho dân, không phải là dân làm ông chủ sao bảo ông Tổng-Thống. Mình phải hiểu Leadership, sự lãnh đạo, khả năng lãnh đạo. Tại sao người ta gọi mục-sư là ông mục-sư? Mục là giắt, dlu giắt, chẵn giắt, nuôi đàn chiên. Chẵn giắt, mới có tình cha con thầy trò. Dân có tình, trên có tình, dưới

có tình. Mình ngay thẳng, dân mới hiểu-đề, có trật-tự. Ra đường, dân không chào là chưa có tình. Nhưng mình phải dạy lễ nghĩa. Leadership, người Mỹ chỉ hiểu máy móc. Phải hiểu tinh-thần. Mình làm quan, mình xử cho nó công-bằng, nó mến. Khi mình về vườn rồi, nó còn lên tới cho cân trà. *Giáo dân, dưỡng dân, Mạnh-Tử* hiểu Leadership, ông Salazar hiểu Leadership...

Riêng tôi không hiểu máy, vì ông Tổng-Thống nói lung-tung, đang chuyện này qua chuyện khác rồi mới trở lại vấn đề lãnh-đạo. Tôi chỉ nhận rõ ông muốn gì, ngót một năm sau, khi đọc kỹ một câu trong bản Hiến-pháp mới : *Tổng-thống lãnh đạo quốc-dân*. Thì ra Hành-pháp không phải là cơ-quan thừa hành dân-ý (Exécutif) như các nhà làm luật thường quan niệm, vì ở đây người giữ quyền hành-pháp lại có nhiều nhiệm-vụ tối-cao của kẻ đưa đường chỉ lối.

Tôi tin rằng ông cảm phục Salazar và muốn theo gương ông này để tập quyền rất mạnh. Chính-sách Salazar buộc dân vào kỷ-luật, chớ không cho tự-do hoạt động, nên phù hợp với ý - niệm *Phụ mẫu của dân* (Paternalisme politique) mà ông Ngô Đình Diệm đã thấm nhuần từ nhỏ, giữa gia-đình quan-liêu, trong đời quan-lại của ông, và ở tâm-trạng một Giáo-dân trọng tôn-ti và quen khuất phục bề trên.

Ý-niệm đó cũng củ-kỷ như chiếc ghế bành của ông, hay bàn giấy của De Gaulle. Tuy nó dựa trên một thiện-chí, tôi ngại rằng thiện-chí đó lại hiện ra tiếng quát tháo của một cha già gay-gắt, ra roi vọt của một thầy đồ cau-có muốn đòi hỏi lũ trẻ phải ngoan-ngoãn, khi thiếu-nhi thời nay thích được thân yêu và đối xử như người khôn lớn.

Trong tâm-khảm của người tự coi như bậc cha mẹ, tình thương hay pha trộn với lòng kiêu, hoặc bị lòng kiêu lấn át, lại không biểu lộ bằng vẻ cứng chiều âu yếm, nhưng bằng những cử-chỉ hay ngôn-ngữ dễ bị hiểu là ác nghiệt và làm cạn kiệt thân yêu.

Tình thân nào có thể ép buộc ? Nhưng ảo-ưởng dạy lễ nghĩa đã lây sang kẻ thừa-hành ở các địa-phương, khi họ bắt dân cúi chào, hoặc đứng dẹp bên vệ đường để nhường lối cho đoàn xe Tổng-Thống. Có bạn ông đi kinh-lý về, nét mặt hăm hăm, báo một Bộ-trưởng : « hình như người ta không biết tôi là ai ? Tổng-thống đi qua, mà chẳng có máy người cất nón ! » Cũng tội nghiệp cho ông Bộ, vì ông Bộ làm chi được ?

Bạn khác, ông đi thăm vài hôm máy tỉnh Cao-nguyên, lúc trở về chỉ thấy ở Tân-Sơn-Nhứt lơ thơ dăm bảy nhân-viên đón tiếp. Hôm sau, ông cho kêu một người thân-cận đã trót vắng mặt ở phi-trường, mà lâu-nhau trách rằng : « Người ta phải mưa nắng xem xét các nơi này trong khi các anh nghỉ, đi chơi. Người ta mệt nhọc mà chẳng ai thêm săn sóc cả. Có mỗi một Tổng-thống mà thờ ơ, lơ Tổng-thống đau, thì ai mà làm việc cho, không hiểu chi hết ! »

Tôi đoán ông Tổng-thống sẽ càng bức mình, nếu ông trông thấy trên tranh ảnh, dân thị-xã Tours cung kính ngả mũ chào thị-trưởng tu-si Chanoine Kyr, hoặc dân Stockholm hoan hô vua Gustave đạp xe đi đánh quần vợt; hoặc trẻ già ở Luân-Đôn lũ lượt nghênh giá nữ-hoàng Elizabeth hồi loan từ Úc Đại Lợi..

Khi tôi học ở trường Bưởi Hà-Nội, có ông giám-thị B tức Tàu Phè hay quắc mắt nếu không được chào như giám-học Charpin. Tôi ái ngại và buồn cười. Trước sự phẫn-nộ của ông Tổng-thống, tôi không nhớ đã buồn cười hay ái ngại?

Ông đòi thân yêu chứ không đòi sợ hãi như ông Nhu, Dung-mạo lăm-lì và cử-chỉ lạnh lùng của ông Nhu nhắc cho tôi câu của Racine gán cho Néron: bạn hay thù, miễn là sợ ta, Ami ou ennemi, il suffit qu'on me craigne. Trái lại ông Diệm vẫn yên trí là mình thương mến và được mến thương. Một người như ông mà không được cảm tình, thì thật là khó hiểu đối với ông, cũng như đối với một phụ-nữ thấy mình xinh đẹp. Ông tin rằng dân-chúng thực lòng suy tôn ông, vì ông tưởng mọi hành-động của ông đều có lợi cho dân, dù là bắt người ta dầm mưa dãi nắng hàng giờ để đón rước ông.

Ngày 26-10-1955, trước hàng vạn người được cán-bộ hướng dẫn tới vườn dinh Độc-Lập để hoan hô tập-thề, ông đã tươi cười bảo một Bộ-trưởng: « Coi bộ quốc-dân người ta hoan hô quá ! »

Sau hôm tuyên thệ nhậm chức lần thứ hai, ngày 30-4-1961, ông lại cười tươi mà thuật lại cho vài nhân-viên trong Phủ: « Dân chúng nhiều nơi bị VC ngăn cản, đã dả đảo cả VC mà xô nhau đi bầu; thiệt là can trường đáng khen. » Phải chăng vì nghe lỏm được chuyện này, hoặc biết ông sẵn lòng tin vào tình thân mến của đồng bào, mà trong bản phúc-trình về kết-quả bầu-cử, một Tỉnh Trưởng đã kết luận bằng một câu gần đúng câu vừa kể?

Ông không thể tưởng tượng được rằng người ta oán ông. Mỗi năm, cứ gần Tết Nguyên Đán, ông cho làm tiệc bánh khoản đãi nhân-viên dân-sự và quân-sự trực thuộc phủ Tổng-Thống. Ai chẳng nghĩ rằng đây là dịp hiếm có để ông gần gũi mọi cấp cộng-sự và thăm hỏi ân cần vui vẻ... Nhưng không, mỗi lần là một phen quở trách nghiêm ngặt với giọng rất sảng, về cách thức phục vụ hay tác-phong đạo đức, nhất là khi lại có kẻ đồ thêm dầu vào lửa. Có năm, một Bộ trưởng hiểu thói quen của ông, đã đón ý và xin sửa bài « huấn-từ » của ông thành một bản cáo-trạng lên án toàn-thề công-chức: nào là trề nải biếng nhác, nào là tắc-trách cầu-an, bê bối thối nát... Như thế, phải có gan dạ lắm mới nuốt nổi ly trà giữa tiệc, nên sự cộng-tác lâu năm, thay vì gây tình cố-cựu đã làm tăng nỗi bất-bình. Riêng tôi chỉ nghĩ đến những Nữ-hoàng Elizabeth hay những Tổng-thống Coty niếm nở bắt tay và ngỏ lời thân mật trước ngày Giáng-Sinh, với cả những nhân-viên thấp nhất trong cung điện Saint-James hay Elysée.

Ông bạc đãi, mà muốn người ta phải tri ân? Tôi đã sẵn lòng nuôi oán. Nhưng vì quen hoài nghĩ cả tình-cảm của mình, tôi có nghĩ lại, và nhớ rằng cứ mỗi đêm Giáng-sinh, là ông đích thân đến dự lễ ở một đồn xa lánh: thực ra, những người chiến-đấu xứng đáng được săn sóc hơn cả. Vậy nếu quả quả ông là người khinh bạc, thì chỉ như thế đối với những người ở quanh ông, những kẻ mà ông chịu đựng cũng như họ đã chịu đựng ông? Sự xét đoán của ông sai lầm, hay là tính-tình ông khắc nghiệt?

Luật Gia-đình và Luật Bảo-vệ Phong-tục bị công kích rất nhiều, đến nỗi một

Bộ-trưởng đã phải rủ vài người được ông tin nhiệm, lên xin ông cho thi hành linh-động, với tinh-thần cởi mở hơn, để tránh sự bất-mãn lan tràn ra nhiều giới: có những người đã trót ăn ở với nhau lâu năm và có con riêng, không lẽ cứ phải ruộng bỏ nhau? Thanh-niên, binh-sĩ v.v.. có vấn-đề sinh-lý gay-go, cần được giải quyết như ở nhiều xứ khác để giữ sức khỏe và thăng-bằng cho thần-kinh... Nhiều người trẻ tuổi nhân dịp hội-hè, vui chơi chốc lát mà bị bắt giữ về một tội mới, tội nháy đầm lậu... Vì cấm đoán quá ngặt, nên nhiều vụ hãm-hiếp, và nhiều trường hợp bệnh hoạn đã xảy ra khắp nơi, v.v..

Ông quắc mắt và mĩa mai:

— Gia-đình là nền tảng xã-hội. Mình phải giáo dục cho dân, không thể nuông chiều, không thể tha thứ phóng-dăng. Rượu chè, cờ bạc, nháy múa, mèo chuột, phải cấm. Các ông dạy con mà không cấm sao? Các bà nào bằng lòng cho các ông mèo chuột? Cao làm nhà cửa ở đồn-điền Thanh-Tóa, tôi đã hẹn không được chứa bà bé bà nhỏ. Bồn-phận người trị nước cũng như người trị gia. Xác thật, mình làm chủ, chớ làm nô-lệ sao? Ông Đại-biểu và Hội Luân-lý người ta kêu nhiều lắm, đã cho tôi xem tranh quảng cáo, có cái con Lô-Lô chi đó phò đui lòng thòng làm xiếc. Tôi ra chợ, thấy bán đầy đồ lạ, hỏi chi, kêu đồ ngăn sinh sản, bậy quá, ai mà dám cho nhập cảng đồ đó hại dân. Nháy múa khi người ta đánh giặc! Cứ thôi phòng nhu-cầu sinh-lý! Cấm. Chỉ có những kẻ mang hạ-bộ ở trên đầu mới nói quá to chuyện. Phải có luân-thường. Luân-thường là lẽ thường mà không còn ai hiểu sao? Cấm mà còn thế, không cấm sao được? Người hiểu biết người ta biết cho mình. Pháp, Nhật, nghe nói còn cấm mãi-dâm, hưởng hồ mình vẫn hiển?...

Tôi chợt nhớ rằng nơi làm việc của ông không khác mấy căn phòng của những bà bằng tuổi mẹ tôi, cách đây dăm chục năm...

* * *

— Chúng ta thuộc về một gia đình mà số-phận gắn liền với vận-mạng quốc-gia, nous appartenons à une famille dont le sort est lié à celui de l'Etat.

Cố-Vấn Chánh-trị Ngô-Đình-Nhu đã nói như thế vào đầu năm 1958, với một yếu-nhân là bà con của Cố, để khuyên ông này tránh một hành-động có thể gây tai tiếng cho cả họ Ngô,

Tôi thấy câu trên có thể hiểu theo nhiều nghĩa: mọi sự dở hay xảy ra cho gia-đình ông đều có ảnh hưởng xấu tốt vào tình-hình xứ sở, hoặc có hậu-quả hại hay lợi cho uy-tín của anh em ông? Hoặc là nếu gia-đình ông còn, thì quốc-gia còn, cũng như Trần Thủ Độ đã tâu vua Trần Thái Tông: đầu thần còn thì xã-tắc cũng còn.

Dù sao, ông Nhu cũng tin tưởng rất mạnh vào vai trò lớn-lao của họ Ngô. Nhưng tính-cách trọng-đại này còn được xác nhận rõ-rệt hơn nữa, khi xảy ra vụ Phật-giáo 1963.

Đề trấn an dư-luân quá hoang-mang trong dịp này, ông Tổng-Thống đã kêu gọi các giới giữ bình-tĩnh, đừng nghĩ là có sự tàn-bạo, vì còn có Hiến-pháp "nghĩa là có tôi", bốn chữ này do chính tay ông ghi thêm vào cuối câu dự-thảo.

Hiển-pháp là tôi..... có khác gì lời vua Louis XIV : Quốc-gia là Trẫm, l'Etat, c'est Moi.

Đáng lẽ ông Ngô Đình Diệm phải ngồi ở bàn giấy thế-kỷ XVII của De Gaulle, Quan-trọng hóa vai trò của mình, là một thường-tình do lòng tự-ái, có thể nhận thấy ở mọi cấp chính-quyền, hưởng chỉ ở người giữ trách nhiệm nặng nhất? Và lại, nếu không ý thức đúng tầm nhiệm-vụ rộng lớn, thì sao có tác-phong tương xứng? Và phải tin vững vào sức mình và đường mình theo, mới đủ can-đảm gánh vác, đương đầu, và dẫn thân vì nước.

Khốn thay, từ chỗ vừa phải đó, tới chỗ thấy mình siêu-việt, chẳng xa bao nhiêu. Trước hết, rất dễ gán cho tài-đức của mình, những sự thành-công hay thắng-lợi do thời-thế cho phép, hay do nỗ-lực của nhiều người cùng góp. Một khi có uy-quyền, thì hay được tán dương, dù không muốn người cũng thấy hương thơm, rồi ngậy ngất lúc nào chẳng biết. Nghe mãi những tiếng tài-năng, xuất-chúng, dũng-lực, anh-minh, cứu-tinh v.v, quá quen thì tưởng thật. Bị thời phồng thành chí-cao chí-đại, thì kết luận rằng mình phải chí-tôn, đứng trên cả quốc-dân, to lớn bằng quốc-gia, vậy mình là hiện-thân của nước : ai trái mình là ngu-muội, ai chống mình là phản-quốc, không có mình thì có họa diệt-vong.

Không rõ tôi đã đứng trước trường-hợp nào vừa kể?

Lời của Trần-Thủ-Độ chỉ tỏ ý-chí cương-quyết để trấn tĩnh lòng vua trong cơn nguy-biến. Nhưng lời của ông Nhu và ông Diệm, phải chăng đã biểu lộ và chỉ biểu lộ một sự tự-tin quá mức, hay một ảo-tưởng đáng ngại vào sứ-mạng của mình?

oOo

Một hôm, vào đầu 1956, ông Tổng Thống ngó một tờ trình, thấy những nét chì đỏ ở dưới vài câu; ông hỏi ai đã vạch như thế?

Văn-phòng đã gạch theo lệ thường, đề lưu ý cấp trên đến những điều, hay những đoạn quan-trọng.

Ông sầm nét mặt mà quở :

— Không hiểu chi hết! Nét son chỉ dùng để châu phê. Ngự châu phê mới được dùng cây bút son. Mà không ai có quyền đánh dấu hay phê vạch chi hết trên các tờ trình!

Hậu-quả, là từ đó, phần đỏ cây viết chì xanh-đỏ của các cao-cấp trong Phủ, vẫn còn nguyên vẹn khi phần xanh đã cụt,

Chỉ có những chữ Y, chữ Bác, hay lệnh của "Người" mới in nét mập và sâu trên những văn-kiện phải đệ.

Bạn S. biết chuyện, đã bật cười :

— Thế thì những công-văn phải trình, đáng lẽ nên gọi là Sớ hay Biểu thì đúng hơn.

Mới đầu, tôi nghĩ rằng đây chỉ là một thói quen hoặc một sự lệch-lạc vì nghề-nghiệp (déformation professionnelle) của một ông cựu Thượng-thơ triều Nguyễn,

chứ khi nào ông Tổng-Thống lại tự coi mình như một đế vương ?

Nhưng trí tưởng-tượng của tôi càng bị ngõ-ngang, khi thấy một Bộ-Trưởng bị trách.

— Ông phải dạy cho nhân-viên rõ. Trình tôi, mà cuối tờ trình chỉ mang vắn vắn mấy chữ « nay kính trình » thì coi sao được !

Ông Bộ-Trưởng lúng-túng, không hiểu.

— Thế ông quên rồi sao ? Trước kia, viết trình ông Bảo-Đại, thì nói thế nào ? Thôi, phải rồi :

Còn thiếu « tấm lòng cung-kính tri-ân và trung-thành bất-diệt » mà người ta phơi bày ở câu kết những phúc-trình đệ lên Đức Quốc-trưởng ngự lãm.

Rồi về sau, không tờ trình nào thiếu câu trên, và quả-nhiên Người không quở trách gì nữa.

Sự độc-quyền về bút chì đỏ, còn lan rộng ra nhiều vật khác có ý-nghĩa tượng-trưng. Trong thực-tế, quốc-kỳ không còn phát phới trên xe hơi của Bộ-trưởng như ở dưới chế-độ cũ, phải dành riêng cho Mercedes hay Chrysler của Tổng-Thống, và chỉ còn được đặc-biệt dung thứ với tính-cách lệnh-kỳ trên xe của Tổng-Tham-mưu trưởng, sau nhiều tuần xét đi xét lại. Nhưng Đại-tướng L.V.T. không còn được áp tải như Tướng N.V.H. hồi 1954 bằng mấy cặp mô-tô bình bịch : chỉ có đoàn vệ-binh hộ tống Cụ mới được sử-dụng xe này. Tôi liên tưởng đến những điều-lệ triều-đình nghiêm cấm các cấp quan-lại và thần-dân không được dùng những sắc vật dành cho nhà vua, hoặc ăn mặc xây cất lộng-lẫy để có ý ganh đua với oai-nghi thiên-tử : nếu dám trái, có thể bị đàn hạch là lộng-hành.

Ông Tổng-thống luyện tiếc các biểu-hiệu quân-chủ, nên tái lập Kim-Khánh của nhà Nguyễn và công nhận là huy-chương cao nhất của V.N Ông gây lại không-kiếm cung đình, đặt lễ-phục gấm lam khăn đen cho các nhân-viên cao-cấp, và chỉ nhận chúc Tết Nguyên-Đán vào sớm ngày mồng một. Đã có vài người xin ông cho chúc vào chiều ngày 30, vì Tết đầu năm là ngày của gia-đình, và theo cò-tục, buổi sáng dành cho gia-tiền, đa-ô còn phải đèn nhang cúng vái, hoặc mừng tuổi ông bà cha mẹ. Ông không nghe, vì theo ông, xưa kia phải triều-bái ở điện Thái-Hòa hoặc ở Vọng-cung các tỉnh, nghi đến vua rồi mới đến nhà, vì vua là nước. « Vua ban hồng-phước không tốt hơn là chờ người xông đất hay sao ? »

Bởi vậy, cứ tám giờ mồng một, là hàng trăm người, cả nhân-viên lẫn đại-diện đoàn-thể dân-chúng, đành phải xúng xịch áo khăn vào cầu ơn trên phù hộ cho ông.

Một công-chức bực quá đã thốt ra một câu chua-chát :

— Thôi thì coi bái-khánh như một công-vụ đã được tính vào số lương tháng rồi !

Có lẽ vì thế mà hai tiếng Ngô-triều đã được nói đến, ngay từ 1957, chứ không phải từ sau Cách-Mạng 1963, do một tôn-thất nhà Nguyễn đương làm Giám-tốc một Nha : ô. V.D.

S. lại bảo :

— Ngô-triều cũng chưa đúng hẳn. Muốn đổi lại với Dân-chủ Cộng-hòa ngoài Bắc, ta nên kêu chế-độ miền Nam là Quân-chủ Cộng-hòa do một Tổng-đế thống-trị.

Sự thống-trị này, vẫn bị gọi là gia-đình-trị. Nhưng gia-đình-trị không phải do ông Ngô đình Diệm và anh em nghĩ ra và đặt ra đầu tiên. Sự can-thiệp vào nhiệm vụ ông anh chẳng qua chỉ mô phỏng hoặc tiếp tục nếp cũ của các hoàng-gia thời trước. Một người làm vua, nhưng họ hàng thân thích gần xa có thể xen lẫn nhiều ít vào công việc triều-chính, hoặc chia xẻ quyền-lợi của người trị vì, với tư cách ông hoàng bà chúa. Nếu sự tin-dụng ông Nhu ông Cần v. v. . . còn do nhiều lẽ khác, thì sự dung - dưỡng các ông này mặc dầu bị chỉ trích nhiều, cũng một phần vì sự tham-gia việc nước của anh em ruột, được ông Tổng-Thống coi là rất tự-nhiên và không thể chê trách vào đâu. Theo ông, có ai nói gì, khi các vua Trần dùng những Trần-Nhật-Duật hay Trần - Khánh-Dur, khi ông Bảo-Đại dùng Bửu-Lộc hay Vĩnh-Cần ! Song nhận định như thế, là gián-tiếp coi mình như vương-giả ?

oOo

Trong nhiều năm, tôi đã thấy lạ. Tôi tự hỏi không hiểu vì sao ông có quan-niệm như trên về vai trò của ông, để bị chê bai là quá lỗi-thời. Nếu quả ông lạc-hậu, thì ít ra cũng còn ông Nhu thuộc sử và thừa rõ lẽ tiến-hóa ?

Ông Nhu đọc sách nhiều và nghĩ nhiều về vấn-đề chậm tiến. Nhưng phải chăng ông lánh trong tháp ngà, nên không theo kịp tâm-lý của quần-chúng và nhu cầu của thời-đại ?

Tôi rất ngờ rằng ở hai lãnh-vực này, có nhiều sự thật mà ông không biết, phần vì thiếu tin-tức đích xác, phần vì quá bận việc chống chọi để bảo vệ chánh-thề, phần vì không tin rằng có thể thấu phục nhân-tâm và hòa hợp với đa-số. Đã có lần ông bảo một cộng-sự : «Minh khoẻ thì họ theo, thấy phải thì cứ làm, đừng có mong ai thương mến mình hết.»

Chắc vì thế mà khi tổ-chức Thanh-niên Cộng-hòa, ông chẳng hề tìm cách thu hút thành-phần ưu-tú nhất, là sinh-viên. Sinh-viên không được ông chú-ý và gần gũi, tuy ông thừa tư-cách. Nên ông không rõ những người trẻ tuổi hiện nay cần gì, muốn gì, và có thể làm gì hơn người lớn ? Ông không tự hỏi chủ-nghĩa Nhân-Vị có lời cuốn nôi không những thế-hệ đầy thắc-mắc và đòi sống mạnh ? Những quan-niệm của ông về quốc-gia, xã-hội, dân-tộc, ông chưa từng thử thách xem có thích ứng hay không với tuổi hai-mươi, nghĩa là với tương-lai xứ-sở ?

Cũng như ông Nhu, ông Ngô-Đình-Diệm không sống với thanh-niên, nhưng với phụ-huynh của họ, những chủ gia-đình có trách-nhiệm và phải có uy-tín : bảo được họ, là bảo được con em ; họ lại ít nhu-cầu hơn, muốn được yên hơn là cần đổi mới. Nên ông nghĩ có thể quay về dĩ-vãng, với những ý-tưởng cũ và chính-sách cũ đã duy trì trật-tự ngày xưa.

Hình-ảnh của ông về người đàn, là hình-ảnh của người quần nâu áo vải thò

Pháp-thuộc : chịu nhậu-nại, quen khuất phục, dễ cai-trị theo đường lối giản-dị. Ông tái lập « Chánh Tổng » như ở Trung và Bắc trước 1945, dù gọi là « Cai Tổng », ông cũng không nghe, vì « Chánh Tổng » oai hơn, nhiều quyền và được dân kính nể hơn. .

Theo ông, dân ta hiền lành, muốn trị an, chỉ cần cho ấm no. Ông quên rằng no ấm hơn cả là dân thành-thị, mà chính thành-thị lại là nơi có nhiều nhất những phe nhóm đối lập với ông. Ông cho là người dân thuần-hậu chất-phác, vì mỗi khi đi kinh-lý, ông chỉ được tiếp xúc với người già cả : ai đề ý, tất thấy như vậy trên phần nhiều các ảnh Thông-tin. Đa-số thanh niên bị VC bắt hoặc lẩn tránh lên các thành-phố kiếm ăn ; từ khi ra đời, họ đã trải loạn-lạc, đã cảm khác, nghĩ khác bác Nhiều hay ông Xi thời xưa, và không có dịp tìm hiểu lại những nền nếp cũ đã bị phá hủy từ 1945, tuy ông Diệm tưởng vẫn còn được giữ gìn hay miễn tiếc : « Phải đề quyền cho cha anh, cho đàn anh, ông Ayuh Khan bên Hồi-quốc muốn gây dựng dân-chủ Démocratie de base từ xóm làng, là chí phải, mình có sẵn thì mình đừng đề mất. »

Tại dinh Độc-Lập hay dinh Gia-Long mỗi năm vài lần, trong dịp khánh-tiết, ông tiếp các đại-diên của rất nhiều đoàn-thể : không bao giờ thấy văn-nhân, nghệ-sĩ, thanh-niên trí-thức. Chắc ông biết rằng thành-phần này đòi hỏi đối-thoại chứ không chịu đến nghe huấn-từ. Thỉnh thoảng, ông chỉ tới thăm một hạng sinh-viên có bổn-phận phục tòng : sinh-viên các trường võ-bị.

Thiếu liên lạc với những giới đòi tiến mạnh nhất vì có đời sống tinh-thần hiếu-động, ông không có dịp theo dõi các trào-lưu tư-tưởng, các biến-chuyển của phong-tục và sinh-hoạt, các ảnh-hưởng ngấm-ngấm hay rõ-rệt từ các phương trời lạ lan tới miền Nam đất Việt.

Đất Việt được ông biết nhiều hơn người Việt. Vì đất còn mang nặng vết tích thời qua mà ông dễ nhận, chưa thay đổi mấy từ khi ông ra làm quan, vẫn còn sơ-sác nghèo-nàn, hoặc hứa hẹn xanh tốt mà chưa được vun trồng hay xây dựng. Nhưng con người đã bị vùi dập, xô đẩy, lôi kéo khỏi những cổ-lệ, những hương-tục những qui-cũ và giá-trị mà ông yêu trí là vĩnh-cửu.

Ông thuộc nhiều tên quận, tên xã, tên núi, tên sông rạch, ở Kiến-Tường, Darlac hay Quảng-Nam... Ông đã tốn nhiều ngày giờ thăm nom và đặt tên chữ Hán cho những Dakto, Dakhut, Cheo-Reo hay Blao... Nhưng thực ra, ông chú-ý đến cảnh-vật và thổ-sản hơn là dân-tình : cấp hữu-trách hay che giấu ông, và chính ông vẫn tưởng là đã thừa hiểu biết.

Ông nhớ vùng này có cây gì, địa-điểm kia có thể thành khu trú-mật, nhưng không rõ rằng ng rời nơi đó không chịu nổi cường-hào, rằng con gái nông-thôn cũng ưa uốn tóc, rằng bô-lão không còn uy-thể như khi ông làm tri-huyện, rằng J. P. Sartre hay Brigitte Bardot đã thành thần-tượng của một số khá đông vì họ không biết đem gửi cho ai những hoang-mang và sôi-nổi có thừa. Ngay đến ý-niệm về sinh-hoạt hàng ngày, cũng rất thiếu sót ở một người vẫn cho là mình gần dân. Ông đã báo một nhân-viên có vợ và bốn con, vào năm 1960 : lương ông mà những năm ngàn thì tiêu sao hết ?

Nói tóm lại, giữa người cầm quyền và người dân, không có sự tương-hiệu.

Ông tin rằng dân theo ông, và chỉ bực mình vì triết-lý và chính-sách của ông chưa được thấu đáo mà thôi.

Nhưng đa-số lại có nhiều lẽ để trách ông không chịu tìm hiểu, và chỉ khăng-khăng nghĩ và làm theo ý mình.

Sự thiếu thông-cảm, ngay từ 1959-1960, đã gây một bầu không-khí gương ép và chứa đầy lo ngại, tuy cả hai bên đều mong muốn một ngày mai êm đẹp...

Đ. T.

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

của ĐOÀN THÊM tá giả "20 năm".

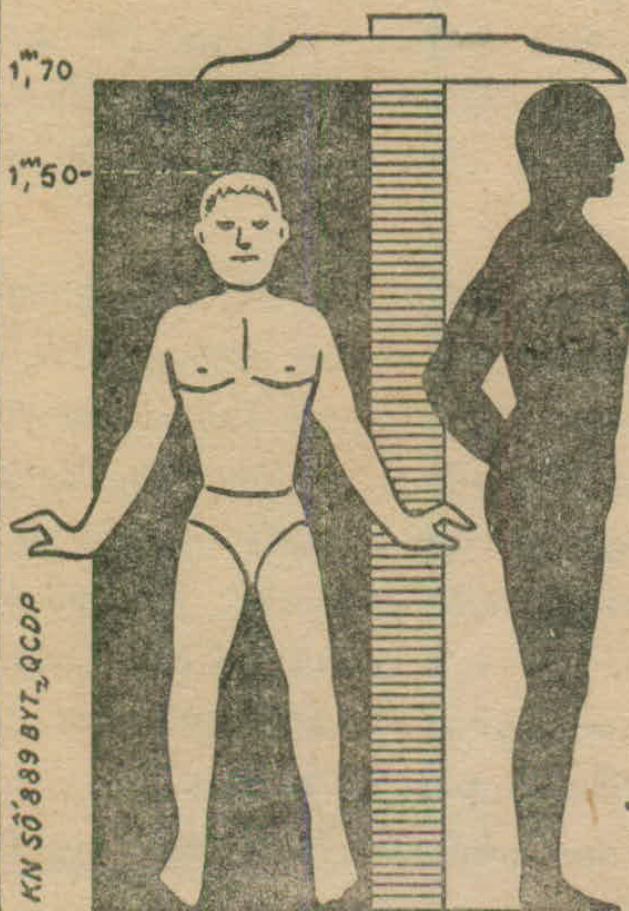
Các biển chiến lớn từ Thế-chiến thứ 2 với đủ mặt các vai tuồng trên chiến-trường Việt-Nam

Xin hỏi : NAM CHI TÙNG THƯ.

số 3 Nguyễn siêu Saigon
hoặc các hiệu sách lớn Đô-thành

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

Lá thư Ba-tư

Têhêrân Mùa Thu 1967

Ng. xa cách,

Lần này máy bay đến Têhêrân cũng về khuya, như lần trước, cách đây đã sáu năm. Cả đô thành sáng rực đèn điện dọc theo đường, lớp đèn nê-ông của các hiệu, chói lên muôn màu nghìn sắc, như một nữ trang không lồ. Ai đến Tê-hê-rân về đêm cũng trầm-trồ khi nhìn qua cửa kính của máy bay.

Lần trước, đến đây côi-cút, không người đi đón, vì điện-tín báo tin thất lạc. Phải tự-động tìm xe tắc-xi về một khách-sạn nào đó, nghỉ đến sáng, vào nơi họp, họ mới cho xe chở hành-lí về ở chung một nơi với những người dự hội. Lần này, chưa ra khỏi phi-trường đã có một phái-đoàn, trong tay cầm sẵn một xấp giấy có tên tôi, có nhiều người còn nhớ mặt tôi niềm nở đón chào. Cứ trao giấy thông hành, giấy hành lí cho họ, mình vào một cửa riêng như thượng khách, ngồi đợi trong nửa giờ thì mọi việc xong xuôi; hộ-chiếu sẵn sàng, hành-lí khỏi phải khám và được đưa ngay về khách-sạn quốc-tế ở Tehran (Teheran International Hotel). Khách sạn này mới khai trương vừa được hai tháng, thuộc về loại sang và mắc nhất ở Têhêrân như khách sạn Commodore hay Hilton. Ban tổ-chức muốn cho tất cả người dự hội nghị có thể ở chung một nơi, vì khách sạn này có tới mấy trăm phòng, và không xa Bộ Văn-Hóa Nghệ-thuật, là nơi hội họp, lại cũng muốn đãi khách một cách thật hậu, nên không ngại tốn kém.

Sắp xếp hành lí vào phòng, đã ba giờ rưỡi sáng. Mệt mà không ngủ được. Thành phố Têhêrân ở cao hơn mặt biển gần 1500 thước. Bạn có đi núi, chắc biết rằng phải năm ba hôm mới quen với không khí vùng núi hay cao-nguyên. Trần-trọc đến gần sáng vừa thiếp đi một chút thì điện-thoại reo lên: ông Yehudi Menuhin cho hay phải sửa-soạn đề trong nửa giờ sau đi thử máy vi-âm tại phòng hòa-nhạc của Bộ Văn-hóa Nghệ-thuật, vì trong buổi khai-mạc, một số nhạc sĩ được mời trình diễn, trong đó có Việt-Nam. Vậy mà trước khi rời Pháp, tôi đâu có biết trước đề liệu đến sớm một hôm nghỉ khỏe rồi mới trình diễn, chớ đằng này, chân ướt chân ráo, ngủ chưa thẳng giấc lại phải dượt đàn.

Xe hơi của Bộ Văn-hóa chờ từ hơn nửa giờ rồi. Không kịp ăn điểm tâm, không kịp chào hỏi những bạn quen thân như Giáo-sư Nhật Kishibé, bà Bautista ở Phi-Luật-Tân, tôi vội-vàng cùng đi với ông Menou, Ông Giám-đốc Đại phát thanh Ấn-độ, nhạc sĩ Yehudi Menuhin và ông Liu, nhạc sư ở Đài-bắc, đến phòng hòa nhạc của Bộ Văn-hóa. Không có đi đâu mà tìm được cái bàn nhỏ vừa

cho đàn tranh bằng ở Ba-Tur. Tại đây họ có cây đàn Santour (xăn-tua) như đàn bán nguyệt hay là đàn tam thập lục bên mình, mà to hơn, họ cần có một cái bàn nhỏ vừa cho cây đàn lại vừa tầm tay, nên trong phòng hòa nhạc nào cũng sẵn có bàn cho đàn Santour. Bàn đó lại rất vừa cho đàn tranh.

Thử tiếng đàn xong, về khách-sạn họp lần đầu, đề ông Yehudi Menuhin chào những người dự hội, phát dấu hiệu, những bản thuyết trình, và sau khi ăn trưa vội vàng, ai nấy thay quần áo để dự lễ khai-mạc.

Trời cuối hè ở Ba-Tur còn nóng lắm. Vào giờ trưa, hàn thử biểu chỉ 30, 32 độ là thường. Nhưng được cái nóng khô như ở Ấn-Độ miền Bắc, chứ không phải nóng ướt át làm tuôn mồ-hôi như ở Phi-Luật-Tân hay bên nhà. Dầu sao, mặc quốc-phục Việt-Nam, cổ gài kín, đầu bịt khăn đóng, bạn tưởng tượng tôi bị nóng bức nào ?

Đến nơi, sắp đàn vào hậu trường xong, tôi cùng đi với mấy chục người dự hội vào một phòng lớn trên tầng thứ nhất để ban tổ-chức giới thiệu từng người cho bà hoàng-hậu Farah Dibah, vì bà là chủ-tịch danh-dự của hội-nghị Téhéran và nhạc-hội Shiraz.

Sau bài diễn-văn khai mạc của ông Pahlbod (Pan-Bốt) Bộ-trưởng văn-hóa và nghệ-thuật, lần lượt ông Yehudi Menuhin Chủ-tịch quốc-tế hội Âm-nhạc Á-châu, ông Hacobian (Ha-cô-bi-ăng) Tổng Giám-đốc Văn phòng Bộ Văn hóa và nghệ thuật, ông Menon. Chủ tịch Hội-đồng quốc tế âm nhạc, Giáo-sư Barkechli (Bạc-kê-sơ-li) và ông Nabokov, lần lượt cám ơn bà Hoàng hậu và Cơ-quan văn hóa Liên-hiệp-quốc đã ủng hộ về mặt tinh thần và tài chánh, đề hội nghị có thể triệu tập nhiều nhạc-sư, nhạc-sĩ từ các nơi đến Tê-hê-răng để bàn về « Giáo-dục âm-nhạc trong các nước Á-Châu ».

Đến phần trình diễn nghệ thuật, ông Liu-yi-chi (ta đọc là Luru Nghị Chí) dạo đàn Nam hồ, cũng như đàn cò, đàn nhị của ta mà ống đàn to, mặt ống hình bát-giác, cần dài, kể rồi ông dùng đàn tỳ bà đánh bài « Dươ 1g xuân bạch tuyết », một bản đàn độc-tấu rất khó trong cò-nhạc Trung-hoa. Tôi rạo đờn tranh và vừa đờn vừa ca một bài Nam, hơi Ai, bà Sharan Rani đàn một khúc tùy hứng của Raga Bhairavi, ông Yehudi Menuhin đàn độc tấu vi-cầm bài mở đầu của loạt bài viết trong cung Mi trưởng của J. S. Bach (Yô-han-xê-bá-xiê-n-Ba-khơ). Nhạc-sĩ Ba-Tur trình bày một bản loại « tân nhạc » do danh ca Fakherh Saba (giọng nữ trầm) trình bày và nhạc-sĩ tác giả bài hát ông Melik Aslanian đệm đàn piano. Phần nhạc cổ-truyền của Ba-tur do bà nhạc-sư : Faramarz Payvar (Fa-ra-ma-zơ Pây-va) đàn Santour, bàn 72 dây gỗ bằng hai chiếc mezarab bằng gỗ, Asghar Bahari (A-xơ-ga - Ba-ha-ri) đàn Kamancheh (Cả-măn-sê) đàn 4 dây có cung kéo, và ông Hossein Tehrani (Hô-xen Tê-hê-ra-ni) đánh trống Zarb. (Zạc-rơ-bơ)

Sau buổi hòa nhạc, tất cả những người dự hội xem phòng triển lãm nhạc khí và những bức tể-họa theo truyền thống Ba-Tur, lớp dạy thủ công, chạm đồng, chạm gỗ, dệt lụa, dệt thảm rồi về khách-sạn, nghỉ một chút, lại phải đi dự tiệc do Ông Bộ-trưởng Văn hóa đãi. Không có ngày nào mà chúng tôi bị đứng nhiều như hôm nay. Ban chiều đã đứng trong phòng họp gần 40 phút để được giới thiệu với bà hoàng-hậu, vừa đứng vừa đi trên một giờ trong phòng triển-lãm và trường dạy thủ công,

bây giờ lại đứng ăn từ 10 giờ tối đến khuya. Tiệc thật sang, thức ăn và rượu không thiếu chi cả từ trứng cá caviar mà bên Pháp mắc như vàng, đến các món gà nướng, trứu nướng, và cơm hấp, cơm chiên. Nhưng trong phòng ăn làm gì có đến cả ngàn cái ghế ngồi, nên mỗi người tự lấy đĩa, dao nĩa, rồi lựa món nào thích thì tự sốt lấy rồi đứng mà ăn.

Khuya về nhà rã-rời mà không ngủ được vì chưa quen phong thổ. Sáng sớm, 9 giờ đã đi đến phòng họp. Về chương trình hội nghị, những bài thuyết-trình hay những lời tham luận, tôi sẽ viết một bức thư sau cho bạn.

Sau khi thuật lại cho bạn nghe ngày đầu trên nước Ba-tư của tôi bạn rộn từ sáng đến khuya, tôi nói sơ cho bạn nghe về nếp sống bên này ngày nay.

Về đời sống vật-chất thì châu-thành có vẻ sạch hơn xưa, ít rác rến đọng ở mấy cái rãnh nhỏ dài theo đường phố, nhà cửa cất thêm rất nhiều. Vùng khách-sạn quốc tế Téhéran mấy năm trước còn là đất bỏ hoang, nay họ cất thêm nhiều khu nhà, theo loại « buyn-đinh » 3, 4 tầng, có đủ tiện-nghi. Năm 1961, tôi đến thăm nhạc-sư Hossein Malek (Hô-xayn Ma-lách) tại căn nhà cũ của ông, chật hẹp, ở liền với xưởng đóng đàn. Nay ông đã mua ở vùng này một ngôi nhà có 5, 6 phòng, có máy điều hòa không khí, cách khách sạn chúng tôi ở độ 500 thước. Ngoài đường xe hơi vẫn tấp nập, có phần tấp nập hơn xưa, mà mỗi người lái xe là đua nhau lách bên phải, bên trái, bất chấp đèn đỏ, lằn vàng, linh thấy người nào chạy « ẩu » quá thì lắc đầu rồi thôi, nên mỗi sáng, mỗi trưa, trên đường từ khách sạn đến nơi họp ai cũng phập phồng lo sợ. Có điều lạ là số tai nạn xe hơi trong thành phố không nhiều hơn các châu thành khác. Mấy anh tài xế đã chẳng tự hào nói với chúng tôi: « Các ông đừng sợ. Tội tôi đâu phải là tài xế. Là nghệ-sĩ của tay bánh mà! » Các ông « nghệ-sĩ » thích vọt sang bên trái, chạy đâm sầm vào đầu xe ô-tô-buýt, còn cách vài thước nữa là lách sang bên phải, len vào khoảng nhỏ giữa xe « buýt » đằng kia đi lại và những chiếc xe đằng sau đang vọt tới, làm cho cô thư ký hội nghị người Pháp, đã mấy lần xuýt chết giắc vì sợ.

Ngoài đường, không thấy người ăn xin, số người ăn mặc lôi thôi và đau mắt ngày nay ít hơn trước. Tuy vậy gặp du khách, trẻ con ở Isfahan — một đô thị cách Téhéran hơn 400 cây số mà có dịp tôi sẽ nói trong bức thư khác — vẫn còn chia tay nói « money » xin tiền. Bên này, nhà nghèo ăn uống kham khổ lắm. Mấy lần vào nhà của những người thợ chạm gỗ, chạm đồng mà xem, tôi liếc thấy trẻ con chỉ ăn bánh mì lát, trét một chút pho mách trắng và củ hành mà thôi. Bánh mì bên này họ cán dẹp như bánh phồng bên mình, mà hình tam giác chớ không tròn. Mua về họ cắt ra từng miếng nhỏ để ăn. Mấy năm trước giá bánh mì thứ ngon là 12 Rials một kí lô. Năm nay, chỉ còn 9 Rials một kilô — (Một đồng Rial bằng lối 2 đồng bạc ta). Nhờ đánh thuế nặng xa-xi phảm, lấy tiền đó trợ cấp cho mấy tiệm bánh mì mới có thể giảm giá những thức ăn cần thiết cho dân nghèo. Kề ra thì giá sanh hoạt cũng khá cao. Gà thì lối 90, 100 Rials (180đ—200đ) một kilô, thịt trứu 130 Rials. Trái cây, rau cải thì rẻ, như nho chỉ có 10 hoặc 12 Rials một kilo (20đ hoặc 24đ) đào 14, 15 Rials 1 kilo.

Lương bổng bên này cũng khá cao. Lương tối thiểu là 100 Rials (200đ) một ngày. Tài xế xe tắc-xi lãnh 250 R (500đ) một ngày, tài xế xe ô-tô-buýt 400R (800đ) một ngày. Xe tắc-xi đi rất rẻ. Trong thành phố Shiraz bất cứ đi từ đâu đến đâu cũng được, hễ đi một cuộc là 5 Rials (10đ). Có ai đưa tay gọi là xe ngừng và chở thêm hành khách. Không phải chỉ có Mỹ mới được xe chở như bên mình. Nếu muốn đi một mình, bao hết xe thì phải trả 50R (100đ). Thợ ký thường lãnh lối 10 000R (20.000đ) mỗi tháng. Nhân viên thuộc hàng cán bộ, lãnh lối 20.000R (40.000đ) 1 tháng mà còn thêm tiền thưởng, tiền phụ cấp gia đình, tiền trách vụ, nên có thể lãnh đến gần 40.000R (80.000đ) 1 tháng. Giáo sư Đại-học cũng lãnh chừng ấy lương. Có khi hơn nữa. Giáo sư trường Đại-học Pahlavi ở Shiraz lãnh lối 60.000R đến 70.000 Rials (120.000đ đến 140.000đ) một tháng. Giá các thứ hàng tùy theo chỗ bán và mặt người mua mà thay đổi. Thường một chai Pepsi Cola, trong một tiệm nước cho người bản xứ, chỉ tốn 7 Rials (14đ) trong mấy rạp hát bóng 8 Rials (16đ) tại những khách sạn thường 12 R (24đ), khách sạn sang hơn 1 chút 15R (30đ) và chỗ khách sạn Teheran International Hôtel mà Bộ Vău Hóa của chánh phủ Ba-Tur thuê cho chúng tôi ở, một chai Pepsi Cola giá là 20R thêm vào 15 phần trăm tiền người dọn bàn thành ra 23R (46đ). Cũng 1 chai Pepsi Cola mà giá tùy chỗ khác nhau đến gấp ba : 7 R và 23 R.

(Còn tiếp một kỳ)

TRẦN-VĂN-KHÊ

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.C

Nobel khoa học 1967

- Giải vật-lý-học** : Giáo sư Hans Albrecht Bethe (Hoa-kỳ)
- Giải vật-hóa-học** : Giáo sư Manfred Eigen (Đức)
Giáo sư Ronald George Weyford Norrish (Anh)
Giáo sư George Porter (Anh)
- Giải sinh-lý và y-học** : Giáo sư Ragnar Granit (Thụy-điền)
Giáo sư Kaldan Keffer Hartline (Hoa-kỳ)
Giáo sư George Wald (Hoa-kỳ).

Hội đồng các Giáo-sư Viện Karolinska ở Stockholm năm nay quyết định thưởng giải Nobel sinh-lý và y-học cho ba Giáo-sư Granit, Hartline và Wald vì đã có công « khám phá những hiện-tượng hóa-học và sinh-lý-học sơ-đẳng về thị-giác trong mắt ». Nhớ lại cách đây hai năm, hai Giáo-sư Feynman và Tomonaga đã được tặng giải Nobel vật-lý-học nhờ những công tác về hạt ánh sáng. Như vậy ta thấy liên quan giữa các ngành khảo-cứu, tuy xa xăm về thể-thức nhưng luôn cùng nhau đồng tiến vì đều cần thiết cho cuộc tiến triển của nhân-loại. Đáng khác, các giáo-sư Thụy-điền đã tỏ ra có ý liên-tục trong cuộc chọn tuyền.

Bên Hàn-lâm-viện Thụy-điền thì, sau 2 giờ rưỡi một buổi họp cuối cùng đã bỏ phiếu thưởng giải Nobel vật-lý-học cho Giáo-sư Bethe, có công khảo-cứu về « lý-thuyết các phản-ứng hạch-nhân và đặc biệt về cuộc sản-xuất năng lượng trong các ngôi sao ». Thật ra, Giáo-sư Bethe còn có công trong cuộc khảo-cứu các vi-thể sơ - đẳng như meson và electron. Chính ông đã đề-nghị sự hiệu-hữu của hạ vi-thể meson chứ không phải một và giải-thích sự chênh-lệch giữa những trị-số lý-thuyết và thực-nghiệm của electron vì có tương-tác giữa lectron và từ-trường của nó.

Một giờ sau, người ta biết thêm một nửa giải Nobel vật-hóa-học về tay Giáo-sư Eigen, còn một nửa kia thì chia cho hai Giáo-sư Norrish và Porter. Cả ba đều chuyên môn học hỏi về « những phản-ứng rất lạnh mà tìm hiểu được cơ-chế nhờ dùng những xúc-động năng-lượng rất ngắn để phá-hủy thăng-băng của phản-ứng ». Nếu giải sinh-lý và y-học đã được thưởng cho những công tác có lợi-ích dễ thấy vì dính dấp trực tiếp đến con người, giải vật-hóa-học chỉ lưu ý đến những nhà chuyên môn về ngành hóa-động.



Giáo-sư Bethe

Chu-ký Bethe và năng-lượng mặt trời.

Giáo-sư Bethe sinh năm 1906 tại Strasbourg, lúc bấy giờ thuộc Đức. Tuy thân phụ ông là Giáo-sư sinh-lý-học, ông đi học vật-lý-học ở Frankfurt và được bổ làm Giáo-sư ở Munchen và Tubingen. Năm 1933, lúc Hitler lên cầm quyền, ông qua Anh dạy ở Manchester và Bristol. Hai năm sau, ông lại qua Hoa-kỳ và từ năm 1937 giữ ghế vật-lý-học lý-thuyết ở Viện Đại-học Cornell (Ithaca). Từ năm 1943 đến năm 1946, ông được cử làm giám-đốc phân-khoa vật-lý-học ở Los Alamos trong kế-hoạch bom nguyên-tử. Từ năm 1956 đến năm 1964, ông là nhân viên Ủy-ban tư-vấn khoa-học của chính-phủ Hoa-kỳ.

Ông rất nổi tiếng về những công tác trong ngành vật-lý-học lý-thuyết. Cùng với Heitler, ông đã khám phá ra lý-thuyết chùm-thác trong các tia vũ-trụ. Nhưng được biết nhiều hơn là những khảo-cứu của ông về lý-thuyết phát sinh năng-lượng của mặt trời cùng những ngôi sao khác. Năm 1938 đồng thời với Karl von Weizacker ở Đức ông đề

nghị một chu-ký biến-hóa nhiệt-hạch để giải-thích nguồn năng-lượng vi đại đã chế-ngự đời sống của ta. Ngày nay chu-ký ấy mang tên ông : chu-ký Bethe (Có nhiều người đề-nghị dùng : chu-ký Bethe-Weizacker).

Ta biết nhiệt-độ trong ruột mặt trời rất lớn và những phản ứng nhiệt-hạch giữa nhân nguyên-tử khinh-khí và nhân những nguyên-tố nhẹ thao diễn rất lạnh để cho phát ra năng-lượng. Người ta cũng biết mặt trời chứa rất nhiều khinh-khí (khoảng 350/0), chỉ còn tìm những nguyên-tố khác có thể dự phần vào phản-ứng. Muốn vậy, người ta tính tốc-độ sản-xuất năng-lượng của tất cả những phản-ứng hạch-nhân có thể, rồi đem so với sự phát quang của mặt trời xem phản ứng nào thích hợp nhất.

Ví dụ phản-ứng giữa khinh-khí và lithium thì quá lạnh, không thể dùng làm năng-lượng từ từ được. Thật vậy, sự biến hóa khinh-khí và lithium ra khí helium chỉ cần có vài giây đồng hồ. Nếu có nhiều lithium trong mặt trời thì năng-lượng phát ra thành một sức nổ dữ dội làm tan vỡ mặt trời ra ngàn vạn mảnh. Trái lại những phản-ứng như giữa khinh-khí và dưỡng-khí thì lại quá chậm...

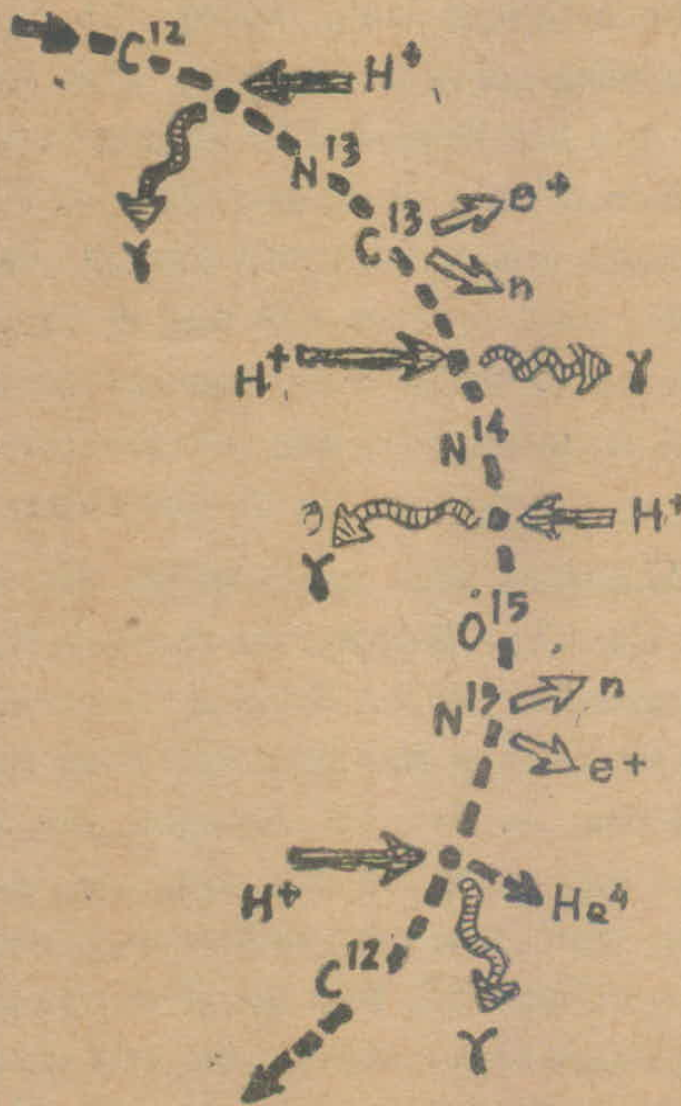
Một hôm, năm 1938, trên tàu lửa đi dự hội-nghị Vật-lý-học lý-thuyết ở Washington về, giáo sư Bethe tự bảo : « Dù sao cũng chẳng khó tìm ra một phản-ứng vừa phải... ». Tức thì suy nghĩ, tức thì thực hiện : ông lấy giấy cặm cụi tính toán, trước mắt ngạc nhiên của các bạn đồng-nghiệp. Tối hôm đó, lý-thuyết của ông thành-hình : căn-nguyên của năng-lượng mặt trời không phải từ một phản-ứng mà ra mà là từ một dãy 6 phản-ứng, mà phản-ứng sau cùng hiển lại nguyên-tố đầu tiên, thành thử ta có một chu-ký

trong ấy hai nguyên tố cacbon và đạm khí lần lượt tác động với nhân khinh-khí.

Ví dụ lấy nguyên-tố cacbon thường (C_{12}) làm thành phần đầu tiên của chu-kỷ các phản-ứng. Tác động với nhân khinh-khí (H^+), nó biến thành một đồng vị đạm-khí nhẹ (N_{13}) đồng thời cho phát ra các tia gamma. Đồng-vị đạm-khí nhẹ (N_{13}) không ổn-định nên biến thành đồng-vị cacbon nặng (C_{13}) và cho phát ra các vi-thê neutrino và positon. Một nhân khinh-khí (H^+) lại đập vào cacbon nặng (C_{13}) và biến nó ra thành đạm-khí ổn-định (N_{14}) đồng thời cho phát ra một tia gamma khác. Đến lượt đạm-khí (N_{14}) tác động với nhân khinh-khí (H^+) để biến thành đồng-vị đạm-khí nhẹ (O_{15}) không ổn-định vì nó lại biến ra đạm-khí nặng (N_{15}). Nguyên-tố này ổn-định

nhưng lại gặp một nhân khinh-khí (H^+) thứ tư, gây thành hai mà một mảnh là nhân khí helium (He_4) còn gọi là vi-thê alpha, và mảnh kia là nguyên tố cacbon (C_{12}) đã thấy ở đầu chu-kỷ. Như vậy, phản-ứng lại tiếp tục như trước. Lẽ tất nhiên có thể lấy ví-dụ bắt đầu chu-kỷ với nguyên-tố đạm-khí (N_{14}).

Nên để ý là trong chu-kỷ này hai nguyên tố cacbon và đạm khí luôn được tái sinh, không hề bị hao mòn, tương tự như những chất xúc-tác trong những phản ứng hóa-học cổ-điển. Đáng khác 4 hạt nhân khinh-khí bị tiêu-hủy để cho chế-tạo một nhân khí helium. Như vậy có thể xem dãy phản-ứng như một cuộc biến-hóa khinh-khí ra khí helium, phát sinh trong nhiệt-độ lớn và do những nguyên-tố cacbon và đạm khí làm chất xúc-tác.



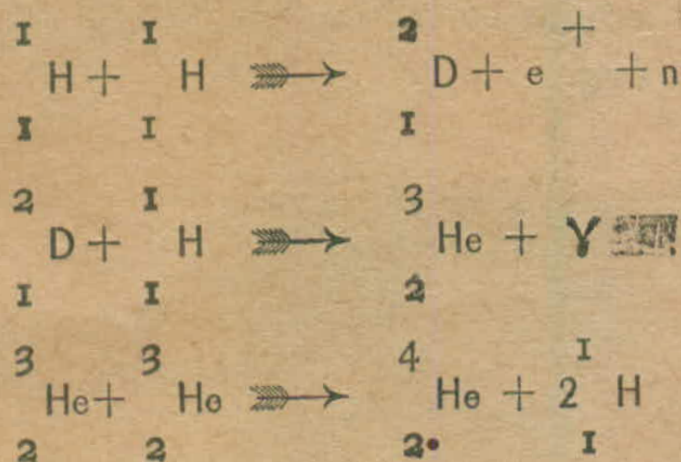
- C^{12} cacbon thường
- C^{13} cacbon nặng
- N^{13} đạm khí nhẹ
- N^{14} đạm khí thường
- N^{15} đạm khí nặng
- H^+ nhân khinh khí
- He^4 nhân khí helium
- γ tia gamma
- n neutrino
- e^+ positon

Chu kỷ Bethe

Giáo sư Bethe còn tính nhiệt-độ phát ra là 20 triệu độ, so với năng-lượng mặt trời rất đúng hợp. Ngoài ra cũng nên biết mỗi một chu-kỷ lâu khoảng 5 triệu năm.

Hồi mới được đưa ra, chu-kỷ Bethe rất được chú ý vì là phản ứng độc nhất giải thích có lý năng-lượng mặt trời cùng các ngôi sao. Ngày nay người ta biết

trong mặt trời chu-ký Bethe chỉ đại diện cho một phần nào năng lượng mà thôi. Nhà vật-lý-học Charles Critchfield đã đề nghị phản-ứng giữa các nhân khinh-khí: các vi-thể cũng được phát ra mà chẳng cần đến các nguyên-tố carbon và đạ-m-khí:



D là deuton, nhân khinh khí nặng.

Dãy phản-ứng này lâu đến ba ngàn triệu năm và cho phát ra năng-lượng đúng hợp với phát quang của mặt trời. Nhưng nên nhớ là dãy này chỉ quan trọng hơn chủ kỷ Bethe trong mặt trời mà thôi. Ở các ngôi sao thì khác. Thành thử công tác của giáo sư Bethe tuy ra đời gần 30 năm, nay vẫn còn được lưu dụng. Năm 1961, ông đã được thưởng giải Enrico Fermi của Hội-đồng nguyên-tử-lực Hoa-kỳ. Chỉ rất tiếc trong tờ thông-cáo của Hội-đồng ban giải Nobel không đả động đến các tên Weizacker và Critchfield.

Phản ứng hóa-học và tiến triển thị-giác.

Giáo sư Eigen sinh năm 1927 tại Bochum. Học ở Viện đại-học Göttingen từ năm 1953 ông làm việc tại Viện Max Planck mà ngày nay ông điều khiển phân khóa hóa-động. Ông được ban bằng cấp tiến-sĩ danh-dự ở rất nhiều viện đại-học Hoa-kỳ. Ông cũng đã được thưởng giải Bodenstein.

Giáo sư Norrish sinh năm 1897 tại Cambridge. Sau khi trình bày luận-án tiến sĩ ông vào làm trợ-thủ hóa-học ở Viện đại học Cambridge. Năm 1937, ông được bổ

làm giáo-sư hóa-học vật-lý ở Emmanuel College. Ông luôn tiếp tục khảo-cứu ở Cambridge mà người phụ tá khoảng 1952-1954 lại là Porter năm nay cùng ông chia giải. Cũng đã được tặng bằng tiến-sĩ danh dự ở nhiều viện đại-học ngoại quốc, ông được huy chương Faraday năm 1964.

Giáo sư Porter sinh năm 1920. Ông học ở Viện đại-học Leeds cạnh Cambridge. Sau đệ-nhi thế-chiến, ông dạy ở Cambridge đến 1955, rồi được bổ làm giáo-sư hóa-học vật-lý ở Viện đại học Schelfield đến năm 1963 là năm ông trở thành giám-đốc phân-khoa hóa-học ở Schelfield và giáo-sư hóa-học ở Hoàng viện London. Năm 1955, ông đã được thưởng huy chương Corday-Morgan.

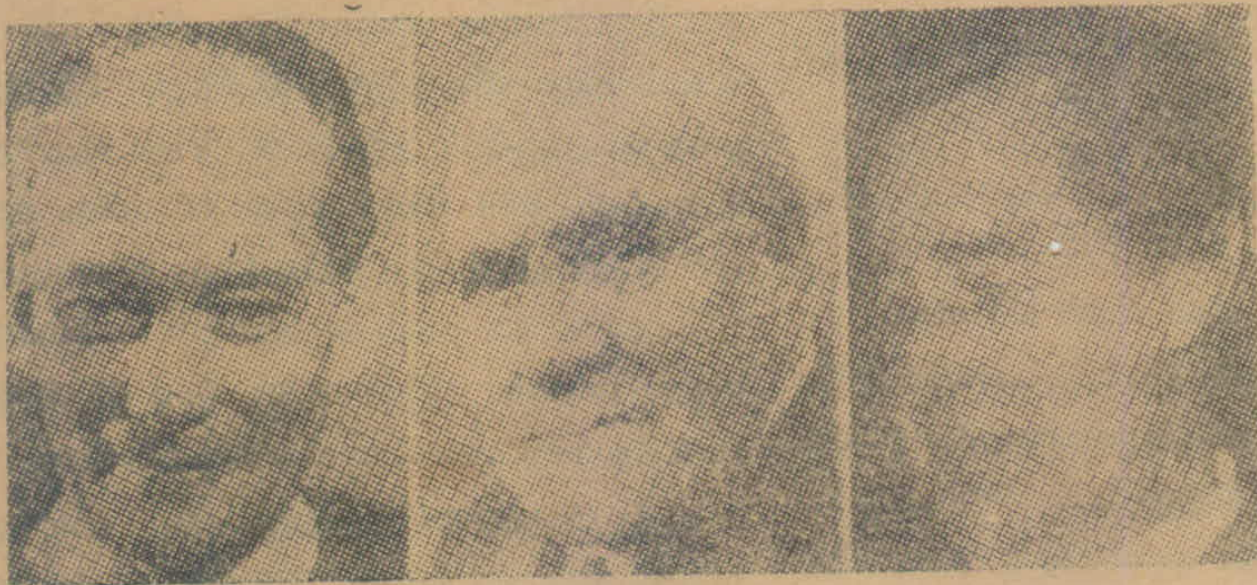
Giải Nobel vật hóa-học năm nay về tay ba giáo sư Eigen, Norrish và Porter là những nhà chuyên-môn về ngành hóa-động. Nếu trong môn hóa học, có người tìm tòi về cách chế-tạo các hóa-chức có công-thức chỉ định, có người học hỏi về thái-độ của một hóa-chất trước một chất thuốc khác, thì cũng có người chăm lo về tốc độ của một phản-ứng: đây là ngành hóa-động.

Một phản-ứng có thể lạnh hay chậm tùy theo ảnh hưởng của nồng-độ các chất thuốc, nhiệt độ của môi-trường, tính chất của các chất xúc-tác, kể cả các bức-xạ. Trong một phản-ứng chậm, người ta có thì giờ xem xét, đo lường. Trong một phản-ứng lạnh, công cuộc khảo-sát trở nên khó khăn. Thường mỗi phản ứng, dầu chậm dầu lạnh, vào một lúc thì đạt đến trạng thái thăng bằng, nghĩa là tốc độ chế-tạo ngang bằng với tốc độ phân tích: phản ứng không tiến chẳng thoái. Giáo sư Eigen là người đầu tiên có ý nghĩ phá-hủy thăng bằng ấy đi cho phản ứng lại tiếp tục và lúc đó đề ý

khảo sát. Nguyên tắc phương-pháp của ông là dùng máy tụ-điện cho phóng điện vào phản ứng, trong khoảnh khắc đưa nhiệt độ lên cao vài độ nên phá được thẳng bằng một cách mau chóng.

Hai giáo sư Norrish và Porter thì lại khảo-cứu một phương pháp khác, dùng đèn cho chớp nhoáng chiếu vào phản ứng. Trong phương pháp này, mảnh hóa chất

bị gãy ra gọi là « phần gốc tự-do ». Trong khoảng khắc một phần mười tỷ giây đồng hồ, những phần gốc này hợp nhau lại làm ra phản ứng. Nếu tay, mắt người không theo dõi kịp khoảng thời gian ngắn ngủi này thì những máy dùng quang-phổ-nghiệm có thể thu ghi cơ-chế của phản ứng.



Các Giáo-sư :
Eigen, Norrish
và Porter



Các Giáo-sư :
Wald, Hartline
và Granit

Như đã nói ở trên, công tác này chỉ được các chuyên-gia môn hóa-động theo dõi. Trái lại công tác của ba giáo sư Granit, Hartline và Wald, năm nay được giải Nobel sinh-lý và y-học, liên quan đến con người nên được biết nhiều hơn.

Giáo sư Granit sinh năm 1900 ở Helsinki. Từ lâu ông điều khiển phân-khoa thần kinh sinh-lý-học ở Viện Karolinska ở Stockholm và khảo cứu về sinh-lý-điện-học cơng-mô mắt.

Giáo sư Hartline, sinh năm 1903, đã

học ở Viện đại học John Hopkins ở Boston. Đậu bác sĩ năm 1927, hiện ông làm giáo sư ở Viện Rockefeller ở New-York.

Giáo sư Wald, sinh năm 1906, hiện dạy môn sinh-vật-học ở Viện đại-học Harvard ở Cambridge (Massachusetts).

Theo bản thông-cáo của Hội-đồng ban giải, cả ba nhà bác-học đã giúp ta hiểu biết cách cấu tạo những thông-điệp thuộc về cảm-giác. Một đấng các ông đã kiểm cách giải-thích cách kích-động của ánh sáng lên các tế-bào cảm-giác; một đấng

khác, các ông đã khảo cứu cách luận-giải tài-liệu của tế-bào cảm-giác mỗi khi đưa vào hệ-thống các tế-bào thần-kinh trước khi được chuyển lên óc não. Cuộc khám phá của các ông đã cho ta nhiều chi tiết về căn bản sinh-lý-học của thị-giác để hiểu biết về cách thấy ánh sáng cùng hình thù, màu sắc, cường-độ và cử-động của nó.

Riêng về Wald, ông khảo-cứu về bộ phận tiếp nhận. Ông là tác-giả của những khám phá căn bản về những phản ứng quang-hóa-học liên quan đến tính cảm thụ của ánh sáng. Những phản ứng này thao diễn trên những tế-bào cảm giác ở cương-mô. Một trong những khám-phá quan trọng nhất của ông là mô-hình phân tử những hóa-chất trong tế-bào thị-giác cảm-thụ được ánh sáng. Nhờ thay đổi cách sắp đặt các phân-tử khi bị ánh sáng kích thích, những hóa-chất này khởi xướng hoạt-động của những tế-bào cảm-giác.

Bên phần Hartline thì những thí nghiệm về sinh-lý điện-học đã giúp ông hướng dẫn được kích thích của từng loại tế-bào cảm-giác và từ đây thành lập

được bản kê những phản-ứng của mỗi tế bào cảm-giác tùy theo số lượng và phẩm chất ánh sáng đã nhận được. Cuộc khám phá này đã đem lại thêm nhiều yếu-tố sinh-lý-học căn bản trong cuộc tiếp nhận thị-giác những hình thù. Nó giúp ta hiểu thêm hiện-tượng khi cuộc tiếp nhận thị giác tăng cường nhuệ-độ. Nó cũng còn là một nguyên-lý đại-cương về môn sinh-lý-học cảm-giác.

Sau cùng, Granit, cũng như Hartline đã góp phần vào cuộc tìm hiểu những hiện tượng phát sinh hay kiểm chế hoạt-động cảm giác trong thời kỳ luận giải tài liệu ở hệ-thống thần-kinh của cương-mô. Khám phá hay ho nhất của ông thuộc về những phân-tử thần-kinh của cương mô, phản ứng của chúng khi bị ánh sáng đủ thành phần quang-phổ kích-thích,

Nói chung, ba giải Nobel khoa học năm nay không thưởng những công tác mới mẻ hay phi thường mà đã tặng cho những nhà khảo cứu chăm lo về những hiện-tượng căn-bản để tìm hiểu con người cũng như vật-chất, vũ-trụ.

VÕ-QUANG-YẾN

Sorbitol delalande



**BỔ DƯỠNG GAN MẬT
ĐIỀU HÒA TIÊU HÓA**

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIỆN BẢO CHÈ DELALANDE PHÁP QUỐC
Có bán tại các hiệu thuốc

KN 6915 BYT. QCDP - 23-7-64

CÔI NGOÀI

Những ngày mới đến thị trấn ấy chưa quen biết với ai nên mỗi buổi chiều tôi thường ra nghĩa địa ngồi chơi. Tôi thích nghĩa địa hơn thích những nơi có đông người như cắm trại hay hội họp. Thích nghĩa địa thứ nhất vì cái vẻ hiu quạnh khiêm nhường của nó, những đợt nắng chiều vàng cháy bay nhảy vu vơ trên những mộ bia tàn lạnh ; thứ hai tôi thích nghĩa địa vì những đám cỏ may mọc không hàng lối gió đẩy lảng tưng trên những nắm mộ lâu đời. Thích cỏ may hơn thích bất cứ một loài hoa nào nữa. Đúng ra tôi thương cỏ may, thứ cỏ lấp đầy cái xác chết của Quát, thằng bạn yêu dấu nhất của tôi hồi trước.

Những ngày đầu tiên ấy không buổi chiều nào tôi không ra nghĩa địa. Nghĩa địa nằm phía Tây thành phố. Từ ngoại ô có một con đường đất đưa về nghĩa địa chừng hơn hai cây số ngàn. Hai bên đường nhà cửa vắng vẻ, cây cối mọc ven lộ phần nhiều là những cây đại thụ. Kề ra một con đường như thế cũng đẹp lắm rồi, đối với những người ưa vắng lặng cũng như đối với những người nằm trong quan tài ra đi chuyển cuối cùng. Con đường đó đúng nghĩa là một con đường đề tiên đưa. Những buổi trưa nắng chói chang, hàng cây đứng thu mình, bóng mát đọng ngay trong lòng chân nó, con đường này như dành cho những hồn ma lướt đi trong không gian, hay vương vất đây đó dưới những cái bóng tun hút chấp choạng. Một vài chiếc xe thồ mộ cũng hay gõ lóc cóc về phương đó. Những chiếc xe thồ mộ con ngựa ốm tong như cái giầy cung và người xà ích già cầm cây roi nhịp, đằng sau xe đeo đằng một số hành khách quê mùa áo quần lem lốt hành lý họ kèn càng những chiếc giỏ mây tre rế tiền. Nếu chỉ đi trên con đường đó trong những buổi chiều nắng xuống vàng vọt, với cái vẻ hiu quạnh xa vắng, người ta có cảm tưởng mình đang sống trong một cái xóm quê hay một cái quận lý hẻo lánh. Thực ra cách đó không mấy xa một cái thị trấn lớn, thật lớn gần như một cái thủ đô.

Hai bên đường dẫn ra nghĩa địa còn một số các ngôi nhà tranh nhỏ, mang cái vẻ nghèo nàn lụp xụp, sự giàu sang như nằm gọn trong thị trấn. Khoảng sáu giờ chiều, ở trên quảng đường này nhà nhà đều đóng cửa. Ghê lắm, các ông thỉnh thoảng hay về bắc cóc thanh niên hay ám sát những nhân vật tên tuổi. Người ta nói với nhau như vậy, và cái vẻ hiu quạnh trên con đường này mỗi tối càng hiu quạnh thêm.

Tuy thế tôi vẫn thích đi lang thang trên con đường đó vào những lúc nắng đã tắt hẳn, để nghe tiếng gió rì rào trong những tàn cây âm u, để nhìn qua bên kia cánh đồng những đền đã nhóm lên leo lét, và nhất là để nhìn toàn khu nghĩa địa chìm lìm dưới một chân trời hồng thắm, những cây thánh giá chĩa lên đen thui trộn lẫn với những đụn mây đen mang nhiều hình thù lạ quái. Thuở nhỏ mỗi buổi chiều cha tôi thường mang tôi ra ngoài bia làng, ngồi trên cái cổng đá nhìn bầu trời bàng bạc, và cha tôi đã chỉ cho tôi xem những hình thù lạ thường của những đám mây đen đúa đó. Thời gian qua nhanh, nay cha tôi đã chết, thế nhân bao nhiêu đổi thay nhưng trên trời quê hương chúng ta vẫn còn những đám mây đen kỳ quái đó. Không biết đến bao giờ chân trời quê-hương ta hết những đám mây đen.

Nghĩa địa nằm trên một khu đất rộng lối bốn mẫu. Mỗi cái mộ của mỗi người con chúa hình như đều có một cây thánh giá nên khi mới bước vào nghĩa địa này người ta có cảm tưởng nghĩa địa của những người công giáo. Phía Bắc nghĩa địa ngày trước có một cái đồn lính Bảo-an. Trong đồn có chừng một trung đội lính. Quanh đồn cũng an toàn bằng ba lớp kẽm gai và những bãi mìn chằng chịt. Nơi góc đồn có một cái lô cốt. Tứ cái lô châu mai lớn một khầu đại liên chĩa ra ngoài cái nòng đen kịt. Những chiều mát trời mấy anh lính thường ngồi trên cái lô cốt đó, các anh đều ở trần trụi, chơi bài xì hay nhìn vu vơ những người qua lại. Ngày nay cái đồn đó không còn nữa. Ở đó được thay bằng một cái căn cứ của quân đội Mỹ, doanh trại được cất lại mới mẻ, rộng rãi, xe cộ nhiều hơn, những hàng kẽm gai cũng kiên cố, và rác rưởi cùng trẻ nhỏ cũng tập trung chung quanh cái căn cứ ấy nhiều lắm. Từ ngày đó vùng này trở nên an ninh, đường sá xe cộ qua lại nhiều như thoi đưa. Tuy nhiên đối với tôi con đường đó vẫn còn nhuốm một vẻ gì thần bí khó giải nghĩa.

Cái cổng vôi đá đi vào nghĩa địa vẫn còn nguyên vẹn. Đằng sau dãy nhà, nơi hạ những cái quan tài hay nơi nghỉ chân của thân nhân những người xấu số, cây đa vẫn còn đó. Cây đa đã chết từ hồi nào, khô rúm, không còn một chiếc lá mỗi sớm mai bày chim tề tựu trên những ngọn khô. Dưới chân cây đa người ta đã thắp nhang đèn, thiết bàn thờ nhỏ, van vái và lạy lạy. Đối với tôi mọi thủ tục trong nghĩa địa này tôi không quan tâm. Tôi chỉ buồn nên đến nghĩa địa chơi. Vì buồn nên tìm quen với những phiến đá mang tên cùng năm sinh, quê quán của những người xa lạ. Nguyễn-văn-Nha sinh năm 1945, tại Quảng-Tín, Tân binh quân dịch, tử trận ngày 14-3-1965. Chưa ngoài hai mươi tuổi. Lê-dình-Thành sinh năm 1905 tại Long-An chết ngày 17 tháng 8 năm 1966. Già quá chết được rồi, Lê-thị Nhã-Uyên sinh năm 1947 chết năm 1964. Chết trẻ quá, thật là uổng... Đại khái như thế. Tôi đọc một số mộ bia rồi thêm lời phàn bình vu vơ của mình sau đó.

Đã nói buồn, nên đến nghĩa địa chơi. Tôi làm kẻ đi rong giữa cuộc đời tìm một linh hồn. Nhưng cuộc đi chơi của tôi đã đưa tôi vào một thế giới huyền hoặc. Và cuộc đi rong đó xui tôi gặp một người con gái. Người con gái mang tên Lâm-Anh.

Ngày nay Lâm-Anh không còn nhưng mỗi lần nhớ đến nàng thần trí tôi như bị mê hoặc, trí nhớ trôi nổi hồng bồng, con tim tôi đau nhứt, và tôi như phải đối diện với một thứ lăng kính phản ảnh quá nhiều những ảo ảnh sau lưng.

Chiều hôm đó, cũng như mọi buổi chiều tôi ra ngoài quán cóc uống một ly cà

phê nhỏ, mua ít điều thuốc Ruby lẻ, ghé về nhà lấy chiếc xe đạp, nhặt một quyển sách rồi dõng ra nghĩa địa. Mặt trời nghiêng hẳn xuống bên kia cánh đồng, để lại những khoảng mát trong lòng những cây đại thụ, nắng nhuộm một màu vàng tình quái đỏ xuống con đường bụi đỏ như màu đất cao nguyên. Những chiếc xe thô mộc nhẩy lóc cóc bên lề đường nhường con lộ chính cho những chiếc xe nhà binh chạy qua lại. Khoảng sáu giờ chiều có hôm tôi vào đến nghĩa địa. Chân trời lại hiện lên những vùng mây đen. Mặt trời nấp sau đó đâm chia lên tầng cao những cánh quạt ánh sáng. Tôi dựng chiếc xe đạp dưới cây đa, khóa lại cần thận, chầm một điều thuốc, cầm quyển sách nơi tay rồi chầm rãi đi vòng quanh qua những ngôi mộ bởi một lối đi nhỏ len lõi vào giữa. Tôi đã quen với những mộ bia này nên bước đi rất tự nhiên. Đi vào nghĩa địa như đi trong nhà của mình. Đến một ngôi mộ lớn tôi ngồi xuống đó mở sách ra đọc.

Đây là một ngôi mộ lớn nhất trong nghĩa địa này. Bốn bề nó có một bờ thành thấp chừng tám tấc, trên mặt thành có ghim một loại miếng chai nhọn để tránh lũ mục đồng trèo lên quấy phá, bên trong bờ thành đó có trồng một loại cây nhỏ nơi phía đầu có những chậu hoa, những cành hoa này ít được chăm sóc nên nó héo hơn tội nghiệp, mộ bia của nó có khắc chữ màu đỏ, chữ Hán. Đầu đó chứng tỏ gia đình này giàu có, con cháu khá giả. Mấy anh tân binh quân dịch làm gì có những chậu hoa hay một lớp tường nhỏ bao quanh ngôi mộ như thế. Lần nào đến đây, sau khi đi quanh một vòng, tôi trở về ngồi trên ngôi mộ. Hình như tôi chỉ có hai chỗ ngồi thường xuyên nhất và yêu mến nhất là chiếc ghế trong lớp học và cái mộ bia không quen biết đó.

Trời đã nhá nhem tối. Bên căn cứ quân sự hàng đèn phòng thủ đã cháy sáng, những anh lính gác đã ngồi đàng hoàng trong những vọng gác, nơi chiếc cổng một vòng kẽm gai an toàn đã được kéo qua. Lẽ ra giờ đó tôi cũng chuẩn bị về những đêm ấy trời có trăng nên tôi ngồi đợi.

Nghĩa địa đã hoàn toàn vắng lặng. Không một người đi thăm mộ nào còn có thể sót lại trong cái khung cảnh âm ty này. Chỉ có tôi, người bạn của mộ bia và những cây thánh giá trắng hếu. Tôi ngồi thu hình. Trăng vành vành đã chồm lên từ phương đông. Ánh hỏa châu cũng thấp sáng ở một vùng xa. Trong thoảng chốc tôi bỗng nghe mùi thơm thoảng thoảng, một mùi thơm lạ, của một loài hoa không tên gọi. Tôi rất sành ghi nhận từng mùi thơm của từng loài hoa nhưng tôi không thể nhận ra được loài hoa nào đã phát xuất ra mùi thơm đó. Trăng đã lên cao bàng bạc. Rồi tôi bỗng thấy một ánh lửa sáng lên từ một ngôi mộ cách chỗ tôi ngồi không đầy hai chục thước. Ánh lửa như của một người quẹt cây diêm để chầm những ngọn nhang thấp lên mộ. Tôi đưa mắt theo dõi. Ánh lửa lóe lên rồi tắt ngay. Ở đó như có một bóng người mập mờ. Một người con gái đang cúi xuống quẹt cây diêm thứ hai. Rồi ánh lửa thứ ba lóe lên. Đúng rồi. Một người con gái ăn vận một chiếc áo dài trắng, chiếc quần trắng, đầu vấn vành khăn tang đang loay hoay cắm những ngọn nhang lên đầu một ngôi mộ. Nhưng nàng xuất hiện từ lúc nào mới được chứ. Và tại sao nàng lại hiện lên trong đêm khuya như thế này để thấp lên ngọn lửa kỳ diệu đó. Người trong mộ kia là cha là chồng hay

là anh của nàng. Với khối óc tò mò bao nhiêu câu hỏi đã đến dồn dập, tôi tự nhiên đi về hướng người con gái kia như có một sự thu hút vô tình. Đằng kia, trên ngọn cây đa khô cháy mấy con cú mèo đã về đậu trên đó tư chấp tối, mấy cái bóng đen in trên thân trời xám xịt.

Tôi đi đến chừng mười bước nữa tôi thấy nàng cười, nụ cười hiền hòa hiện rõ ràng trên đôi môi duyên dáng. Nàng cầm trên tay một bao hương màu đỏ cúi đầu chào tôi.

Tôi cũng cúi đầu thăm cảm ơn nàng rồi bước đến một vài bước nữa. Bây giờ tôi gần nàng quá. Tôi có thể cầm lấy tay của nàng. Mùi thơm càng xông lên ngào ngạt. Trăng lên cao, ánh vàng tràn tỏa lên những hàng thánh giá hiu quạnh, gió thổi lạnh lạnh, chính tôi còn thấy rõ ràng nàng đang nở nụ cười. Tôi cũng thấy được ngọn đèn đang rọi quét một vòng từ chiếc đèn pha trong căn cứ của quân đội Mỹ. Một chiếc xe chạy nhanh qua mặt lộ. Không có gì gọi là huyền ảo ở đây cả. Không có gì ở ngoài thực tế. Đây là cái nghĩa địa tôi thường tới, tôi nghĩ như vậy, và người con gái này cũng có thể từ xa vừa mới đến khi trời trở tối. Nàng nhất định không phải là một bóng ma. Tôi không tin có những hồn ma trong nghĩa địa này. Có chăng là những linh hồn thanh thoát. Mà những linh hồn thì nó đã có chỗ đậu ít ra nơi thiên đàng, linh hồn không bao giờ đi lạc lửng trong không gian hiu hiu này.

Nghĩ như thế và tôi cất tiếng hỏi : xin chào cô xin lỗi cô từ đâu đến mà khuya khoác thế này. Nàng vẫn cầm một gói nhang màu đỏ trên tay, bàn tay trắng toát, khuôn mặt nàng là một khuôn mặt kiều diễm, mái tóc đen nhánh sả xuống, mớ tóc dài hơn tất cả những mái tóc thế tôi thường thấy. Nàng vẫn đứng yên ở đấy, những ngọn nhang dưới chân nàng vẫn cháy sáng những đóm lập lòe,

trước mặt nàng một ngôi mộ mới chôn cất màu đất hiện rõ dưới ánh trăng một màu trắng sữa, đằng sau lưng nàng vẫn những ngôi mộ với những cây thánh giá hằng ngày tôi đã thấy, bốn bề đều là mồ mã và hương khói. Không gian thật mơ hồ. Không tiếng động. Trong niềm vắng lặng nàng cất tiếng :

— Xin hân hạnh chào anh. Tôi từ xa lắm vừa mới tới đây. Anh làm gì mà ngồi trong nghĩa địa này. Tôi tưởng chỉ có mình tôi là người đêm khuya canh giữ những ngôi mộ này thôi.

Tôi nở nụ cười (làm sao không cười được khi nói chuyện với một người đẹp) đưa tay phát một cử động vu vơ để đánh tau nỗi ngỡ ngàng ngập của mình ; tôi nói :

— Tôi thích cái nghĩa địa này. Thích ánh trăng liêu trai và cái ngọn khô với những con chim yên ngủ kia kia. Tôi chỉ tay về phía cây đa. Nhưng cô là người thế nào ? Từ đâu tới mà cô tự nhận xa lắm ? Người trong mộ này là gì của cô.

Bây giờ tôi thấy nàng có thêm một cái xác tay nữa. Nàng điềm nhiên mở cái xác tay lôi ra một cái khăn quàng lên cổ. Cái khăn cũng màu đỏ. Màu đỏ của khăn hiện rõ lên nền áo trắng, dưới ánh trăng lờ mờ làm cho nàng tự nhiên như dời xa ra, di động trong một lớp không gian kỳ ảo. Nàng nói :

— Em lạnh quá anh.

Tiếng nói trong và ngọt làm tôi thấy một phút xao xuyến. Tôi cố trấn tĩnh, tự xét mình có lâm vào cơn hôn mê hay không. Tôi cố tự trấn tĩnh. Tôi vẫn thấy

mấy ngọn hỏa châu, vẫn nghe tiếng súng bất thường vọng lại từ xa, vẫn nhìn thấy cái căn cứ quân sự, vẫn mừng rỡ tưởng được con đường lát nữa tôi sẽ đạp xe về, vẫn nhớ được chiếc xe đẹp tôi đang khóa kỹ để ở sau ngôi nhà vôi cũ, tôi nhớ rõ lắm, những chiếc xe thô kệch, con đường bụi đỏ, khu ngoại ô, những người lính Mỹ hay qua lại, con đường phố chính dẫn về nhà tôi, trước ngã tư nhà tôi có ngọn đèn mỗi tối thiếu điện nó phải nháy nháy năm bảy lần mới bật sáng lên được, tôi nhớ, hàng rào mỏng nằm dưới dàn hoa ty gôn chị Tuyền lúc chiều vẫn ngồi ở đó và bảo tôi em đi nhớ tối về ăn cơm sớm nghe em. Em phải về ăn cơm sớm. Nhưng tại sao tôi còn ngồi đây. Và người con gái trước mặt có phải là một người hay một bóng ma hiện hình người. Tôi bàng hoàng muốn tháo lui lấy chiếc xe đạp đông tuốt về nhà. Nhưng không được. Một cái gì lôi cuốn tôi. Em lạnh quá anh. Tiếng nói ngọt ngào. Một mùi thơm thoang thoang đầy quyến rũ. Ánh trăng êm - dềm huyền dịu. Một sự thu hút nào đó quanh quất lấy tôi. Tôi có bệnh hoạn tâm thần quá đi chăng. Nhưng dù sao tôi vẫn còn đứng ở đây. Nghĩa trang này vẫn là một điểm có thực trên cõi đời, một nơi chốn rõ ràng trên trái đất. Tôi bước đến gần nàng hơn. Tưởng như khuôn mặt tôi có thể chạm phải khuôn mặt nàng :

— Cô hãy nói thật người dưới ngôi mộ này là gì của cô.

Vô tình tôi nắm ngay lấy bàn tay của nàng. Lạ thay bàn tay vẫn ấm áp. Nàng áp sát người vào ngực tôi, nói :

— Em lạnh quá anh.

Tự nhiên tôi ôm nàng vào trong lòng tay cứng nhắc của tôi, nàng nói tiếp :

— Người nằm dưới mộ này là chú của em. Chú Thức. Chú làm lính văn phòng nhưng tuần trước có xích mích với ông trưởng phòng nên chú tức giận xin đi tác chiến.

— Rồi sao nữa.

— Đề em nói hết cho nghe chuyện còn dài lắm. Chú ra trận. Mới ngày đầu tiên chú dẫn một trung đội đi thám sát bị ngay trái lựu đạn nổ tung. Chú chết không kịp trần trời.

— Một tiếng nổ. Một cái xác bỗng lên. Một đám cỏ may quần lấy cái xác tuổi trẻ đó ?

— Em đã nói đề từ từ em kể hết. Nàng vừa nói vừa áp sát người vào ngực tôi. Mái tóc đen nhánh buông dài phủ lấy đôi tay tôi. Mặt nàng ngược lên. Lạ thay đôi mắt thật hiền từ, dưới ánh trăng thồn thức, đôi mắt ấy như hai vì sao bình an. Người ta nói lại chú dẫn toán lính chú chỉ huy nhưng chú lại xung phong đi đầu. Nếu chú đi sau như mọi người thì chú đã không đạp phải quả lựu đạn oan khiêng đó. Thi hài chú mãi bốn ngày hôm sau mới đưa tới nhà. Em chỉ thấy cái quan tài chứ không thấy được mặt chú. Ngày ra đi gần như cuối cùng đó chú có hôn em, bầu trời hôm đó thật nhiều mây.

Tự nhiên tôi xưng anh em với nàng :

— Chú em đóng lon gì.

— Thiếu úy thôi.

— Chắc em thương chú em.

— Khỏi nói đi. Tuy là chú nhưng chú em còn trẻ. Chỉ hơn tụi em chừng năm tuổi nên chúng em và chú có nhiều điểm giống nhau có tâm sự với nhau, khác với Ba, Ba đã trở thành một ông già quá tuổi.

— Chú em chắc đã có người tình.

— Vâng, người tình của chú là chị Kim. Chị ấy học cùng với em. Linh chiến thời nay ai không có người tình. Nhưng người tình đôi khi không phải đề yêu đến mãi mãi mà người tình đề đáp mộ.

— Chị Kim chị ấy bây giờ làm gì.

— Chị ấy có chồng khác rồi. Ngày đưa tiền chú em chị khóc ngắt đi. Ai cũng tưởng chị sẽ sống cô đơn héo gầy. Nhưng làm hết thấy. Sau đó không đầy bốn tháng chị có chồng.

Tôi cúi xuống sát hơn. Đôi mắt tôi soi vào hai vì sao bình an của nàng. Tôi hỏi:

— Em tên gì.

— Lâm Anh. Cái tên đẹp không anh.

— Đẹp. Cái tên quá đẹp.

Chúng tôi cùng đứng lên sau khi đã nhận mình có hôn nàng. Tôi hôn người con gái lúc nào tôi cũng chã hay. Chúng tôi dắt nhau đi trong nghĩa trang, trăng lên đã cao, trăng mang khuôn mặt một người tình đi xa, gió thổi rì rào qua những rặng cây, sương xuống ướt những ngọn cỏ may, chúng tôi đi như thế, cho đến khi vai áo chúng tôi cũng đầm ướt. Có tiếng còi xe vang lại từ xa lắm. Đèn bên căn cứ vẫn còn sáng. Sang canh ba những con mèo hoang trở về nghĩa địa. Chúng đi lam lũ qua những ngôi mộ cũ. Chúng thét gào như tiếng khóc trẻ nhỏ, thét gào như chúng gặp cơn động tình. Một vài con chó cũng xuất hiện vào giờ này. Những con chó ma quái đó tôi thường bắt gặp nó đào xới những nắm mộ mới, tìm những lông xương những cánh tay những bộ óc mới chôn chưa kịp tan trong đất. Những con chim cú thì đã ngủ yên trên những cành khô. Đám nhang bây giờ đã tắt hẳn nhưng những đốm sáng lập lóe ấy vẫn còn chấp chờn trong trí óc tôi. Chúng

tôi cứ đi như thế, quanh quẩn trong nghĩa địa không biết từ bao giờ đến bao giờ. Tiếng côn trùng bắt đầu trong những tiếng điệu bi ai. Chúng tôi như bị lôi cuốn bởi một cái giây vô hình. Nàng chợt hỏi:

— Anh đã đi lính chưa.

— Anh đi lính rồi. Đang làm lính.

— Lính hay sĩ quan đó anh.

— Lính thôi.

— Được, em yêu lính. Mấy ông sĩ quan ghê lắm. Tán tỉnh con người ta. Phá rồi bỏ.

— Em chỉ tỏ nói bậy. Tôi diu nàng đến ngồi trên ngôi mộ tôi đã ngồi ban chiều. Lạ thay trong thâm tâm tôi muốn đi về nhưng đôi chân tôi không bao giờ bước ra khỏi cái nghĩa trang huyền ảo ấy. Nàng hỏi:

— Vì sao anh hay ra ngồi ngoài nghĩa trang này.

— Vì anh thích. Không có bè bạn nên tìm quen với những ngôi mộ.

— Bè bạn anh ở đâu hết.

— Chết hết rồi em.

— Nói phét.

— Anh nói thực đó. Láo chết. Những thằng bạn gọi là thân nhất đã chết rồi.

— Kể một vài người cho nghe đi anh.

— Có nói đến em cũng chã biết. Nói chi buồn. Anh chỉ có hai chỗ ngồi. Thuở nhỏ ngồi ghế học đường. Lớn lên ngồi nghĩa địa.

— Nơi nằm cũng có hai chỗ thôi sao.

Nàng mỉm cười sau câu nói. Tôi cũng cười. Bầy đom đóm lập lóe đặng sau khóm tre mỏng. Tôi thấy rõ ràng cái bao nhang màu đỏ nằm trên những vệt đất màu trắng sữa.

— Thôi về anh.

— Em lạnh lắm hả.

— Có anh em không thấy lạnh. Nhưng chúng ta phải về. Anh đưa em về.

— Đưa em về đâu bây giờ.

— Tùy anh.

Tôi thoáng thấy ngại ngùng nhưng tôi chỉ tay về hướng thị trấn :

— Em có quen với ai hay có bà con trong thị trấn này không.

— Em không có ai quen mà cũng không có bà con gì trong cái thị trấn ấy Về đi anh. Em lạnh quá.

— Em không có bà con gì trong thành phố này sao mộ chú của em lại ở trong nghĩa trang này.

— Em cũng không biết nữa. Trước mặt anh em cảm thấy ngây ngất và quên hết tất cả.

— Em chỉ có nước xạo.

Tôi và nàng ra khỏi nghĩa địa, đi vào con đường những bóng cây đổ bóng rườ rượi. Khuya lắm. Đi trên con đường vắng lặng tôi còn nhìn thấy bầy đom đóm và tai nghe tiếng động vang ra từ xa. Tôi hỏi :

— Em còn đi học không.

— Anh đoán thử đi anh.

— Anh đoán làm sao được. Các cô gái thời này nhiều cô đến trường chỉ để đọc thư tình và trốn học để hò hẹn.

— Anh nói xấu em đó nghe. Tại em có như vậy cũng chỉ tại các anh. Các anh theo những cuộc chém giết quên cả những hạnh phúc riêng tư. Đời thật chẳng còn gì trên thân thể tội nghiệp của chúng ta.

— Ở hay tôi có nói triết lý đâu. Tôi hỏi cô có còn đi học hay không.

Nàng nói với một giọng thực và ngọt ngào hơn :

— Có, em còn đang học lớp đệ nhị trường Đoàn thị Điểm.

— Ở đâu em.

Trường Đoàn thị Điểm, Cần thơ.

— À.

Trong trí nhớ mờ sương của tôi hiện hiện lên một miền sông nước và lục bình lênh đênh. Cái thị trấn đó nổi lên giữa những cánh đồng Miền Nam mênh mông như cái đảo lớn nổi lên giữa căn biển hiền từ. Cần thơ. Tôi đã tới và tôi đã đi. Lâu lắm rồi. Tôi bỗng quay phắt lại ôm lấy Lâm Anh :

Em, Em là một người thực. Bây giờ anh cứ ngỡ em là...

— Nếu em là một hồn ma lang thang..

— Thì anh vẫn yêu em. Anh vẫn yêu tha thiết những hồn ma rất người như em.

— Còn lâu. Chỉ nước xạo hoèi. Em hỏi thực anh nhé. Anh có bao giờ gặp ma chưa.

Tôi tát yêu nàng một cái rồi nói :

— Nhiều, nhiều lắm, anh đang sống chung với ma, thế giới ma. Mỗi người, theo anh, họ là một bóng ma đang khắc khoải trên thế giới địa ngục này.

— Vậy chính anh cũng là một bóng ma.

— Đúng thế. Anh là một bóng ma có mặt mà như không có mặt trên quê hương này. Anh chỉ có nghĩa địa chứ chưa có quê hương. Gia tài anh chẳng có gì. Anh làm chủ một khoảng trống không đau nhứt...

— Thôi thôi em xin can ngài đừng dở cái giọng đó ra. Cựa một xiu là các ông mang những là tuổi trẻ những là đau nhứt những là quê hương ra than van. Nàng dịu giọng :

— Anh đưa em đi đâu đây này.

— Anh đưa em về nhà anh.

Chúng tôi vào thị trấn. Phố im lặng, chỉ có một vài lò bánh mì mở cửa, ánh lửa từ trong hắt ra một khe ánh đỏ choẹt. Tôi mở cổng và đưa nàng vào nhà, cổng sau. Chiếc xe ba chị Tuyền nằm trong Garage, tôi thấy rõ như thế, những chậu lan và những ngọn đèn trong phòng ngủ lò mờ.

Tôi cởi áo cho nàng móc trên giá áo. Ngực nàng là một cõi lạ. Toàn thân nàng chỉ có hai màu tuyết bích : trắng và hồng. Nàng nằm xuống gối đầu lên tay tôi. Tôi hôn nàng. Một tay tôi bấu vào đũng sau lưng nàng mùi da thịt thơm mát, một chút mồ hôi rịn ra từ khoảng ngà ngọc đó. Rồi, trong thoảng chốc cơn mưa đổ xuống dào dạt bên ngoài, những cơn gió âm ỉ đánh quật trên đỉnh nhà, cao hơn, cao hơn nữa, tiếng nước chảy róc rách qua những khe mương, hình ảnh một người nào lạc loài dung rui trong mưa, một người nào may mắn có một căn phần trong mái lá ẩm cứng, lạnh lẽo và ngọt ngào, tôi nhắc bỗng tôi lên, bức xé tôi ra, tôi sung sướng và đau nhứt, bao nhiêu là hồ thẹn, bao nhiêu ngại ngùng, bao nhiêu ham mê, cái đêm hôm ấy, hãy đưa tôi cao lên, cao hơn nữa, tôi đang rơi trong một tốc độ diệu kỳ, bao nhiêu con rắn đang quấn quít những bàn tay những ngón, những môi những hơi nóng và những xô đầy giận hờn. Phải nói rằng tôi đang quần quại giữa biên giới thức và ngủ, giữa thực và hư, giữa khoảng cách đời sống và cái gì có thể gọi là thiên đàng hay địa ngục. Phải nói rằng tôi đang lơ lửng trong một miền không áp suất, một miền giáo đường thánh hóa nào đó không thể gian trần tục cũng

không thiên thần ác quỷ. Tôi và nàng.. Vừa sực tỉnh thì trời đã tưng tưng sáng.

— Chết rồi dậy đi em. Sáng rồi.

Có tiếng người cười nói bên dưới nhà, tiếng chị Tuyền, tiếng cháu Hà, tiếng ba chị Tuyền nữa. Nàng có vẻ hết hoảng.

— Chết em rồi. Anh cho em về.

Tôi đưa nàng ra đường.

Mặt trời đỏ hỏn như mặt một đứa bé mới chào đời. Đứa bé như thế chắc mai sau hẳn sẽ làm một tên cướp.

Khi ra khỏi ngoại ô chúng tôi đón chuyển xe đò. Nàng hỏi bây giờ đi đâu đây. Tôi nói chúng mình đi về biển chơi. Nàng từ chối : thôi, em không dám đâu đường đó mất an-ninh lắm, mấy ông giựt mình xe đò với lại chặn đường em ghê lắm. Tôi vừa cười vừa nói : kệ xác mấy ông. Chiến tranh là của mấy ông còn vui chơi cho thỏa thích là chuyện của chúng mình. Hai cái đó không liên hệ gì nhau. Khi ngồi trên xe đò nàng ngã người vào lòng tay tôi. Mấy hành khách có người quá khích nhìn chúng tôi tỏ vẻ không bằng lòng. Xe chạy qua những con đường ghồ ghề bụi tung lên mờ cả lối gió đập lật bật vào mũi xe, tiếng nói ồn ào, tới biển đã ba giờ chiều.

Tôi nằm trên đụn cát dài, nàng nằm phía dưới gối đầu lên đùi tôi tay vọc những nắm cát cho chảy dài xuống kẻ tay. Bầu trời ngọc bích, màu của A-rập thần bí. Cửa những hải đảo Thái bình dương làm tôi nhớ xa xôi đến những vì sao trong, những thân dừa cong, những hạt cát và bọt biển. Nàng hỏi tôi :

— Anh có thích nghe tiếng sóng không.

— Anh có một thời đã tương tự tiếng sóng. Quê nhà anh thuở nhỏ là một vùng nằm ven biển. Những

ngày tốt trời biển như đời xa ra vì gió lặng và tiếng sóng nhỏ. Nhưng những ngày đời trời, nhất là những ngày đầu tháng mười, biển như tới sát sau hè nhà, tiếng sóng đổ ì ầm. Lớn lên anh vào miền Nam sinh sống anh không còn gần biển nữa. Nhiều đêm nằm thao thức nhớ tiếng sóng quê nhà, nhớ những cuộn mây buổi sớm. Có lần ở miền Nam anh tìm về biển để ngủ lại một đêm chờ nghe tiếng sóng xưa. Nhưng anh đã thất vọng, biển Miền Nam không có tiếng sóng như biển Miền Trung. Sóng Miền Nam hiền hòa, đều đặn, không có khi lặng yên khi gào thét theo tiết trời tinh động như lượn sóng ngoài Trung Việt. Anh nghĩ chỉ có những ngọn sóng quê nhà anh mới là một tiết điệu quê hương. Chỉ những âm vang đó mới cho ta thơ nhạc, cho ta tình yêu và những gì cao cả hơn nữa.

— Anh lãng mạn quá.

— Anh không lãng mạn. Nếu có thì cũng do quê hương trữ tình đó cho anh lãng mạn thôi.

Buổi chiều xuống thấp dần trên vùng biển. Đằng sau dãy núi đã mờ nhạt vì khói chiều. Những lọn mây trắng rưng rưng dâng lên.

— Thôi về chứ anh. Nàng chợt nói Về đâu bây giờ em.

Tự nhiên tôi ngây buồn. Về đâu bây giờ. Một vòm biển tím ngắt phía trước. Về đâu bây giờ. Về đâu...

Tôi lùa tay vào trong tóc nàng. Chúng tôi cùng đứng dậy đi dọc theo những đụn cát vàng. Gió vi vút trong rặng phi lao.

Chúng tôi lại ngồi xuống, ngửa mặt đón những đợt nắng cuối cùng trong ngày. Tôi bảo nàng hát cho tôi nghe. Tôi

lại buồn. Một cái gì sắp đánh mất đây chăng.

— Lâm Anh. Tôi thảng thốt gọi tên nàng. Nàng quay lại, đôi mắt chùng như đắm ướt:

— Anh.

Nàng muốn nói một điều gì nhưng lại thôi. Sau tiếng gọi mong manh đó tôi bỗng thấy cái nhỏ nhoi của con người. Mãi mãi chúng ta còn cách biệt nhau. Mỗi tìm đến là một rời xa.

— Anh.

— Gì đó em.

— Anh... Tôi cúi xuống hôn nàng. Trong đôi mắt bình an của nàng hiện lên một thoáng lo ngại, đúng hơn nàng thầm tiếc một cái gì. Đêm hôm qua những giọt mưa đổ xuống phủ phàng làm tan nát một vùng trời quang đảng. Đêm qua đời đã qua một trường định mệnh. Có phải thế không. Em. Lâm Anh...

— Anh... thôi chúng ta đi về. Tối rồi.

— Về đâu bây giờ.

— Em về chỗ đêm qua.

Tôi lại đưa nàng trở về con đường bụi đỏ những hàng cây đứng thẫm lặng, những gian nhà lá đơn sơ lụp xụp cúi xuống lề đường tội nghiệp, nghe tiếng xe thồ mọ, con đường ấy... tôi đưa nàng về.

Khi đến đầu nghĩa địa nàng nói:

— Thôi anh về đi. Em ở đây chờ xe.

— Tối rồi xe đâu còn nữa mà chờ. Thôi em đi chơi với anh một đêm nữa đi.

— Thôi xin can anh cho em về. Đừng có tham lam nhiều, xin can. Nàng cúi xuống để dấu những hạt trân châu đang chảy dài xuống gò má. Tôi nói:

— Anh không tham lam. Thú thật

anh yêu em. Tại sao anh không yêu em anh cũng không biết nữa.

Nàng cầm lấy bàn tay tôi, phía sau lưng nàng vẫn khu nghĩa trang với những hàng thánh giá mù mờ trong lớp sương chiều. Nàng nói :

— Nghe lời em. Anh... anh về đi.

— Anh không về.

— Anh về đi. Không em chết mất bây giờ...

Như có một sức đẩy vô hình, tôi lồm lũi quay về, con đường ngoài ô vắng lạnh thị trấn đã lên đèn lốm đốm.

Tới nhà. Chị Tuyền đứng ở khung cửa nhìn tôi rồi kêu lên.

— Trời ơi, chú Tam. Chú Tam đây này. Ba ơi chú Tam đây này.

Tiếng kêu của chị Tuyền là tiếng kêu thực. Tôi nhận mớ âm thanh đó trong tình trạng một người mơ ngủ nhận những tiếng gọi có màu sắc của những người ở ngoài giấc ngủ. Những tiếng gọi có thực.

Tôi thấy toàn thân tôi, trong phút chốc rã rời. Tôi như xây xẩm, lần bước vào nhà. Tất cả những đồ đạc chiều hôm qua trong phòng này không có gì thay đổi.

— Em, em đi đâu từ chiều hôm qua qua tới giờ. Chị Tuyền lay hỏi tôi. Đêm hôm qua em ngủ đâu làm cả nhà lo ngại. Mà sao em bơ phờ thế này.

— Em đi ngoài nghĩa trang. Em đi biển.

— Trời ơi, chị Tuyền cười. Rồi bỗng nhiên chị dừng lại. Chị quan sát tôi. Chị thét lên :

— Chết rồi. Chú Tam lâm bệnh rồi. Nay, bàn tay lạnh ngắt, gương mặt tái mét rồi. Tam, nói thật em đi đâu. Chiếc xe đạp để đâu rồi.

Tôi chợt nhớ cái xe đạp chiều hôm qua bỏ quên ngoài nghĩa địa. Cái xe đạp có thực. Tôi nói :

— Em không thể hiểu được. Chị Tuyền, em đi đã hai ngày rồi kia mà.

Chị Tuyền mỉm cười :

— Đừng có nói nhảm. Đi đâu mà hai ngày rồi. Mới chiều hôm qua đến giờ, Lại nhớ cô nào quên khuấy cả ngày đêm rồi.

— Chị Tuyền, tôi nói với một vẻ nghiêm trọng, chị có thương em không.

— Lại nói nhảm.

— Chị giải nghĩa giúp em một câu chuyện. Em đã đi từ hai hôm nay rồi mà. Em đi với một người con gái, em đi từ nghĩa trang trở về nhà, từ nhà ra đến biển...

— Em tôi lại mơ ngủ rồi. Nay Tam, tất cả những điều em nói không có gì ăn liền với thực tế hết. Ban đêm làm sao em đi biển. Hồi khuya chính chị cũng thấy em trở về nhà, chị tưởng em đi chơi về ngủ. Không ngờ sau đó lại không thấy em trong phòng.

— Em về có một mình hả chị.

Chị Tuyền cười ngặt nghẽo.

— Thì em về một mình chứ về với ai nữa.

— Em về với Lâm Anh kia mà.

Chị Tuyền nhìn thẳng vào mắt tôi :

— Thế nào, em nói em về với Lâm Anh nào. Em dám dẫn con gái về nhà à.

— Vâng, Lâm Anh là một người con gái. Chính em dẫn nàng về.

— Em tôi đau rồi trời ơi. Tại sao lại nông nổi này. Tiếng nói của chị trở nên mơ hồ. Tôi ngã xuống chiếc giường. Hình như mặt trời đã lên cao bên ngoài. Hình như chị Tuyền lục

lạ trong túi áo tôi lấy ra những điều thuốc Ruby vẫn còn nguyên. Tôi đã trôi nổi theo một cái gì triền miên. Tôi thoát ra ngoài cuộc đời. Tôi chấp cánh.

Buổi chiều tôi thức giấc thấy anh chị Tuyền ngồi bên cạnh với bát thuốc bốc mùi thơm ngát. Tự nhiên buồn tôi ôm mặt khóc rưng rức. Tôi đã mất hết cả rồi. Lâm Anh, anh mất tình yêu và đôi cánh màu nhiệm của nó, chỉ còn trước mắt cái thực tế tầm thường, những thân thuộc lạ lùng, những bước chân ngăn ngủi và những màu sắc phai lạt...

... Sau một cơn bệnh hiểm nghèo tôi xanh xao và còn sống sót đến ngày hôm nay. Câu chuyện đó xảy ra lâu rồi. Lâm

Anh, nàng con gái không bao giờ tôi gặp lại trên cõi đời. Cũng từ đó đến nay tôi ôm trong lòng hình ảnh một người. Tôi đi tìm lại một giấc mơ. Từ đó đến nay tôi vẫn ôm nỗi đau nhứt đi bên lề, giữa cuộc đời và mơ mộng, tôi đối diện với sự va chạm tàn khốc giữa tình yêu và luân lý.

Ngày nay mỗi lần trở về nhìn khu nghĩa trang ngoại thành dưới ánh sáng lập lờ những màng sương mỏng, tôi muốn ôm một mộ bia nào đó lên tiếng khóc. Lâm Anh, em ở nơi nào.

Tình yêu đến từ nghĩa trang và trở về nghĩa trang

CUNG-TÍCH-BIÊN

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
nhãn cổ áo (étiquette)

với mục đích : *phát huy văn hóa dân tộc
phổ biến kiến thức chuyên-môn*

Nhà xuất bản **Bách khoa ĐẠI CHÚNG**

do Bác sĩ Thiện - Ý chủ trương

Giới thiệu với quý vị độc giả trong một ngày gần đây :

- một loại sách cỡ nhỏ, trình bày mỹ-thuật giá hạ
- với những đề tài hữu ích, thiết thực
- do một số các luật gia, kỹ sư, học giả biên soạn,

Địa chỉ liên lạc : 160 Phan Đình Phùng — Saigon

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

9 | Tối đó, Trác It nói chuyện với chúng tôi trong bữa ăn. Anh hay nhìn lâu xuống đĩa thức ăn. Người đàn-bà đẹp đã nói gì về tôi với Trác? Trác giận tôi vì tôi đã làm phật lòng người đàn-bà đó? Tự-ái vụt nhiên nổi dậy, tôi ngừng mắt nhìn Trác như thách đố. Phải, đàn-ông chỉ là một lũ tầm thường. Tất cả đều chạy theo váy đàn-bà như một lũ thiêu-thân. Rập khuôn cuộc đời mình theo ý muốn của họ. Nở nụ cười trong giấc ngủ, ngủ yên một giấc tới sáng không giật mình, không ú ớ, không mộng mị nếu ngày đó có nhận được một nụ cười. Xếp lộn hồ-sơ, câu gắt đầy tớ, hút thuốc lá liên miên nếu đợi mãi không có thư, nếu chờ lâu mà không gặp mặt. Không có lý-tưởng nào cao hơn cái váy và bộ ngực sao? Tôi nhìn lâu Trác. Những ý-nghĩ gì đang chạy ở trong đầu của Trác giờ này? Chuẩn-bị những câu xin lỗi thiết-tha? Dự-tính một món quà xứng đáng để đem nộp cho người đàn-bà bị phật-ý? Phải thành-thật mà nhận rằng quả là một người đàn-bà đẹp có quyền giận bất cứ người đàn-ông nào và xứng đáng để nhận mọi lời xin lỗi ngay cả của người đàn ông không có lỗi. Tôi muốn được làm đàn-ông để phản-ứng lại. Tôi thích trêu chọc những người đàn-bà đẹp như thế, làm trái ý họ và tôi nghĩ rằng họ sẽ yêu tôi hơn những người đàn-ông dễ bảo. Sự chinh-phục dễ dàng làm chán ngấy mọi người. Con đường bằng phẳng rộng rãi làm người tài-xế ngáp dài, cũng như chén bột khuấy mềm và ngọt làm khổ những đứa con nít.

Trên đường về, khi xe chạy qua rạp chiếu bóng, Trác đề-nghị chúng tôi cùng đi xi-nê, nhưng tôi lấy cớ mệt từ chối. Trác liếc nhìn sang tôi rồi cúi xuống tay lái. Những tấm hình to quảng-cáo cho cuốn phim không gọi niềm thích-thú nào. Lại những lực-sĩ giác-đấu của tướng-tích La-Mã, bấp thịch ở cổ tay và bấp chân cuồn cuộn nổi vòng, những cuốn phim lôi kéo khán-giả bình-dân trong ngày Tết. Tha-hồ mà vỗ tay, mà vện toàn ân-nghĩa. Tha-hồ mà bói tuồng đầu năm vì chắc chắn người lực-sĩ anh-hùng sẽ sánh duyên cùng người đẹp sau những hồi truân-chuyên đầy-đọa.

Sao hơn hờ trên một nền trời đen. Hương thơm của hoa hồng có dầm sương đêm đưa ngọt ngào. Sương lạnh nơi vai. Trác chúc chúng tôi ngủ ngon và chúng tôi chia tay ở phòng khách.

Khi tôi lặng lẽ thay áo, Thuyên nói :

— Đáng lẽ chúng mình đang ngồi ở rạp chiếu bóng. Ngủ sớm quá.

— Nhưng hôm nay Trác ngó bộ không được vui.

— Nhưng chính anh ấy mời chúng mình.

— Có thể vì xã-giao.

Thuyên ngồi cời giày ở chiếc pouf thấp.

— Ở Đà-Lạt, xi-nê khởi cần chạy máy lạnh. Tưởng tượng rằng lúc này ở dưới đồng bằng chúng ta phải cho quạt chạy suốt đêm và ở ngoài phố người ta phải trải chiếu ra mái hiên mà ngủ.

Thuyên không trả lời tôi. Tôi quay lại nhìn, thấy anh đang loay hoay với chiếc giày giày. Chắc là dây bị gút. Chợt Thuyên ngẩng mặt hỏi tôi :

— À, bình như hôm sinh nhật em, Mansfield có tặng em một máy quay phim.

— Ai bảo anh ?

— Liên.

Tôi im lặng.

— Sao em không lấy ?

— Em trả lại.

— Vô lý.

— Lấy làm gì ?

— Nó tặng quà thì mình cứ lấy. Liên nó bảo cái máy tốt lắm, giá đến mười ngàn đồng ở ngoài phố.

— Đến trăm ngàn em cũng không lấy. Mình lấy tức là mình nợ của người ta, mà mắc nợ thì phải trả, trả bằng cách này hay bằng cách khác.

— Việc gì mà phải nghĩ «thối» thế. Nó là Mỹ, nó giàu thì nó tặng mình. Ai bắt mình phải biểu lại nó ?

Tôi không muốn trả lời dài dòng.

Mansfield đã tặng tôi nhiều quà, không phải chỉ cái máy quay phim đó mà còn nhiều món khác, nhưng tôi đều tìm cách từ chối. Hoặc là bảo ở nhà đã có, hoặc là bảo nhà ở chật-chội không có chỗ để bày biện. Mansfield yêu tôi bằng mối tình thầm kín của hắn. Hắn nói :

— Tôi thích vẽ, muốn vào cao đẳng mỹ thuật nhưng bố tôi bắt học Luật, Bởi bố tôi là luật-sư có văn-phòng lớn và ông muốn tôi sau này kế-nghiệp ông. Tôi học Luật, tôi thi đỗ nhưng tôi không thấy thú vị gì hết. Tôi xin qua Việt-nam.

— Cũng không thú-vị gì hết, tôi chắc vậy. Khí hậu nóng nực, nhiều bò-sát và côn trùng, đêm nào cũng nghe đại-bác nổ.

— Điều đó không làm cho tôi thất vọng. Tôi đã dự-trù những khó khăn lớn hơn. Chỉ có một điều tôi không dự-trù.

—

— ... là sự gặp gỡ Liz.

Tôi thủ thế ngay :

— Cám ơn ông.

— Xin bà đừng cám ơn. Tôi run sợ khi nghĩ rằng một ngày nào đó bà sẽ cám ơn tôi vĩnh viễn. Hãy cho tôi những giây phút êm đềm được ở cạnh bà. Tôi không hưởng được nhiều sự êm đềm ở trong gia-đình tôi. Bố tôi luôn luôn làm lì ở trong văn-phòng. Mỗi lần nhìn tôi, ông phải găm mặt xuống nhìn qua khe hở của gọng kính. Một cái nhìn như vậy không vô-về, không khuyến khích tôi chút nào hết. Mẹ tôi thì đi hội đi hè cả ngày. Bà nói liến thoắng như một con vẹt với các người bạn gái của bà. Bà thì nhảnh cười luôn miệng nhưng không bao giờ cười với tôi. Với tôi, chỉ có những tiếng nhất gừng : «Cái gì ? Muốn cái gì ? Hãy hỏi chị vú. Tao bận. Chiều hãy hay. Cút ngay. Đã bảo thế, chưa nghe hả ? Rồi, được rồi. Nó mau lên, tao sốt

ruột. Hỏi bố mày đó. Có lẽ những người văn-sĩ đã nói láo trong những bài tập đọc. Trong đó các người mẹ đều ngọt như mật ong, đều đẹp và dịu dàng như những đóa hoa pensée, Tôi không muốn bắt hiểu và bắt công đối với mẹ tôi. Người Mỹ chống Đế-quốc Anh vì muốn sống tự-do, vậy tôi phải tôn-trọng tự-do của mẹ tôi.

Như thế đó, tôi sống trơ trọi, cô-đơn giữa lũ đầy tớ hầu hạ. Chúng vừa nể vừa khinh, vừa chiều chuộng vừa ngược đãi tôi. Có những bữa chiều bố tôi còn bận ở văn phòng chưa về, mẹ tôi đi dự hội-hè vắng, tôi ngồi nhìn qua khung cửa nhìn buổi chiều xuống chậm. Thận cây trắc bá cắt thành hình viên-chùy trên nền trời. Ngôi sao Hôm nhấp nháy như nói chuyện thì-thầm với tôi. Lớn lên, tôi lấy vợ. Tôi không yêu Kathryn khi cưới nàng tôi nghĩ rằng tôi sẽ có một người bạn. Ít nhất cũng đỡ cô-đơn hơn là sống một mình. Chúng tôi quen nhau và cưới nhau trong hai tháng. Và liền sau đó tôi thấy là tôi đã lầm lẫn.

— Bà Mansfield trông bộ dịu dàng.

— Tôi không nghĩ như vậy. Nếu Kathryn dịu dàng thật thì tôi đã không bị cuốn hút bởi sự dịu dàng nơi bà. Người Á-đông có nụ cười thâm trầm chứa đựng. Mọi tình cảm đều được lọc qua đôi mắt huyền ảo và đôi môi khê nhếch không nói. Tôi yêu bà ngay trong ngày đầu tôi gặp. Nhưng mà tôi không thể, tôi không thể...

Tôi đứng dậy.

— Xin bà thứ lỗi cho tôi.

— Ông an tâm

.....

Thuyên vẫn bước những bước bực dọc ở sau lưng tôi. Giọng anh gần gần:

— Phải hách cho đúng chỗ. Mình sức mảy mà hách với Mỹ?

Tôi vẫn giữ im lặng.

— Em được cái giống mẹ em. Lúc nào cũng làm bộ như không cần tiền, lúc nào cũng coi tiền như rác.

— Coi chừng. Anh xúc phạm đến mẹ rồi đó.

— Chứ không thật sao? Mình giàu hay nghèo thì không nói người ta cũng biết. Không phải làm bộ khinh tiền nghĩa là mình đã giàu.

— Em không bao giờ nghĩ là mình giàu, nhưng không phải vì nghèo mà mình không có quyền khinh tiền, nhưng đồng tiền hơi hám.

Thuyên sừng sững đứng dậy:

— Em bảo sao? Em bảo cái gì hơi hám?

— Đồng tiền. Có thứ đồng tiền trong sạch, có thứ đồng tiền hơi hám. Điều ngoa, vô liêm sỉ, mưu mô mà có là đồng tiền hơi hám.

— Em bảo ai điều ngoa vô liêm sỉ? Ai?

Tôi không trả lời. Thuyên lừ lừ đi lại gần tôi:

— Em bảo anh vô liêm sỉ? Vô liêm-sỉ?

Thuyên chụp lấy tay tôi và trừng mắt nhìn thẳng tôi.

— Vô liêm-sỉ? Tao vô liêm sỉ? Cha tao vô liêm sỉ?

Tôi giật mình. Thuyên có thể nghĩ rằng tôi muốn ám chỉ đến lối làm tiền vô liêm sỉ của cha anh? Nhưng tôi không chịu đựng được đôi mắt nhìn trừng trừng đó. Tôi không phải là một đứa nhỏ. Tôi không phải là một tên nô lệ. Tôi không phải... Tức quá, tôi giật mạnh tay lại. Nhưng thật nhanh, một bàn tay

của Thuyên tát mạnh lên mặt tôi. Tôi nhắm mắt mũi. Tôi thét lên.

— Anh vũ phu.

— Vũ phu.

— Thuyên tát thêm một cái nữa vào mặt tôi rồi bước rảo ra cửa. Hơi thở của tôi phì phì. Nước ở mũi ri ri. Tôi đưa bàn tay lên sờ. Bàn tay tôi ướt đẫm. Máu. Máu. Tôi loạng choạng chạy theo Thuyên. Để làm gì? Tôi không biết, tôi loạng choạng chạy theo Thuyên. Cửa mở. Thuyên đang bước xuống thang lầu. Tôi chụp áo Thuyên. Anh quẫy tay. Tôi chụp hụt, ngã chúi xuống. Tôi té xuống cầu thang. Tiếng gót giày của Thuyên vẫn gõ đều đều xuống từng bậc thang, nhỏ lẩn, đều đặn nhỏ lẩn. Và tôi thiếp đi.

Khi tôi mở mắt ra thì thấy mình đang nằm trong giường, cái chăn len màu vàng nhạt có viền hoa lá phủ lên tận cổ. Trác ngồi ở chiếc pouf thấp đặt cạnh đầu giường. Ngón tay đặt lên cổ tay tôi nơi đó động mạch tay quay đang nhảy phập phồng. Thấy tôi mở mắt, Trác nói :

— Chị đã tỉnh rồi ?

Tôi gật đầu :

— Thuyên đâu ?

— Anh ấy mở cổng ra đi, chưa thấy về.

— Máy giờ rồi ?

— Chín giờ.

Tôi nghĩ ngay : Chắc là đi xi-nê luôn. Và nước mắt tôi chầm chậm ứa ra. Thuyên là thế. Lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền, đến cách làm ra tiền, làm ra tiền bằng mọi cách kể cả những cách bỉ-đời nhất. Tôi là một phương tiện làm tiền, đơn thuần chỉ là một phương tiện làm tiền. Nếu tôi từ chối mục đích đó thì Thuyên có thể vũ phu với tôi. Tình thế

này sẽ đưa đến đâu, sẽ đi đến giới hạn nào? Nước mắt chảy dài trên gò má. Tôi nhắm mắt lại. Tiếng Trác nhè nhẹ gọi bên tai.

— Chị Nhàn.

— Vâng.

— Chị đừng buồn. Tôi có nghe qua câu chuyện, chẳng có gì quan trọng lắm. Rồi chị sẽ quên đi.

— Không thể được. Tôi như cái bánh xe nhỏ sẽ quay mãi trong cái guồng máy lớn.

Thuyên sẽ hối-hận.

Phải đợi đến ngày Thuyên hối hận? Sợ sẽ quá chậm vì tai họa bao giờ cũng đến sớm hơn sự hối hận.

Trác lặng im. Tôi lắng nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường, tiếng gió thổi vi vút len qua cành ngo ngoài cửa sổ. Có tiếng chó berger sủa ồm ồm ở một vi-la nào phía chân dốc.

— Hồi xẽ, — giọng Trác ngập ngừng, — tôi xin lỗi chị vì câu chuyện xảy ra hồi xẽ. Khánh đã cư-xử khiếm-nhã với chị. Lúc tôi về, chú Hai Nở bảo cho tôi biết và tôi đã chạy tìm Khánh.

— Khánh là người đàn-bà đẹp đó? Vợ ông Trung-tá...

— Vâng.

— Anh chạy tìm xin lỗi...

Trác mở to mắt nhìn tôi :

— Đâu? Tôi tới rầy Khánh. Khánh nhận lỗi. Khánh nhờ tôi xin lỗi dùm chị và Khánh hứa nay mai sẽ ghé lại trực-tiếp xin lỗi chị.

— Bà Trung-tá..., — Tôi thần-thờ nói một mình. Trác có đủ uy-tin để buộc một người như vậy xin lỗi. Có đủ khí-phách. Thì ra tôi đã hiểu lầm Trác, đã đánh giá Trác quá thấp. Trác còn đủ hiên-ngang của một người con trai lưu-lạc đọa-đày, dám

đối đầu với công-thức mực-nát và xã-hội giả dối che đậy. Cánh tay đó và khối óc đó vẫn còn giữ nguyên vẹn lòng tự-tin của nó. Trác đứng cao hơn một Thuyền tâm-thường. Và đến lượt tôi hồi-hận. Tôi nói nhẹ nhàng :

— Khánh là một người đàn-bà đẹp và tôi chắc là thông minh. Được một người như vậy yêu, tôi tưởng anh có thể hãnh-diện.

Trác lắc đầu :

— Tôi không có ý đó. Có những người đàn-bà yêu tôi vì tôi nhiều tiền, vì tôi biết tiêu tiền, nhưng đó không phải là trường-hợp của Khánh. Với Khánh, tôi phải chinh-phục, tôi cố ý chinh phục, tôi để hết tâm-lực mà chinh-phục. Chỉ bởi vì...

Trác lặng im không nói tiếp. Tôi hồi hộp lo lắng. Tôi lo sợ phải nghe điều Trác sắp nói. Tôi muốn bịt miệng Trác lại. Không, không, tôi không muốn biết lý-do. Bởi vì tôi đã đoán ra được lý do vì sao Trác quyết tâm chinh-phục Khánh và tôi tin là tôi đoán đúng. Trác đang đăm đăm nhìn khuôn mặt tôi kia. Lý do đó, Tôi thồn thức trong lòng. Trước mặt tôi, Trác suy nghĩ, đắn đo và rụt-rè. Từng lớp tâm tư sâu thẳm Trác xáo trộn lên, như những từng lá ấp ủ bị nhát cuốc kéo dậy. Trác sống mãnh-liệt trung bưng, có ý-thức về cuộc sống của mình. Trác có đam-mê và biết chọn hướng đam-mê, biết xây dựng niềm đam-mê của anh. Hôm trước vô tình tôi lật một quyển sách ở xa lông và tôi thấy bỏ lẫn lộn ở đó những bức thư của các cơ-quan từ-thiện rải-rác đó đây trong nước gửi tới cho Trác. Tôi đọc những tờ biên lai nhận tiền. Trác đã tặng nhiều món tiền lớn cho những công cuộc phước-thiện, những viện dưỡng lão, những viện mồ-

côi. Có những bức thư của các em bé mồ-côi gửi cho Trác, tự xưng là con và gọi Trác bằng Ba. Tôi tò mò hỏi thêm bác Hai và bác cho biết là mỗi lần Trác về Đa-lat, Trác không bao giờ quên ghé xuống xóm nhà tôn đó cho quà bánh sách vở và săn sóc những đứa bé nghèo. Gặp chiều thứ bảy, lũ nhỏ kéo đến đầy phòng khách và Trác chơi với chúng ở ngoài bồn cỏ dưới bóng hàng khuynh-diệp. Nơi đó cơ đặt thường trực một bộ xa-lông mây và những chiếc ghế gỗ thấp sơn nhiều màu.

— Những đêm nô-en ở đây vui lắm. Ông cho giăng đèn xanh đỏ đầy cả hàng khuynh-diệp đó. Lũ nhỏ hát những bài hát mừng Chúa Giáng-Sinh. Có ban nhạc học-sinh của trường Trần-hưng-Đạo đến giúp vui. Nơi chạng cây khuynh-diệp ở góc rào kia là chiếc loa phóng thanh. Quà treo ở những cành cây đó. Ông mặc áo đỏ đội mũ, mang râu bạc và đi «bốt» cao-su giả làm ông già Nô-en. Lễ Nô-en nào ông cũng nhớ về. Có lần ông bận công việc ở mãi ngoài Huế là đến sáu giờ chiều ngày hăm bốn ông mới về tới trường bay Liên-khương.

Quả thật Trác đã không phản-bội tuổi trẻ của mình. Tôi tưởng-tượng Trác vừa phát quà vừa nuốt những giọt nước mắt, thương xót cho những ngày nhỏ khổn khó của mình. Tôi tưởng-tượng ông già Nô-en đó bế những đứa trẻ nít, hôn lên má chúng, bị quây quần bởi những đứa con nít khác, háo-hức kéo áo đòi bế và giơ tay sốt ruột đòi quà. Trác đó. Trác đã biết sống cho người khác, cúi nhìn xuống nỗi khổ của những người mang thân-phận của anh trong những ngày Di-vãng. Trác dày những suy-tư, những kinh-nghiệm sống, những ý-hướng thiện. Trác khác xa với một Thuyền hẹp hòi ích-kỹ, nô-lệ. Trác... Trác...

Tôi lắc đầu không muốn nghỉ tiếp.
Trác lắc lắc tay tôi:

— Chị. Chị làm sao vậy? Chị mệt?
Đề tôi gọi bác-sĩ.

— Không. Cám ơn anh. Tôi muốn được ngủ một giấc.

— Chị cần thuốc ngủ?

— Không. Anh cho tôi một ly nước lọc.

Trác đi sang phòng ăn lấy nước cho tôi.

— Xin mời anh đi nghỉ. Anh đóng hộ cửa phòng cho tôi. Lát nữa Thuyên có về anh đề cho Thuyên nghỉ ở phòng anh. Tôi không muốn... tôi không muốn...

Nước mắt tôi chảy ràn rụa tôi không

muốn tỏ ra yếu đuối trước mặt Trác

— Thôi anh về nghỉ. Cám ơn anh.

Trác nhìn tôi giây lâu. Rồi cúi xuống cầm lấy bàn tay tôi. Tôi không muốn bằng lòng cũng không muốn rút lại. Sự việc xảy ra như nửa hư nửa thực, chập chờn trong thế-giới đầy mộng-ảo của tôi.

— Chúc chị ngủ ngon.

Trác rón rén đi ra cửa rồi nhẹ nhàng đóng cửa. Tôi bấm tắt ngọn đèn giường. Trong bóng tối tôi còn thấy khuôn mặt Trác và đôi mắt đăm đăm nhìn tôi. Và bàn tay Trác cầm tay tôi. Bàn tay.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

LÊ LỢI

150/9 Võ Tánh Saigon
đã xuất bản và phát hành toàn quốc

MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI

của NGUYỄN VŨ

Đã phát hành :

VÙNG TRÚ NGỰ

thơ TÔ ĐÌNH SỰ
phụ bản Thanh-Hồ
và Phạm thị Mùa Hạ
Dấn Thân xuất bản 67

đã phát hành đầu tháng 11 :

VẬN ĐỘNG số 1

với những bài của :

MARTIN HEIDEGGER ★ MẠNH
TUỜNG ★ NGHIÊM XUÂN
CHƯƠNG ★ TRIỆU CUNG TINH
★ NGUYỄN NHƯƠNG NGHIÊM
● LANGSTON HUGHES ★ TRẦN
NGỌC TÂM ★ ĐẶNG TẤN TỚI

Thư từ, bài vở : Đặng Tấn Tới
418 Phan đình Phùng Saigon

Đã phát hành : số 3

QUẦN CHÚNG văn học nghệ
thuật chủ đề : kiểm điểm 4 năm
Văn-học,

Phụ trách tòa soạn :

Trần-Nguyên-Sơn Chu-Vương Miện

Đã phát hành :

NHỮNG CÁI CHẾT VÔ DANH

Tập truyện của NGUYỄN VŨ
Chọn Lọc Xuất bản. Giá 50 đ.

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

LUYỆN TẬP

Tôi đã khuyên bạn nhiều điều quá !
Khuyên thì dễ mà theo được mới khó.
Nhưng tôi có đòi bạn phải thành công
ngay từ lúc đầu đầu. Đối với chính mình,
phải dịu dàng và dè dặt. Một kỹ sư tài
khéo không bắt ngựa phải phóng qua một
trở ngại khó khăn khi nó mệt hoặc chưa
được luyện tập thật kỹ. Mới đầu hãy
cho nó dạo trong rừng, thơ thẩn đi bước
một hoặc nước kiệu chậm chậm. Khi
ngựa đã hăng rồi mới cho nó phi trên
một bãi cỏ phẳng. Sau khi lấy đà như
vậy, ngựa đã trở lại được cái phong độ
của nó rồi thì đòi hỏi nó cái gì cũng
được.

Sáng hôm nay bạn mệt. Hồi hôm ngủ
trễ quá hoặc bữa cơm tối ăn nhiều quá.
Trần trọc không ngủ được. Trời lại mưa.
Có tuyết trong không khí, đầu bạn nặng
nề. Mà bạn có cả ngàn việc phải làm.
Xin bạn nghe tôi : nên bắt đầu bằng công
công việc dễ nhất. Bạn cũng vậy, cần
phải lấy đà. Bạn hãy dặt cơ thể và tinh
thần của mình vào những con đường dễ
dàng trước đã.

Trong nghề viết văn của tôi, tôi áp
dụng qui tắc đó. Một hôm nào đó mà
tôi thấy không vui vẻ, ham viết thì tôi

không thuật lại một chuyện cần tới tất cả
những năng lực của tôi. Tôi kiếm một
cuốn sách, đọc lại vài đoạn hay để làm
mẫu mà noi theo. Hoặc tôi làm một công
việc nào dễ nhất như viết một bức thư,
một bài báo. Thì giờ dùng như vậy
không phải là uổng đâu. Bề gì cũng phải
làm những việc đó kia mà. Làm cho xong
đi, cũng như thế dọn đường cho tương
lai vậy.

Goethe cũng khuyên các tác giả trẻ
tuổi như vậy. Ông bảo họ rằng viết một
bài thơ ngắn khi có hứng nhờ cảm xúc
mạnh, dễ hơn là viết một trường thiên
anh hùng ca. Vậy trong những bước đầu,
hãy viết ngắn thôi. Có thể rằng một tập
tiểu thi, ngẫu hứng mà thành, lại đẹp hơn
một tác phẩm tràng giang viết một cách
máy móc. Đợi sau này, tới tuổi lão thành,
nắm vững được kỹ thuật rồi, người ta mới
viết kịch *Faust*, nếu có thiên tài.

Bạn đã vậy mà tôi cũng vậy, chúng
ta không viết kịch *Faust* đâu. Nhưng
chúng ta, như mọi người khác, có một
mục đích phải đạt, một nhiệm vụ phải
làm. Chúng ta đừng nên tàn ác với chính
mình. Nhiều thanh niên, mới bước đầu
mà thấy không thành công, đã có xu

hướng muốn tự coi thường, tự chê mình. Họ bảo : « Không khi nào mình làm được cái gì cho tài khéo cả ». « Mình không đủ can đảm, không đủ thông minh ». Họ nhận xét một người bạn có thiên tư hơn và nghi bụng : « Anh ta thật là may mắn ! Thành công như chơi vậy ».

Đôi khi cũng đúng đấy. Tôi biết một thủ khoa của trường Bách Khoa (1), chẳng học hành gì cả, gần suốt ngày chỉ chơi cờ bạc mà hể lên bảng đen là phát minh lại được môn toán. Nhưng những phép màu đó đâu phải là luật chung. Với lại, chúng ta biết gì đâu về cách người khác làm việc. Bạn đâu biết được những thất bại, nản chí của họ. Có lẽ họ cũng đã, như bạn, cố thử đạt một cách quá mau một mục đích quá xa, mà bạn không biết đấy. Rồi họ đã khôn hơn, đã tự lượng sức đúng hơn ; đã lựa một mục tiêu gần hơn và bây giờ làm cái việc vừa sức họ đó một cách rất khéo. Bạn nên bắt chước họ. Nên biết cái tiết điệu thích hợp với bạn. Nên tìm cái độ sâu của bạn. Có một mức hoàn thiện cho mỗi sinh vật. Spinoza bảo mức hoàn thiện của con người khác mức hoàn thiện của con ngựa. Mức hoàn thiện của bạn khác mức hoàn thiện của một vị thánh. Bạn hãy luyện tập trên những bãi cỏ phẳng đi đã. Sau này sẽ xông tới các trở ngại.

Người ta thường bảo rằng thanh niên có tính tự đắc. Nói bậy. Nhiều thanh niên tự nghi ngờ mình. Nhưng bạn trẻ tự đắc hoặc hóa ra gây gổ thường là những kẻ đau khổ vì một mặc cảm tự-ti. Họ khoe những tài giỏi của họ mà họ biết là tưởng tượng cả, để rán được vững lòng đấy thôi. Họ phá phách vì

không biết kiến thiết. Bạn nên tự xét mình cho đúng, đừng tốt quá đừng xấu quá. Bạn phải sáng suốt phân biệt công việc nào hợp với bản năng của mình và công việc nào sức mình làm không nổi. Rồi do kinh nghiệm, do quen tay, những phương tiện của bạn sẽ tăng lên. Bạn nên tin ở mình. Và nhất là đừng bao giờ nói xấu mình. Thiên hạ sẽ tin lời bạn đấy.

Cứ thủng thẳng mà tiến. Khi bạn nhóm lửa trong lò, mới đầu bạn đặt vào lò mấy miếng giấy rồi vài thanh củi nhỏ dễ cháy. Khi một ngọn lửa đẹp và sáng đã bốc lên, reo lên và có vẻ mạnh rồi, bạn mới thử đốt một khúc củi vào. Nếu khúc củi này cũng nỗ lết đẹt, cháy lấp lánh, bạn đốt thêm khúc thứ nhì. Rồi khúc thứ ba, và bây giờ lửa trong lò đã cháy đều rồi. Nếu bạn vội vàng đốt ngay mấy khúc củi bự nó đè bẹp những thanh củi nhỏ mới bén thì những thanh củi nhỏ sẽ tắt ngúm mà lửa không sao nhóm được. Hình ảnh đó khá đúng với việc xảy ra trong đời người. Bạn có một việc phải làm ư ? Hãy bắt đầu bằng cách sửa soạn những việc cần thiết đã ; như vậy là nhóm những thanh củi nhỏ đấy. Rồi mới chất thêm những cành cây nhỏ cho có đà. Sau này sẽ đốt những khúc cây lớn vô. Không vậy thì không bao giờ thành việc.

Một thí dụ : bạn biết một thương điểm nọ lớn gần như là cả một khu ở Paris. Bạn biết bước đầu của hãng đó ra sao không ? Mới đầu chỉ là một tiệm nhỏ, chủ tiệm phải làm lấy đủ mọi việc. Lần lần, công việc phát đạt, ông ta mua được những cửa hàng ở bên cạnh và sau cùng đạt được cái thế đồ sộ như vậy. Khởi sự một cách khiêm tốn thì sẽ hoàn thành một cách vẻ vang. Bạn bảo : « Nhưng trong tình lý tôi, tôi thấy đại thương điểm đó dựng ngay một lần một,

(1) Ecole Polytechnique, một «trường lớn» nổi danh vào bậc nhất của Pháp.

một chỉ điểm vĩ đại. Như vậy là bắt đầu bằng những khúc củi lớn đấy chứ». Không, vì đã có sẵn cái ngọn lửa của thương-điểm-mẹ kia kia. Bạn liệng một khúc củi vào một cái lò cháy rục thì chắc chắn là khúc củi sẽ cháy. Nhưng mới đầu là cái tiệm nhỏ, là những thanh củi nhỏ.

Tôi đã thấy điều đó trong công việc đồng áng. Để cho nhiều gia đình có công ăn việc làm, tôi bắt buộc phải khai khẩn một nông trại và tôi đã hỏi ý kiến các nhà chuyên môn. Họ khuyên tôi làm những việc lớn lao. Tôi phải mua cả một bầy cừu, phá các đồng cỏ, khai hoang đất đai. Công việc đó thất bại. Tôi chịu đựng nỗi vì tôi kiếm ăn bằng nghề khác. Nếu tôi chỉ làm nghề nông thôi thì tôi đã phá sản rồi. Tại sao? Tại các nhà chuyên môn của tôi tham quá, muốn ngốn cho nhiều. Cừu, phải nhiều năm sinh sản rồi lần lần mới thành một bầy được. Một khu đất cũng lớn dần như

một sinh vật. Không nên bóp nghẹt nó bằng những dự án quá lớn.

Đừng đốt vô nhiều khúc củi quá. Trong chuyện tình ái thì cũng vậy. Nếu bạn cưới vợ mà hi vọng nhóm ngay một ngọn lửa luyện ái bùng bùng thì rất có thể làm cho ái tình tắt ngúm đấy. Tất nhiên nếu trước khi cưới, lửa luyện ái đã bùng lớn rồi, chỉ cần gìn giữ ngọn lửa thôi. Nếu hôn nhân của bạn dựng trên tình bạn bè, lòng quý mến lẫn nhau thì bạn nên hãy đốt những thanh củi nhỏ nhỏ đã : ăn cần, vui vẻ với nhau, tìm những thị hiếu chung. Rồi khi một ngọn lửa đẹp, sáng đã bắt đầu reo lên thì lúc đó bạn sẽ không ngại gì nữa mà những khúc củi lớn của tình luyện ái sẽ không làm tắt lửa lòng đâu. Nhóm một ngọn lửa, dù lửa trong lò, lửa ái tình hay lửa thiên chức, là cả một nghệ thuật cần khéo léo, chú ý và kiên nhẫn.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ dịch

Nhà xuất bản **SINH VIÊN**

do PHẠM-LONG-ĐIỀN chủ trương

Chuyên xuất bản sách Đại học.

Đã phát hành các sách chứng chỉ thuộc Đại học Khoa học và Đại học Sư phạm.

Mới có bán BÀI TẬP TOÁN (Đại số và Giải tích) của Tétrel và BÀI TẬP HÌNH HỌC GIẢI TÍCH của Tétrel.

Xin chú ý : Sách của nhà xuất bản SINH VIÊN bày bán thường xuyên tại :

Nhà sách NHẬT QUANG
61, Nguyễn-Trãi Chợ-lớn

Lá thư CAMBRIDGE

(Xin xem BK. TĐ. từ số 258)

Một buổi sáng, khoảng trung tuần tháng 8, 1967. Người dân Cambrigde dậy sớm chăm chỉ đi làm như thường lệ. Vành như thường lệ, một số người mua nhật báo Cambridge News để đọc trên xe "buýt". Ai nấy ngạc nhiên khi được biết Nữ Hoàng Elizabeth II vừa vi-hành tới viếng Trinity Colege ngày hôm trước để thăm ban giám đốc và nơi ăn chốn ở các sinh viên trước khi Đông-cung Thái-tử Charles sẽ nhập học khoảng thượng tuần tháng 10. Ngạc nhiên vì :

— Anh-quốc quân chủ. Ấy thế mà Nữ Hoàng tới viếng thăm nhà trường vi-hành kín-đáo, đến nỗi không mấy ai hay biết trước, và cũng không một ai đã có dịp nhìn hay nghe thấy đoàn công-xa kéo còi « ử » tuần hành trong thành phố. Trái hẳn với cuộc viếng thăm của Nữ-Hoàng Victoria thế kỷ trước, mà chúng ta sẽ biết ở một đoạn sau.

— Đông-cung Thái-tử Charles sẽ sống như một lưu-trú sinh viên thường, có bốn phận triết đề tôn trọng kỷ luật nhà trường, tịnh không được hưởng một điều gì biệt đãi. Vì mặc dù là một Hoàng tử hiện tại, một quân vương tương-lai « cậu » Charles phải « tri » và « hành » cái đạo làm người trước đã...

Một vài tờ báo chỉ trích là Đông-cung Thái-tử không thật đủ điều kiện nhập học. Người phản đối, kẻ tán thành, gây sóng gió và bút chiến. Sau cùng, ông Giám đốc lên tiếng, là ban giảng-huấn đã xem xét học-bạ và quyết định rất thận-trọng. Và chẳng và dù sao, không thể sao lãng hai yếu-tố then chốt về quy-chế và tập quán : nhà trường có toàn quyền lựa chọn thí-sinh, và không ai có thể phủ-nhận đây là một trường-hợp tối đặc biệt làm vinh dự cho nhà trường về nhiều phương diện. Khi đó, cuộc bàn-cãi mới dần dần lắng dịu...

Không kể dòng nước và giải « rừng » nhỏ ở phía sau trường, ở ngoài hẳn hàng rào hay dãy tường cao, còn thì từ cửa chánh đi vào, nhà trường chia làm ba vùng, xóm, hay khối, như sau. Thoạt đầu có « Sân Lớn » (Great Court), ở giữa có bồn phun nước, có kim đồng hồ chỉ theo ánh nắng; Còn chung quanh là văn-phòng và tư-thất, giám-đốc, nhà nguyện, phòng các giáo sư, phòng một số sinh-viên đàn anh, phòng ăn, cột đồng hồ chạy bằng điện. Đi qua hành-lang, du khách tới « Sân Nevile »

(Nevile's Court, do tên vị giám-đốc từ thế-kỷ thứ 17, đã không ngần ngại ra công gắng-sức thực-hiện những công tác mở mang bằng tiền riêng của mình, vì lòng yêu nghề, và tình thiết-tha đối với tương-lai đất nước... Xung quanh sân này, là thư-viện, nhà thuốc, căn phòng các giáo-sư. Quẹo sang phía trái, du-khách tới « Sân Mới » (New Court). Ở giữa có sân cỏ hình mặt trăng, còn bốn phía đều là phòng các sinh-viên. Ở góc cuối sân, mé tay mặt, trên lầu, là phòng Đông-cung Thái-tử Charles. Có

mười một phòng giống nhau thuộc « nhóm » này. Mỗi phòng có giường ngủ, tủ đựng áo, tủ đựng sách, bàn học, bàn tròn và hai chiếc ghế bành tiếp khách. Ngay dưới cầu thang, có biển đen chữ trắng ghi tên các sinh viên : tên Charles được ghi đơn giản như mười tên khác, không có gì khác biệt, làm ta có thể không để ý tới nếu không biết trước.

Hôm tới viếng nhà trường, Nữ-Hoàng Elizabeth II có thăm căn phòng, và cho mời người bố già làm giường cho 11 sinh-viên trong số có Thái-tử Charles. Bà này 47 tuổi, tên Florence Moore (các sinh-viên vẫn gọi vắn-tắt thân-tình là Bà M : -Mrs M-) là một trong số 120 người làm phòng cho các sinh-viên và cho một số giáo-sư. Mỗi người phụ-trách từ 10 tới 12 phòng, tùy theo vị-trí. Chúng ta hãy nghe « Bà M » tâm-sự trên tờ Cambridge News, sau được đăng tải trên nhiều tờ báo thủ-đô :

— Tôi rất cảm-kích và xúc-động. Thái-tử Charles sẽ là một trong số các con của tôi. Các sinh-viên coi tôi như mẹ, vì tất cả chúng tôi hợp thành một gia-đình. Tôi làm phòng cho Thái-tử cũng như phòng của chúng tôi ở nhà. Nữ-Hoàng căn-dặn không được dành một biệt-đãi nào cho Thái-tử. Nữ-Hoàng thật khả-ái đối với tôi. Các sinh-viên tìm tôi mỗi khi có điều gì thắc-mắc : tôi tin rằng Thái-tử Charles cũng sẽ không làm khác...

Trên đây có nói tới Nữ-Hoàng Victoria tới thăm Trinity College. Trước và sau Nữ-Hoàng Victoria, có nhiều vị Vua Chúa cũng tới thăm Cambridge, nhất là Trinity College. Nhưng cuộc viếng-thăm của Nữ-Hoàng Victoria năm 1843 được kể như huy-hoàng nhất.

Theo gương của tiền-vương James I năm 1614, Nữ-Hoàng Victoria năm 1843

ngự-trú tại ngay *tu-thất* ông giám-đốc. Đó là một vinh-dự cho nhà trường. Nhưng có giáo-sư và sinh-viên Trinity College lại quan-niệm sự-kiện phải coi như một vinh-dự cho Nữ-Hoàng mới đúng.

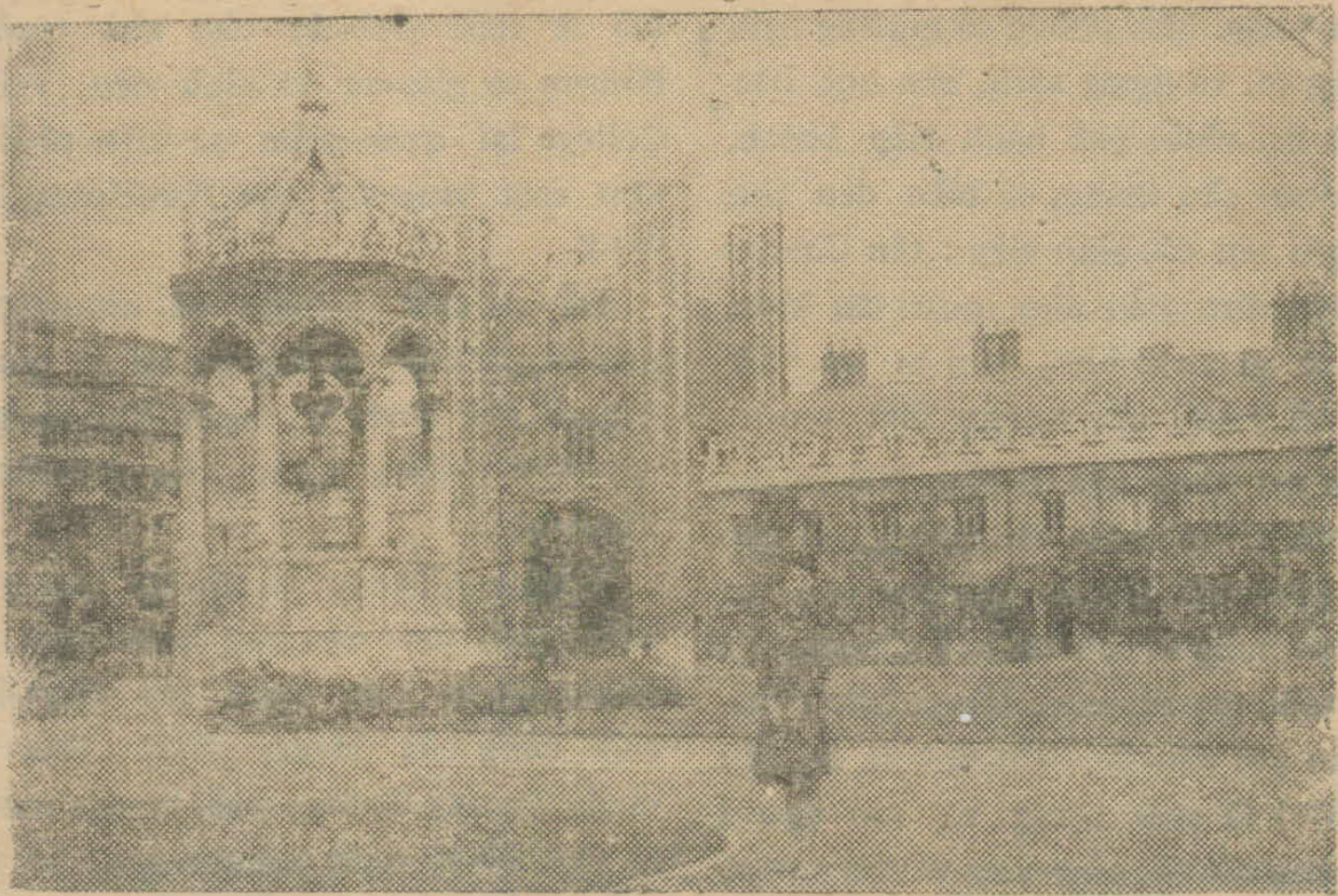
Đề có chút ý-niệm về khung-cảnh đón-tiếp, chúng ta hãy ôn lại sơ qua về lịch-sử nhà trường, trước khi cùng ôn lại cuộc viếng thăm của Nữ-Hoàng Victoria.

Trinity College thành-lập tháng 12 năm 1546, tính đến nay được hơn 400 năm : đó là một trong các thực-hiện cuối cùng của Henry VIII. Nhà Vua muốn Trinity College phải là một trường to lớn đồ-sộ nhất Cambridge. Vì vậy, ngay buổi đầu, bên gồm cả hai trường King's Hall và Michaelhouse là nền-tảng, rồi sau còn tặng thêm nhiều đất-đai và ngân-khoản xuất-xứ từ một số tu-viện. Vì vậy mà nhà trường chóng trở nên vĩ-đại và danh-tiếng. Có thể coi nhà trường như một trường hợp hãn-hữu, có tính-cách đặc-biệt « đế-vương », vì nhiều lẽ :

— Cờ của nhà trường là cờ của nhà Vua Edward III (vị vua đã sáng-lập nên King's Hall kể trên đây).

— Giám-đốc các Collegs khác tại Cambridge do các bạn đồng-sự bầu nên. Riêng Trinity College, vị giám đốc là do nhà Vua ủy-nhiệm.

— Các vị thẩm-phán do nhà Vua chỉ-định, khi tới thăm Cambridge, đều trú-ngụ tại ngay *tu-thất* ông giám-đốc Trinity College. Sự-kiện bắt đầu từ thời Vua James I. Các vị thẩm-phán được biệt-đãi là do mỹ-ý của nhà trường, chớ không phải nhân-danh một quyết-định nào, dù là với tính-cách nội-quy hay hành-chánh. Mỹ-ý đó, qua thời-gian đã trở nên tập-quán.



Trinity College : Bồn phun nước ở giữa Sân Lớn (Great Court) phía xa là cửa trước nhà trường từ trong sân nhìn ra.

— James I và Nữ-hoàng Victoria, khi thăm Cambridge, đã ngự - trú tại trường này.

Du-khách đi trên đường Trinity Street tới cửa trường. Phía trên cửa, mặt ngoài, là tượng Henry VIII, nhà vua đã sáng-lập nên nhà trường. Gần pho tượng có khắc tên Edward III, nhà vua đã sáng-lập nên King's Hall sau này trở nên một thành-phần của nhà trường. Đi qua cửa, vào tới phía trong rồi quay nhìn trở lại, du-khách sẽ chiêm-ngưỡng tượng vua James I đứng giữa Hoàng-hậu và Hoàng-tử Charles. Các pho tượng trưng-bày tại đây đã hơn 3 thế-kỷ ..

Bước hẳn vào trong sân (sân lớn: Great Court) rồi quẹo sang tay mặt, du-khách sẽ nhìn ngắm căn phòng của nhà bác học Isaac Newton, người đã khám phá ra sức hút của trung tâm trái đất, và là tác giả cuốn Principia Mathematica xuất bản năm 1687. Căn phòng vẫn đề nguyên như cũ, thuở sinh thời nhà bác học ngày

ngày nghiên cứu, suy-ngẫm, về những định-luật vật-lý mà chúng ta đều biết.

Đi vòng quanh sân, du-khách sẽ nhìn hiện-tại đề liên tưởng đến quá - khứ. Đây là căn phòng của sử-gia Lord Macaulay, kia là chiếc bàn của thi-sĩ Tennyson. Trong nhà nguyện, đứng giữa phòng là pho tượng Newton, một kỳ công điêu-khắc do Roubilac thực hiện chừng 20 năm sau khi nhà bác-học qua đời. Về sau nhà thơ William Wordsworth, thế-kỷ thứ 18, nguyên lưu trú học sinh trường St John's bên cạnh, ngắm bức tượng, đã làm bài thơ có những câu, tạm dịch như sau :

« Và từ bên chiếc gối, tôi lặng ngắm về phía trời xa,

« Qua vầng trăng và các ánh sao đêm, tôi nhìn thấy

« Mặt tiền nhà thờ, có bức tượng Newton đứng sững,

« Với tấm kính muôn màu, với vẻ mặt trầm ngâm.

«Biểu hiện cho một khối óc uyên-thâm, luôn luôn

« Đon đốc du hành qua những đại dương tư tưởng lạ kỳ ».

Trong cuốn nhật ký « *Memoirs of Sir Isaac Newton's Life* » do nhà xuất bản A. Hastings White phát-hành tại Luân đôn năm 1936, trang 19, chúng ta được đọc đoạn sau đây :

« Newton đang ngồi vợ nghĩ vẩn. Một trái táo rơi xuống đất. Nhưng tại sao trái táo không rơi sang một bên, hay bay lên trời mà lại luôn luôn rơi thẳng xuống mặt đất, hướng về lòng trái đất?... » và Newton đã trở nên lừng danh, sau khi ngắm trái táo rơi...

Gần sát nơi nhà nguyện, là cột đồng hồ, xây từ năm 1428, mãi tới năm 1432 mới hoàn-thành. Đồng hồ đánh chuông mỗi giờ hai lần, tiếng chuông ngân khả-ái khiến nhà thơ Wordsworth ca-ngợi rồi so sánh với giọng nói giai-nhân, khi trầm bổng, lúc thổ kim... (a male and female voice...) đã nhiều lần, khi đồng hồ báo nửa đêm, các học sinh tinh-nghịch, vui đùa, thi nhau chạy vòng quanh sân lấy giải.

Quẹo sang tay trái là tư thất Giám-đốc. Rồi quẹo tay mặt, lần theo một hành-lang, du khách sẽ tới phòng ăn rộng lớn, chung cho các giáo-sư và sinh viên nội-trú, do Nevile xây-cất sửa-sang vào năm 1604. Ở cuối phòng ăn là bức sơn dầu hình vua Henry VIII. Hai bên tường, là hình các văn-nhân, các cựu giám-đốc, các cựu sinh viên danh tiếng, các mạnh-thường-quân của nhà trường...

Vào phía trong, qua giải sân là thư viện, do kiến trúc sư Sir Christopher Wren vẽ đồ án. Tại nơi đây có lưu-trữ bút-tích của một số văn-nhân, thi-sĩ, từ bao thế-kỷ. Hai bên phòng, bày trên bực cao

là tượng các bậc vi-nhân đã làm rạng danh cho đất nước. Có nhiều vị đã xuất-thân ở trường này, như Coke, Cotton, Barrow, Bentley, Newton... Đặc-biệt là bức tượng Lord Byron bằng đá trắng do điêu khắc sư Thorwaldsen thực-hiện. Kiệt-tác này, nhà trường có nhã-ý gửi tặng thánh đường Westminster tại Luân-đôn. Nhưng thánh-đường đã tể nhị khước từ. Vì nếu không ai phủ-nhận Byron là một thiên-tài ngàn năm một thuở, thì trái lại, cũng không ai dám phủ nhận đồng thời Byron còn là một « quái-trạng », làm ta luôn luôn liên-tưởng tới những gì không mấy phù hợp với đạo lý luân thường!

Du-khách đi quẹo sang phía trái, sẽ gặp các căn phòng sinh-viên trên mấy tầng lầu, như đã kể ở trên. Bước chân về phía trước trường, qua một khuôn cửa tò-vò, du-khách sẽ gặp tư-thất vị Giám-mục. Còn nếu tiến ra phía sau trường, sẽ có dịp thưởng-thức loạt cây cao bóng cả in bình trên thảm cỏ xanh rì, bên một nhánh sông Cam bé nhỏ... Khi trời đẹp, các sinh-viên thường ra đây hóng mát, bơi thuyền, suy cò luận kim, bàn bạc về văn-chương, tư-tưởng...

Trong một khung-cảnh như vậy, trang-nghiêm mà vẫn thanh-niên, cổ-kính mà cũng đồng thời khả-kính, nữ-hoàng Victoria đã cùng với phu-quân tới thăm nhà trường vào năm 1843...

Nữ-Hoàng và Hoàng-tể Albert từ Windsor tới Slough bằng đường bộ. Từ Slough tới Paddington bằng xe lửa. Rồi từ Paddington tới Cambridge lại dùng đường bộ. Xe ngựa từng đoàn, cò bay rợp đất, diễu dưới các khái-hoàn môn kết bằng hoa lá. Viên Đô-trưởng đi bộ bên cạnh xe ngựa của Nữ-Hoàng, hộ tống từ Trumpington Street cho tới cửa nhà

trường. Bác-sĩ Giám-đốc Whewell đón nhà vua, dâng tặng-phi-âm và chìa khóa...

Nữ-Hoàng và Hoàng-tể qua sân để vào phòng ăn lớn. Các bàn ghế thường ngày đã nhường chỗ cho chiếc ngai vàng tạm thời, bày ngay dưới bức hình của Newton, hai bên là hai bức hình của Barrow và Bacon. (Ngày nay, tất cả những bức hình đó đều đã nhường chỗ cho một bức hình to lớn của nhà vua đã sáng lập nên Trinity College.)

Rồi Nữ-Hoàng tiếp nhận những lời tuyên-thệ trung-thành, những chúc từ kính-ái, bằng tiếng Anh. Tôi viết: tiếng Anh vì có nhiều khi, trong những trường-hợp long-trọng như thế này, chuyên-ngữ có thể là Latinh hay Hy-Lạp...

Vào chập tối, Nữ-Hoàng bỗng ngỏ ý muốn thăm nhà nguyện. Thế là một đám rước vĩ-đại được tức-khắc tổ-chức. Đám rước đi qua Great Court thật huy-hoàng.. Một hôm khác, nhân buổi lễ trong phạm-vi nhà trường, Nữ-Hoàng đi trên thảm đỏ. Có người nhận thấy trên thảm có vết rách và hoen ố. Một nhà văn chứng-kiến đã tả cảnh phản-ứng như sau của các sinh-viên và giáo-sư Trinity College:

« Như với một luồng gió nhiệm-mầu, hàng trăm chiếc áo đen (gown) được cời ra, xếp trên thảm đỏ, để Nữ-Hoàng tiến bước. Sự-kiện khiến Nữ-Hoàng hân-hoan mãn-nguyện vô cùng. Cử-chỉ thật hùng-hồn ý-nghĩa, gấp trăm ngàn lần các bài diễn-văn tuyên-thệ trung-thành, được đọc lên vì nghi-lễ... »

Chính với các kỷ-niệm và truyền-thống như vậy, mà Cambridge, và nhất là Trinity College, đã chiếm một địa-vị đặc-biệt trên lãnh-vực văn-hóa Anh-cát-Lợi. Nhận-xét khiến giáo-sư G.M. Trivelyan¹

có lần đã ghi-chú cảm-tưởng, đại-ý như sau:

« Không có một tổ-chức nào có thể so-sánh với Trinity College, với biết bao nhiêu năm non được trau-dồi, rèn luyện, để sau này ra gánh-vác việc đời, việc nước. Có thể họ đồng-ý với nhau. Có thể họ bất-bình với nhau. Vì chánh-kiến, vì tư-tưởng, vì công-cuộc nghiên-cứu triết-lý, sưu-tầm khoa-học, hay vì nhiều lý do khác. Nhưng không một chút nhân-tài năng-lực nào đã bị tiêu-dùng phí phạm. Tất cả, từ thế-hệ này qua thế-hệ khác, đã tiếp-tục thay phiên nhau, để cùng góp phần huy-hoàng cho xứ-sở... »

Lời nói cứ kể cũng có một phần nào chủ quan, thiên vị. Nhưng vì có thể đi chằng nữa, thì cũng không đến nỗi quá hư-ngôn. Có người nói: « Danh sách một số cựu học sinh Trinity College gần như trùng với danh sách các vĩ-nhân đất nước », Danh sách này có thể coi ngay tại phòng hành-chánh nhà trường. (Để tránh đổ kỵ và ngộ nhận, nhà trường không cung cấp danh-sách các cựu học sinh danh tiếng còn sống.)

— Các vua chúa : Edward VIII, George VI.

— Thi sĩ, văn nhân : Lord Byron, Lord Tennyson, Richard Bentley.

— Thủ tướng : Earl Baldiwen, Jawaharlal Nehru.

— Triết nhân : Francis Bacon, G. E. Moore.

— Sử gia : Lord Macaulay, William Cunningham, D.A. Winstanley

— Khoa-học : Isaac Newton, Isaac Barrow, Roger Cotes, Sir Frederick Gowland...

— Âm-nhạc : Thomas Mace, Sir Charles Stanford...

Khi tôi qua thăm Trinity College, thì vừa dịp nhà trường mở kỳ thi chung cho hết thầy các sinh-viên. Kỳ thi đại-cương có thể so sánh với các kỳ thi chung cho các trường Đại-học Luật-khoa tại Pháp. Lẽ dĩ-nhiên, sinh-viên chiếm giải, ngoài tiền bạc, còn được rất nề vì, trọng-vọng. Không những trong đời sinh-viên, mà còn cả trên đường đời sau này nữa...

Kỳ thi này của Trinity College, phần thưởng ước lổi 20.000 đồng bạc Việt-nam, luận án sẽ đưa in và phát-hành. Mỗi luận-án không ít hơn 2.000 chữ, không nhiều hơn 4.000 chữ.

Thí-sinh sẽ chọn một trong các đầu bài như sau :

- Tiều-sử của chính mình,
- Chánh-sách đối-ngoại của De Gaulle từ năm 1955.
- Vấn đề tôn giáo trong thế-kỷ thứ XX
- So sánh nền giáo-dục Anh và Pháp
- Địa phương phân-quyền và trung-ương tập quyền trong tổ-chức hành-chánh tại Anh,
- Ý niệm «vô ý» trong luật-pháp Anh
- Ba nhà văn chuyên về đoàn-thiên tiểu-thuyết tại Anh : nghiên cứu, so-sánh...
- Những bài thuyết-pháp của Jeremy Taylor,
- Vấn đề chủng tộc sau đệ-nhị thế-chiến...

Trong khoảng khắc tôi thoáng có ý-định «ngông-nghe» tặng một giải thưởng trưng-tự, nhưng nhũn-nhặn hơn, với các đề-tài, ví-dụ như :

- Anh nghĩ gì về chiến-tranh tại Việt Nam ? Hoặc :
- Một giải pháp hòa-bình cho tấn bi-kịch Việt-Nam ? Hoặc :
- Trách-nhiệm về chiến tranh Việt Nam : Quốc-gia hay Cộng-sản ? ...

Nhưng ý mới này mần, tôi đã vội-vàng gói-ghé trong tâm-khảm.

Tại Anh không biết cơ-man nào là sách biền-khảo về Việt-Nam dưới nhãn-tuyến

chánh trị không hiểm, mà trên lãnh-vực chiến-sự, khoa-học, nhân-đạo cũng nhiều. Tài liệu bên vực chúng ta sưu-tầm khiếm khuyết hay không được rồi-rào. Tài liệu lên án chúng ta mặc dù chủ-quan, nguy-biến, nhưng lập luận nghe không phải là thiếu vững vàng ! Như vậy, vấn-đề chánh không phải là tặng giải thưởng, mà trước hết, là vấn đề tổ chức và sưu tầm, sắp xếp sao để tạo nên một dư-luận, một không khí, thuận lợi cho mình đã...

oOo

Đề chấm hết bức thư đã quá dài, tôi xin tóm tắt ghi lại nơi đây một vài cảm nghĩ về người và nước Anh-cát-lợi. Những cảm-nghĩ có đã từ lâu, nhưng càng có dịp giao dịch với người Anh, tôi lại càng có dịp xác phạm người Anh :

— bề ngoài có vẻ lãnh đạm, ít nói, nhưng thật có tình và vui vẻ. Điều đáng thán phục nhất, là thái độ bình tĩnh trước trước mọi khó khăn; bất cứ trong tình-trạng nào và trước tình-thế nào, cũng chứng tỏ là một dân-tộc có óc tổ chức, có tinh thần kỷ luật.

— biết hy-sinh quyền-lợi bé nhỏ cá nhân, để bảo vệ quyền lợi và uy-tín tối cao đất nước.

— trọng hình-thức mà vẫn không nhẹ nội dung. Rất mực ham «kim» mà vẫn một lòng hiếu «cờ». Biết phục-thiện, biết lo xa, không ngấm ngấm phá hoại lẫn nhau. Đón tình-thế để giải quyết trước hơn là chờ cho đến khi khó khăn tới nơi rồi mới lo giải quyết, để đến nỗi nhiều khi trở nên bất-lực. Nếu chẳng may không tránh được «mệnh Trời» thì cũng biết tùy cơ ứng biến, kiên nhẫn, đối phó, nhịn nhục, với ít nhiều triết-lý...

Ngần ấy đức tính và đặc tính đã khiến dân-tộc Anh trở nên một dân-tộc mạnh, quốc gia Anh một quốc gia lớn. Và đó là những bài học lịch-sử mà mỗi người trong chúng ta không nên sao-lãng, trong công cuộc hồi-sinh cho đất nước đang khổ đau, tang tóc.

tháng II, 1967

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

Thế-giới trong những tuần qua

● TỬ-TRÌ

Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Cách mạng tháng X, cuộc du-hành của Kennedy phu nhân và những hoạt động ngoại giao ở Trung-Đông đã được dư-luận quốc-tế đặc biệt chú-ý tới trong những tuần qua.

Âu-châu: lễ kỷ-niệm 50 năm ngày Cách Mạng tháng X và sự chia rẽ của các quốc-gia cộng-sản trên thế-giới.

Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Cách mạng tháng X đã được cử hành vô cùng trọng thể. Các nhà cầm quyền Liên-sô muốn nhắc lại cho dân chúng trong nước và ngoài nước những thành tích vẻ vang, những thực hiện vĩ đại của 50 năm chính quyền cộng-sản. Chính-phủ Nga đã nhập cảng tới 50 triệu Mỹ-kim hàng ngoại quốc cho dân sử dụng như một thứ quà quốc-khánh. Tại lễ diển-binh người ta thấy lần lượt qua khán đài, lực lượng quân sự hùng hậu của Nga, từ những đoàn kỵ-binh dưới thời Nga Hoàng, trong quân phục thêu kim tuyến, cho tới những đoàn quân cơ-giới hóa, những vũ khí hoá tiễn tối tân, mà các tùy viên quân-sự của các toà đại-sứ ngoại quốc chưa từng được trông thấy.

Các nhà lãnh đạo Nga còn ân giảm cho rất nhiều tội phạm có những án nhẹ, để tỏ lòng nhân-hậu của chính-quyền cộng-sản.

Nhưng tất cả đó chỉ là phần cảnh-trí (décor) của một vở kịch chính trị mà đảng cộng sản Nga diễn xuất. Thật vậy, chính-phủ Nga trước hết muốn tập hợp tất cả các lãnh-tụ cộng-sản trên thế giới tại Mạc

Tư-Khoa ngày 7-11-1967 để cùng ôn lại trang sử cũ và cũng để tỏ cho thế giới biết rằng Nga được ủng hộ của toàn thể khối cộng-sản. Những màn kịch này không thành công. Vì nếu Bà Gandhi, Thủ-tướng Ấn-Độ Thống-Chế Tito, Tổng thống Nam-tư, và ông Kelkkonen, Tổng-thống Phần-lan, đã sẵn sàng tới dự lễ thì các nước cộng-sản « anh em » và các nước trung-lập ban lại hết sức lạnh nhạt. Albanie từ chối không tham dự, Trung-Cộng không trả lời thư mời, Tổng-thống Bắc Hàn Kim-Nhật-Thành không đích thân tới, mà chỉ cử người đại diện. Hồ-Chí-Minh ủy nhiệm Lê-Duẩn đi thay. Cuba lại cử một đại-diện có tầm quan trọng nhỏ hơn nữa là Tổng-trưởng Y-tế José Ramon Machado Ventura.

Nhưng Nga có thể tự hào là đã qui tụ được tại Mạc-tư-Khoa một số đảng Cộng-sản đông đảo chưa từng thấy. Thật vậy năm 1960 lúc Nga và Trung-cộng còn chưa chống đối ra mặt, Nga chỉ tập hợp được 81 đảng cộng-sản, mà nay có những 95 đảng tới dự. Nga muốn triệu tập một hội-nghị tất cả các đảng cộng-sản trên thế-giới để dựa vào sự ủng hộ của họ mà lên án Trung-cộng đã đi ngược lại quyền lợi của khối cộng-sản, ngõ hầu nắm lại vai trò lãnh-tụ của khối. Nhưng các nhà lãnh đạo cộng sản thế giới đều không tỏ ra nồng nhiệt trước đề nghị này. Tito hoàn toàn chống đối ý-kiến triệu tập hội-nghị. Tổng-thống Lô-ma-ni cũng không đồng ý, nên trước khi ra đi, Trung ương Đảng-bộ cộng-sản Lô đã biểu-

quyết gửi ông Ceausescu sang Mạc-tu-khoa chỉ đề « dự lễ kỷ-niệm cuộc Đại Cách-mạng mà thôi ».

Ngoài ra một hội nghị như vậy sẽ vạch rõ sự chia rẽ, sự phân hóa của phong-trào cộng-sản thế-giới, trong khi chính vì muốn thực hiện đoàn-kết mà Nga đòi triệu tập hội-nghị. Thật vậy lập trường của Nga là triệu tập hội-nghị để đoàn-kết chống « chính sách đế quốc » của Mỹ. Nhưng làm sao mà thực hiện được đoàn kết để chống « đế-quốc-Mỹ » khi mà hội-nghị họp đề lên án Trung-Cộng. Hơn nữa khối Cộng-sản không thể bàn tới việc chống Mỹ khi không có sự hiện diện của Bắc Việt ? Mà ai cũng biết chắc chắn là Bắc-Việt sợ Trung Cộng tất sẽ không bao giờ dám tham dự hội nghị này.

Ngoài ra lập trường chống chánh sách Mỹ ở Việt-Nam của Nga hiện thời rất ôn hòa. Trong bài diễn văn đọc trước Quốc-Hội và Trung-ương Đảng-bộ họp chung, Brejnev đã tố cáo Mỹ ở Việt-Nam « tàn bạo như Hitler ». Nhưng trước khi lên án Mỹ, Nga đã kích Trung Cộng dã. Theo Brejnev, những nỗ lực quân sự của Trung-Cộng đã làm hại sự đoàn kết của thế-giới cộng-sản. Đồng thời Brejnev còn cảnh cáo cả bạn lẫn thù rằng Nga sẽ có biện pháp đối với quân xâm lược bất cứ từ đâu tới, dù « từ Đông, từ Tây, từ Nam hay từ Bắc tới ». Ta thấy rõ lời cảnh cáo này nhắm Trung-Cộng nhiều hơn là Mỹ.

oOo

Tại Anh, trong bài diễn-văn đọc tại buổi lễ long trọng, khai mạc khóa thường lệ của Quốc-Hội, Nữ hoàng Elizabeth đã đề cập tới những biện pháp mà chính phủ Lao-động cầm quyền dự định áp-dụng để đối phó với những khó khăn hiện tại. Đó là những khó khăn về kinh tế và khó khăn về chính trị.

Muốn giải quyết vấn đề kinh tế, Anh cần phải được gia nhập Thị-trường chung. Nhưng hiện thời Pháp hết sức chống đối nên Huân tước Chalfont tuyên bố với báo chí rằng nếu vào Thị-trường chung, Anh sẽ tính chuyện rút lui khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương. Đảng Lao-động, trong cuộc bầu cử dân biểu Leigester và Hamilton vừa mất hai ghế. Như vậy từ năm 1966 tới giờ đảng Lao-động cầm quyền đã mất tới 6 ghế dân biểu. Những cuộc thăm dò dư luận còn cho biết rằng hiện thời ông Edward Heath, lãnh tụ đảng Bảo-thủ có nhiều uy tín trong dân chúng hơn ông Wilson.

Uy-tín của ông Wilson còn có thể bị giảm nhiều hơn nữa trong tương lai gần đây vì chính phủ Anh vừa quyết-định hạ giá-trị đồng Anh-kim xuống 14 0/0. Như vậy sản-phẩm của Anh trên thị trường quốc-tế sẽ rẻ hơn và có thể cạnh tranh được với sản phẩm ngoại quốc. Ngoài ra số tiền Anh nợ ngoại quốc sẽ giảm bớt đi. Vì Anh giao-thương với hầu hết các quốc-gia trên thế-giới nên sự hạ giá đồng Anh-kim sẽ có ảnh hưởng lớn tới thương-mại quốc-tế.

Á - châu : Cuộc du lịch của Kennedy phu nhân

Kennedy phu nhân vừa sang thăm viếng Cam-bốt với tính cách riêng. Nhưng khi bà tới Nam-Vang thì thái tử Sihanouk đã lấy vương lễ ra đón tiếp bà : thăm điều được trải ra khắp lối bà đi qua và cánh hoa nhài, hoa hồng được tung lên mỗi khi bà bước tới. Những lễ nghi long trọng với những yến tiệc linh đình được tổ chức để khoản đãi bà. Thái tử Sihanouk mời bà tới hải cảng Sihanouk để khánh thành đại-lộ Tổng-thống Kennedy. Sihanouk ca tụng Kennedy là người bạn của Cam-bốt, nhưng ông quên rằng khi ông Kennedy bị

ám sát, đài phát thanh Cam-bốt đã « cảm ơn trời trừng phạt kẻ thù của Cam-bốt! »

Tuy đón tiếp bà Kennedy một cách trọng-thề nhưng Sihanouk cũng không quên họp-báo tố cáo Mỹ «xâm lăng Việt-Nam» và Bộ ngoại giao Cam-bốt tố cáo Mỹ đã oanh tạc khu vực dân sự một cách dã man.

Tiếp đón bà Kennedy là một hoạt động ngoại giao của Sihanouk. Ông muốn tỏ ra độc lập đối với Trung Cộng. Trước sự chỉ trích của báo chí tả phái, ông đã thốt lên: « Tại sao chúng ta tiếp đón quốc khách Mauritanie và Albanie được mà lại không đón tiếp người Nga hay bà Kennedy được? ». Nhưng Sihanouk vẫn e ngại phản ứng của Trung Cộng và cũng muốn tỏ ra độc lập đối với Mỹ, nên tuy đón tiếp nồng nhiệt cựu đệ-nhất phu nhân của Hoa-Kỳ, ông vẫn phải lên tiếng mật sát Hoa-Kỳ. Do đó mà người ta không ngạc nhiên khi biết cuộc du lịch của bà Kennedy là cả một sự mệt mỏi.

Trung-Đông : Chiến-dịch ngoại-giao vẫn tiếp tục

Nếu ở Trung-Đông chiến tranh nóng chỉ bùng nổ trong 6 ngày thì chiến tranh lạnh vẫn tiếp tục.

Do-thái vẫn không hề nhượng bộ, mặc dầu gặp nhiều khó khăn trên chính trường quốc-tế cũng như trong việc quản trị các lãnh-thổ Ả-Rập mới chiếm được. Thủ-tướng Do-thái Eshkol, trong bài diễn - văn khai-mạc khóa mùa đông của Quốc-hội, đã ra điều kiện là nếu Ả-Rập không chịu trực-tiếp thương thuyết với Do-thái, thì không bao giờ Do-thái trả lại những đất đai đã chiếm được. Ngoài ra theo ông Eshkol thì giải đất Gaza và khu vực tây ngạn sông Jourdain trước thuộc quyền Ai-Cập và Jordanie chỉ là tình-trạng thực-tại (Situation de fait) do cuộc chiến tranh 1949

gây ra. Nhưng chiến tranh tháng 6. 1967 đã tạo nên một tình-trạng thực-tại khác là giao hai miền này cho Do-thái. Như vậy cả Ai-Cập lẫn Jordanie đều không có quyền đòi lại nữa.

Trong khi đó quốc vương Hussein xứ Jordanie viếng Hoa-Kỳ đã tuyên-bố rằng Jordanie sẵn sàng thương-thuyết để giải quyết khủng-hoảng ở Trung-Đông và thừa nhận quyền của Do-thái được sống trong hòa-bình và an-ninh. Hussein còn tuyên bố là ông đưa ra đề-nghị này với sự đồng ý của toàn thể các quốc-gia Ả-Rập.

Tuy nhiên, những lời lẽ ôn-hòa của Hussein đã bị cả Ai-Cập lẫn Do-thái bác bỏ. Hy vọng hòa-bình vừa ló sáng lại bị dập tắt. Tại sao quốc vương Hussein tuyên bố như vậy, người ta chưa rõ. Chỉ biết rằng Hussein là người cần hòa bình nhất, vì nếu tình trạng hiện tại được kéo dài, ông sẽ bị phe đối lập trong nước lật đổ. Nhưng nếu ông thương thuyết thì những người Palestine tỵ nạn sẽ ám sát ông như họ đã từng đe dọa. Có lẽ lời tuyên bố của Hussein chỉ là một quả bóng thử (ballon d'essai) thả ra để dò phản ứng của Ả Rập, của Do-Thái và của cả dư luận trong nước ông nữa. Ngoài ra có lẽ ông cũng muốn tỏ ý chỉ hòa hoãn để trấn an Mỹ ngõ hầu yêu cầu Mỹ viện trợ quân-sự cho Jordanie.

Hiện thời những nỗ-lực hòa-bình ở Trung-Đông không tiến được thêm bước nào. Tại Liên-Hiệp-Quốc, Ngoại trưởng Do-Thái Eban tố cáo Nasser đã tới Liên-Hiệp-Quốc với hai bàn tay đẫm máu, trong khi ông Mahmoud Riad đòi xin Hội-đồng Bảo-An bắt Do-Thái phải rút lui ngay khỏi những lãnh-thổ Ả-Rập mà Do-Thái chiếm đóng. Chiến dịch ngoại-giao vẫn tiếp tục và viễn-tượng hòa-bình vẫn còn xa vời ở Trung-Đông.

MÁ HỒNG

II | Cuối xuống đầu giường nhặt bao thuốc và hộp quẹt, tôi gài lên mỗi một
điếu. Rồi lửa diêm xòe sáng. Một mùi thơm hăng hắc ngát như pháo nổ
tỏa nhanh. Những sợi khói xanh biếc lãng đãng bay và gieo hương ấm cúng.
Từng lọn khói rớt vào cuống họng ngọt ngào như mật của những loài hoa đêm.
Tôi ra đứng bên cửa sổ, mỉm cười, mình đã thường thức loại mật này bao giờ
mà rành thế. Đoạn nhìn trời. Nhìn nơi cửa hậu nhạt nhòa bóng tối. Tất cả đều
im lặng. Mầu trắng như sáng hơn. Mầu trắng như mảng gáy Huyền lờm chờm
những chân tóc. Thốt nhiên, tôi rùng mình se sẽ. Không biết vì cảm lạnh hay vì
nghe đến gáy Huyền thon thon cúi xuống chiều nào ngồi thêu khăn ngoài hiên gửi
tặng người chiến sĩ vô danh. Lúc này Huyền đã tắm xong chưa. Có lẽ xong rồi.
Chiếc khăn lông trắng rộng mềm mại đang ôm cuốn lấy thân thể Huyền xoa nắn,
ve vuốt như hai bàn tay yêu đương. Máu trong người tôi lại sôi nóng. Đôi bàn
chân đờ đẫn dập dình muốn bước. Đứng đề lỡ cơ hội. Vì sẽ chẳng còn dịp nào. Vì
sẽ chẳng còn... Huyền đã tắm xong chưa. Mà sao Huyền tắm khuya quá thế. Hay
vừa đi chơi với thằng cha nào về? Những ý nghĩ xâm lấn nhau, chèn ép nhau
khiến lòng tôi bồn chồn như lửa đốt. Tôi quay vào giường, đồ người xuống,
nằm dài.

Sáng hôm sau, tiếng máy xe của anh Hải dừng tắt trước nhà đón tôi đi làm
hồi sớm. Tuy thế, tôi cũng mặc quần áo, tắt máy thu thanh rồi ra. Thấy tôi,
anh Hải đóng nắp đầu máy xe vào, nhìn tôi cười, lắc lắc cái đầu, cái xe này đến
cho vô viện bảo tàng thôi, ông Phó. Gì mà ạch đui hoài như bà già đã tám mươi
tu. Tôi cười theo, định an ủi anh mình ở địa phương mà, dò hỏi chi. Nhưng
tôi lại bông đùa, nếu anh muốn có xe mới thì chịu điếu đóm một chút đi. Điếu
đóm ai mới được chứ, ông Phó? Tôi đáp, thì mấy ông nội đó. Hôm nào mình
về ấp, mấv ông ấy tặng một trái mìn là Quận được cấp xe mới ngay. Anh Hải
rú cười hô hố. Giọng cười của anh ngang ngang khiến tôi nhìn anh tự hỏi không
biết lời tôi nói có duyên đến thế sao. Tiếng anh Hải, nếu vậy thì tôi và ông
Phó đã cùng nhau thuyên chuyễn lên nước thiên đàng cả rồi.

Xe tới ngã tư, gần tiệm hủ tiếu, tôi chưa kịp ra hiệu đỗ xe ở đó thì anh Hải
cả tiếp, giọng trầm hẳn xuống :

— Đêm qua tụi nó làm ở hai chục trái đó, ông Phó.

Tôi lơ đãng hỏi :

— Ở đâu ?

— Khu công viên Tự do và xóm Lò heo.

— Ủa, sao vậy ?

Đến lượt anh Hải quay sang tôi sững sờ :

— Tụi nó pháo kích mà. Thế ông Phó chưa biết ?

Tôi ngần ngơ lắc đầu nhưng hỏi lại :

— Pháo kích bao giờ ?

— Tối qua. Thế ông Phó chưa biết ?

— Tối qua ? Máy giờ ? Mà thật không ?

Khuôn mặt anh Hải trở tới gần sát mặt tôi. Trong thoáng giây đối diện tôi như chợt thấy nét mặt anh đứng xựng lại, bất động. Hai vũng mắt như sâu hóm hơn và màu mắt như đục hơn giữa bờ lông mi lồm chồm xơ rơ cần cỗi. Mình có thể ví hình ảnh này với những lỗ bom rơi lạc trong thửa ruộng hoang sau một đêm mưa nước đọng chụp được từ trên máy bay không.

— Có lẽ khoảng một giờ giờ gì đó, ông Phó. Tụi nó làm một hơi lnh lnh hai chục trái. Nặng quá. Nhà ông Thượng vụ lãnh một trái. Hai đứa con đang ngủ chưa kịp lòi xuống hầm đã bị cả mảng tường xập òe chúng chết tốt.

Tim tôi nhói lên làm tôi nhăn mặt. Không. Không phải tôi đã cảm động mau chóng hay đau xót hay ghê tởm vì hai cái chết nhỏ mọn tầm thường quá quen thuộc hằng ngày đó. Tại tôi nghĩ tới Bình. Đứa em gái nuôi của tôi cũng ở trong khu vực bị pháo kích với gia đình ông Quận trưởng. Nếu có gì xảy ra cho Bình thì lỗi tại mình. Nhiều lần, Bình đã níu áo, đã nhảy lên xe không chịu xuống, năn nỉ chú cho cháu về với chú đi. Tôi gật đầu cười, âm ừ cho qua. Thật ra ngay từ ngày đầu tôi cũng đã định để Bình ở chung với tôi rồi. Cũng như sau này những lần bất chợt gặp Bình ngần ngơ một mình ngoài hè phố trước nhà, áo quần lem luốc, đã xúc động mãnh liệt. Nhưng khổ tâm cho tôi vì còn hy vọng đợi mong những giờ phút gặp riêng Chi hay Huyền. Tôi sợ một khi Bình có mặt bên tôi thì Chi và Huyền sẽ ngần ngại không muốn lui tới nữa. Chắc chắn như thế. Nên rốt cuộc, Bình chỉ còn trong trí nhớ của tôi như đóm lửa nhỏ bé tạm sưởi ấm tâm hồn giá lạnh sau những phút đêm đợi mong hy vọng hão huyền. Xe chạy đã gần tới Quận. Tôi vội đập vào vai người tài xế, bảo mình quay lại chỗ bị pháo kích coi, anh. Anh Hải gật đầu và buông thêm tiếng dạ. Khi xe trở đầu xong mới hỏi tiếp, ông Phó tới thăm gia đình Đại úy hả. Tôi trả lời bằng một câu hỏi khác, gia đình ông ấy có sao không ? Cái đầu anh Hải lắc lắc chắc không vì nếu ăn đạn thì thiên hạ đã tùm lum từ khuya rồi.

Câu nói dễ dãi ấy đã đánh tan trong chớp mắt những lo lắng trong lòng tôi. Nên, ngồi nhìn cảnh phố hai bên đường, tôi đã thản nhiên như mọi buổi sáng đi làm, ghé qua tiệm mì, hút tẩu. Tuy vậy, chợt nhớ những chuyện xảy ra tối qua tôi

tôi không khỏi ngạc nhiên. Tôi ngủ say đến thế ư ? Quả là khó tin. Vì dù ngủ say cách mấy chẳng nữa thì khi đạn súng cối nổ cách vài trăm thước cũng phải bật tỉnh dậy chứ. Trước kia, mẹ nói với người quen và có mình ngồi bên chân, ô cái thằng Đạm thì khỏi chê. Nó đã ngủ thì có khiêng nó liêng xuống giếng nó cũng không hay. Và lời chị Dung dặn dò hôm chị soạn hành lý cho mình đi nhận việc, ráng mà đề phòng đấy nhé. Đừng có ngủ như chết rồi tụi nó vô, không biết đường mà chạy. Những mẩu kỷ niệm gợi vui nhẹ nhàng khiến tôi mỉm cười. Song tôi vẫn hoài nghi là riêng đêm qua, tôi không thể ngủ say như vậy. Tôi đã gặp Huyền tắm mà ? Tôi đã nằm đợi nghe tiếng cửa mình, tiếng thở mạnh của Huyền vọng sang mà ? Dẫn vật hoài. Trần trọc hoài. Nhất định phải hơn một giờ mình mới chợp mắt nổi. Hay đó chỉ là những cảnh sống trong giấc mơ ?

Chúng tôi tới công viên Tự do. Chung quanh chòm xóm đó người ta còn xúm đông từng tùm từng đám nhỏ. Chiếc xe citroen sơn đen của ông Phó Tỉnh trưởng Hành chánh đã đậu ở đấy. Năng sớm mới mẻ rực rỡ reo vui trên những cành lá. Máy con chim bồ câu trắng đứng ngơ ngơ trên nóc mái ngói một căn nhà bên kia đường. Và gần tôi là những tiếng nói là những tiếng cười ồn ào. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là như đang tham dự một cuộc vui công cộng tổ chức ngoài trời nhân một ngày nghỉ lễ. Không thấy dấu vết đạn nổ. Cũng chẳng thấy nhà sập hay những vũng máu đọng. Mình thành ra một tên đại hiệu kỳ, hóng tai tò mò vô duyên. Chắc cái mặt lúc này phải ngẩn ngơ tẽn tò kinh khủng. Về cho rồi. Ý định viếng thăm Bình chỉ lóe lên trong khoảng khắc như ánh sáng của viên đạn lửa bay ngang trời đêm. Thôi, hoãn đã, kéo những tên thói mồm tượng mình rành nghề điệu đóm, vội tới vấn an bà Quận và mấy anh mấy chị thi đấu khồ. Tôi cúi đầu, hơi đóng kịch một tí, quay ra chỗ anh Hải. Chờ anh nói hết câu với mấy người kia đề bảo anh về, đi ăn sáng. Nhưng giữa lúc đó, Độ từ bên trong đám đông đang tiến lại phía tôi đứng. Anh đã thấy tôi. Lập tức, hai cánh tay anh vung cao khỏi đầu, miệng mắt đều cười. Sự anh, chó gì mà có vẻ mừng rỡ nồng nàn thế. Anh khoái vì đã chút được gánh nặng cho tôi hầu. Nếu em Chi mà nhảy lên núi thì chính anh mới lãnh đủ chứ đếch phải tôi đâu nhé, anh. Giọng Độ ào ạt, lâu lắm không gặp anh, sao, có gì lạ không ? Tôi cười theo, cảm ơn, thương thôi. Anh đi xem người chết nhà đồ đề cảm hứng sáng tác thơ đăng báo hả ? Độ vội là nhảm, nhảm. Moa sợ có ai quen bị nên mới lảng tránh một tí mà. Gớm, toa nói oan cho moa quá. Sau vài câu tầm phào thì chúng tôi đã cập kê ra tới hè phố. Những tà áo trắng loáng thoáng suốt con đường. Huyền đi học chưa ? Huyền có nghĩ gì về đêm qua không ? Một chiếc xe phóng thanh cà rịch cà tàng của Ty thông tin đang khuật khướng chạy vào lối đi trong công viên, mang theo những âm điệu oang oang chói tai. Tôi lắng nghe. Tiếng nam xướng ngôn viên, cuộc bỏ phiếu bắt đầu từ mấy giờ và chấm dứt vào lúc mấy giờ ? Tiếng nữ xướng ngôn viên tiếp, cuộc bỏ phiếu... Suốt ngày chỉ có thế. Tôi thở dài, muốn được thút nút lỗ tai lại. Và Độ đã tiếp :

— À, may quá, đang định tới Quận thì gặp anh. Này, Chi đi đâu thế, anh ?

Tôi tạo nét mặt ngạc nhiên, nhìn Độ :

— Kia, tôi tưởng anh biết rành hơn tôi chứ ?

Độ giả lả :

— Dỡn hoài, cha. Toa vừa là xếp của Chi vừa là... là...

Bàn tay Độ đập vào lưng tôi. Mắt bên trái anh nháy nháy thật lãng lo và tiếng cười khà khà lớn dần. Tôi vẫn nghiêm nghị :

— Tôi đã làm tờ trình Trung tá Tỉnh trưởng và xin ra quyết định sa thải cô ấy. Bỏ nhiệm sở bất hợp pháp là lỗi nặng nhất.

Hình như Độ liếc tôi rất ngắn rồi cúi xuống, rồi lại ngừng ngay lên. Năm ngón tay anh mân mê đám chân râu nham nháp :

— Thế mà moa tưởng toa cử Chi đi công tác gấp quá nên Chi không kịp cho nhà hay. Tội nghiệp, mấy hôm rày bà cụ khóc hết nước mắt. Chi đi đâu ?

Tiếng nói của Độ là bay vào lòng tôi chọt chiu nặng như chiếc ống gió nơi đầu phi đạo. Tôi hỏi Độ như tôi hỏi tôi :

— Đi đâu ? Sao anh không tìm kiếm ?

Môi Độ nhếch thành một nụ cười kín đáo :

— Moa đâu dám. Mà, biết Chi ở phương nào ?

Ngưng một lát, anh tiếp :

— Bà cụ sợ Chi bị người ta hại nên cũng làm đơn thưa Trung tá Tỉnh trưởng đó, toa.

— Bị hại ? Ai hại Chi ?

— Không nghe bà cụ nói. Nhưng toa nên đề phòng một tí kẻo bị phiền phức không tốt. Chỗ anh em...

Tôi đang nhìn Độ và bỗng thấy cả khuôn mặt Tân lẫn lộn chập chờn vào nhau. Liệu trình có sớm kẻo lãnh đủ đó. Cái gì mà kỳ cục, lên núi cũng mình mà bị hại cũng mình nữa. Tôi vội cười. Tôi đã cố gắng để có tiếng cười .

— Thế hả. Không hề gì. Anh cứ bảo bà cụ nạp đơn đi.

Độ nói nhỏ và chậm :

— Tại chuyện anh và Chi nhiều người biết rồi.

— Nhưng chỉ mình tôi hả ?

Tôi định kể tuôm ra một tràng tất cả mọi điều đã nghĩ, nhất là Đạt đã nghĩ về Độ từ trước tới nay. Nhưng thấy nét mặt Độ vẫn thản nhiên coi như không nghe tôi nói. Và anh đã lấp ngay khoảng trống do tôi ngần ngừ :

— Bà cụ nói mấy ngày trước hôm bỏ nhà ra đi thì Chi buồn bực, chán đời ghê gớm lắm. Không ăn uống gì hết. Không ngủ nghề gì hết. Chỉ khóc. Rồi Chi gọi bà cụ tới, bàn tính chuyện đi Pleiku làm ăn theo mấy người bạn. Bà cụ chưa kịp có ý kiến thì Chi biến luôn.

Lại Pleiku. Vậy là Chi gặp Thủy rồi. Tôi bật cười. Lần này tại tôi buồn cười thật. Đoạn ngửa mặt trông trời, tôi chửi mỗi thở một hơi dài như vừa rít xong điếu thuốc láo. Thêm thắm chưa, hơi tài với sức của mình. Không bằng cả đôi mắt nai ngu ngơ chằm hai điểm sáng nhỏ nhoi soi rùng đêm. Không bằng cả kiếp đom đóm lập loè vẽ vòng đứt đoạn giữa khoảng mênh mông âm u đen tối. Hy vọng gỡ rối tơ lòng, giải đáp thắc mắc chỉ còn tin cậy ở một nhân vật gọi là bà tiên hiền hậu mà thôi. Bà tiên ơi, hiện lên với con đi. Nói cho con nghe bây giờ Chi ở nơi nào. Pleiku hay trên núi? Hoặ, cũng như trường hợp Thủy, Chi vẫn nằm vùng tại ngay thị trấn này nhưng phao tin tùm lum để thực hiện giai đoạn chót kế hoạch lừa con vào chiếc lưới mà tên Độ đã thả đón từ lâu?

Những ý nghĩ lộn xộn không lớp lang tiếp tục vằn tôi như người. Trí óc tôi có lẽ đã như miếng bánh đúc, đông đặc, mỗi mệ, rậm rịt. Đôi lúc trên bàn không còn giấy tờ để ký hay đọc, nhìn ra ngoài khe cửa gió, tôi chợt thấy lòng se thắt vì thiếu bóng hình đôi gót chân tròn trắng đu đưa. Tôi ôm đầu, gọi thầm Chi ơi. Tôi bần thần nghĩ tới văn phòng một quận lý miền cận sơn hẻo lánh, hiu hắt, địch vây quanh cô lập suốt tháng năm như một hòn đảo nhỏ. Côn Cho sẽ thuyền chèo tôi đến đó. Thế nhưng tịnh không một mong muốn nào nhen nhúm để tôi chờ đợi hay cầu ước. Tôi sao mà giống một thân cây đã bứt lìa lòng đất, mặc cho giòng nước cuốn vật vờ trôi xuôi.

(Còn tiếp 1 kỳ)

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC

Xung quanh các đồng rác, dưới ánh đèn khuya của chợ cá, trong những ngõ hẻm chật hẹp, ngày đêm tụ tập nào đi điểm nào du đãng, nào anh chị côn đồ, xáo xác tranh ăn. Cảnh sống ác liệt, vô luân, tàn nhẫn và đáng thương của một xã hội loạn lạc ấy đượ: một cây bút trẻ phơi bày trong

CHỢ ĐÊM

của BUI KIM ĐÌNH

do THỜI MỚI xuất bản

Về lời rao «CẦN NGƯỜI»

Lời rao cần vài em học sinh Trung học đệ Nhị cấp để cộng tác về Văn nghệ (đăng ở báo BÁCH KHOA này, và trên các báo CHÍNH LUẬN, THẦN CHUNG, SỐNG) đã được rất nhiều thư hưởng ứng. Chúng tôi xin đa tạ tấm thịnh tình của các em; và tới nay, những em nào chưa nhận được thư riêng chúng tôi thì xin xem như chưa có cái duyên cùng chúng tôi cộng sự.

Ô. N.B.L.

Hộp thư 339 Saigon

SINH HOẠT

Thời-sự văn-nghệ

Erosphère

Một cuốn sách lậu đang làm xôn xao dư luận bên Pháp. Gọi là sách lậu, vì không ai nhận làm tác giả. Nó ra đời một cách lén lút, bất chính. Nhưng bán chạy ghê gớm. Có kẻ đồn rằng đó là tác phẩm của André Pieyre de Mandiargues, có người nhắc đến tên Pierre Klossowski. Đồn đại như thế vì đây là một cuốn dâm thư bạo không thể tưởng.

Nhân vật chính là người đàn bà trẻ tuổi, chịu chơi hết mình. Những trò biểu diễn của nhân vật ấy dĩ nhiên là cá đỉnh của tác phẩm. Tuy vậy tác giả còn đi xa hơn. Vượt quá văn chương, đi vào triết lý.

Và đây mới là chỗ tái quái, làm triể ý, tác giả nhằm linh mục Teilhard de Chardin mà chơi một vở.

Theo thuyết của Teilhard de Chardin nhân loại vươn mình đến điểm Oméga, tức Thượng Đế. Cuộc tiến hóa từ Người tới Chúa qua một giai đoạn sinh vật (biosphère) rồi một giai đoạn tâm linh (noosphère). Tác giả của chúng ta bèn đề nghị xen vào giữa một giai đoạn nữa: giai đoạn của dục tình (érosphère); chơi cho liễu chán hoa chê, cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời.

Sách này 230 trang, nhà triết lý... ca tụng thân xác dành ra 90 trang hăng hái cổ xúy cho thuyết của mình, hăng hái như những kẻ hô hào cách mạng văn hán bên Tàu vậy.

Không quảng cáo, không kèn không trống, đó là cuốn sách hiện bán chạy nhất.

Không gì bằng ngán Mỹ

Mặt khác, trên danh sách công khai, thì từ nửa tháng nay cuốn *Le Défi américains* đã thắng cuốn *Antimémoire*, vượt lên hàng đầu.

Trong khi Nga đòi đưa bom nguyên tử lên qui đạo, Âu châu vẫn không thêm lưu ý, mà chỉ nghĩ tới sự ganh đua với Mỹ. Đó mới là thắng lợi lớn của Nga.

Càng già càng dẻo

Graham Greene lâu nay vẫn được xem như là một François Mauriac của Anh quốc, lúc nào cũng một mực bản khoản về các vấn đề đạo lý.

Năm nay G. Greene đã 62 tuổi, và các tư tưởng đạo lý của ông đã chín mùi. Tập truyện ngắn mới nhất của văn hào lão thành nhan đề là: *Chị cho tôi mượn chồng chị được chăng? Và những cảnh dâm dục khác.*

Cách mạng văn hóa ở Nga

Trên Tạp chí văn nghệ (*Literaturnaia Gazetta*) vừa có hai nhà trí thức — giáo sư Tchklina và bác sĩ Létoutov. — lên tiếng đồng đạc công kích nhà nước xô-viết. Theo họ, lâu nay xứ Xô viết không cho phép công dân làm đẹp, phụ nữ không điềm trang, mặc áo quần xuềnh xoàng, chỉ lo lao động còn hể hơi làm ốm liền bị phê bình là có đầu óc tư sản. Như vậy là sai. Từ nay dân Nga phải đẹp. Giáo sư Tchklina lý luận: Một cô gái xấu thì không lấy chồng được, không lấy chồng thì không có con được, cô ta sẽ mất thắng bằng về mặt tâm lý cũng như về mặt sinh lý. Có hại lắm đa!

Tư tưởng của hai nhà trí thức thật là hợp thời. Bởi vì hiện nay không hện mà phụ nữ Nga cùng đồ xô nhau làm đẹp: thợ uốn tóc, thợ may áo, may mũ đắt khách vô số kể, và họ cùng ra sức trau dồi các ngón nghề của bọn tư bản.

Xúc động ở Mỹ

Jonathan Schell, một sinh viên Hoa Kỳ 24 tuổi vừa viết một cuốn sách, nhan đề là « Làng Bến Súc ». Tên một làng nhỏ ở Việt Nam được đem đặt tên cho tác phẩm thuật lại trận đánh ác liệt của quân đội Mỹ tại đây, trận đánh tiêu biểu cho lối làm cỏ sạch sẽ.

Tờ *New Yorker* dành cho *Làng Bến Súc* cả một số đặc biệt.

Đây, những tài hoa son trẻ

Nhà xuất bản Skira ở Thụy Sĩ, chuyên môn in loại sách mỹ thuật đắt tiền, mới vừa có sáng kiến ra một loại sách tí hon cỡ 11 x 16 cm, chọn toàn các tác giả dưới 20 tuổi.

Ngông thật.

Các giải Goncourt và Renaudot

Từ nhiều năm nay, mỗi lần đến mùa giải thưởng người ta lại nhắc đến một nhà văn quen thuộc là André Pieyre de Mandiargues. Năm nay, không ai nhắc đến ông ta nữa. Vì vậy lần này ông được giải Goncourt, với cuốn *La Marge*. Ai nấy ngạc nhiên.

Salvat Etchart — trái với Pieyre de Mandiargues — rất ít người biết đến. Đó là một người Pháp, nhưng lại thích tự coi mình như là dân Martinique, vì ông sang ở đây đã lâu và yêu mến xứ này. Không những ít được biết tiếng, S. Etchart còn ít được biết mặt ở Pháp. Quần chúng độc giả ít biết, các văn hữu ít biết đã đành, mà đến cả những nhà xuất bản sách ông cũng không hay gặp ông. Mặc dù « vô danh » như vậy, Salvat Etchart đã được giải Renaudot với cuốn *Le monde tel qu'il est*.

TRÀNG-THIÊN

XI-1967

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thành công của hỏa tiễn Saturn 5

Vào đầu tháng 11, với chuyến bay đầu tiên của hỏa tiễn Saturn 5, Mỹ lại vượt được một khó khăn nữa trong chương trình đưa người lên mặt trăng. Sau khi chương trình Gemini kết-thúc với những thành công đáng kể về kỹ-thuật nối ráp phi-thuyền trên không gian, chương-trình Apollo, đưa người lên mặt trăng, cũng bắt đầu bước sang giai-đoạn thử thách. Chương-trình này trừ liệu đưa phi thuyền Apollo chở ba phi-hành-gia lên quỹ-đạo vòng quanh mặt trăng. Từ quỹ-đạo này, một phi thuyền nhỏ gồm hai phi-hành-gia sẽ đáp xuống mặt trăng cùng với các dụng-cụ đo lường và quan sát. Sau đó phi-thuyền nhỏ sẽ lại rời khỏi mặt trăng để gặp phi-thuyền lớn, Rồi cả phi-hành-đoàn sẽ trở về trái đất bằng phi-thuyền Apollo.

Cuộc hành trình này đòi hỏi trước nhất một kỹ-thuật ráp nối trên không-gian thật là hoàn hảo. Kỹ thuật này đã được nghiên-cứu và thí-nghiệm thành công trong chương-trình Gemini. Điều khó khăn thứ hai là phải

Có một hỏa tiễn đủ sức đẩy mạnh để đưa cả phi thuyền, dụng cụ và nhiên liệu qua quãng đường dài 300.000 cây số từ trái đất đến mặt trăng, thi hành nhiệm vụ, rồi lại trở về trái đất. Để giải quyết vấn đề này, các kỹ-thuật-gia Mỹ đã đặt hết hy vọng vào hỏa tiễn Saturn 5, hỏa tiễn ba tầng, cao 130 thước và nặng 3000 tấn, có sức đẩy mạnh hơn 3 triệu rưỡi kilô và là hỏa tiễn lớn nhất từ trước đến nay. Hỏa tiễn Saturn 5 là sản phẩm của chính hỏa-tiến-gia Werner Von Braun cha đẻ của bom bay V-2 của Đức, trong đệ-nhị thế-chiến, và cũng là khoa-học gia đã giúp Hoa-Kỳ phóng vệ-tinh nhân-tạo đầu tiên Vanguard lên quỹ-đạo.

Hỏa tiễn Saturn 5 là kết-quả của 5 năm nghiên cứu và phí-tồn hết 16 tỷ Mỹ-kim. Đáng lẽ hỏa-tiến đã được phóng thử vào đầu năm nay, nhưng sau tai-nạn của ba phi-hành-gia, các nhà kỹ-thuật đã cẩn thận tháo hỏa tiễn ra từng mảnh để xem xét và điều chỉnh lại một lần nữa. Để tranh thủ thời-gian, các kỹ-thuật-gia đã quyết định không thử từng tầng của hỏa tiễn mà dồn tất cả thí nghiệm vào chuyến bay đầu tiên vừa qua của hỏa tiễn. Khác với những hỏa tiễn khác, hỏa tiễn Saturn 5 được lắp và chuẩn bị để phóng tại xưởng ráp, một toà nhà lớn nhất thế giới, rồi được vận chuyển đến giàn phóng bằng một xe lăn khổng lồ. Khi phóng lên, sức đẩy của hỏa tiễn mạnh đến nỗi cách xa 5 cây số người ta còn cảm thấy làn sóng chấn động của hỏa tiễn. Lửa do hỏa tiễn phun ra rộng tới 20 thước và chảy như một giòng sông nhỏ chung quanh giàn phóng. Chỉ trong vòng 2 phút rưỡi đầu của chuyến bay, hỏa tiễn đã đốt hết 2.300 tấn nhiên liệu. Và sau khi tầng thứ ba của hỏa tiễn khai hoả, hỏa tiễn Saturn 5 đã đưa lên quỹ đạo một trọng lượng kỷ-lục là 140 tấn, lớn gấp 10 lần trọng lượng của vệ tinh Proton 1 và 2 do Nga phóng lên năm 1965.

Sau hai vòng quỹ đạo, tầng thứ ba của hỏa tiễn lại khai hoả lần nữa, đưa phi-thuyền Apollo cùng với phòng dụng cụ lên cao điểm cách xa trái đất 18 ngàn cây số. Từ điểm này, phi-thuyền Apollo trở mũi, quay trở về trái đất và bắt đầu lao vào bầu khí quyển với tốc độ 40 ngàn cây số một giờ (phi thuyền Gemini trở về trái đất với tốc độ 27 ngàn cây số / giờ). Mục đích của cuộc thí nghiệm là để thử sức chịu đựng của lá chắn nhiệt của phi-thuyền Apollo. Kết-quả của cuộc thí-nghiệm cho thấy lá chắn nhiệt đã chịu được sức nóng 2.760° gây nên do sự cọ sát của phi-thuyền với bầu khí quyển. Nếu trong phi-thuyền Apollo có người, thì các người đó đã có thể an-toàn trở về trái đất.

Sau chuyến bay đầu tiên của Saturn 5, Mỹ dự trù sẽ bay thử ba chuyến nữa, trước khi hỏa-tiến này được dùng để đưa người lên mặt trăng. Song song với các thí-nghiệm về hỏa-tiến, phi-thuyền Apollo cũng sẽ được bay thử ba lần với tầng thứ nhất của hỏa-tiến. Chuyến bay thử thứ ba sẽ đưa vào quỹ-đạo trái đất ba phi-hành-gia cùng với đầy đủ hành lý, dụng cụ cần cho cuộc hành trình lên mặt trăng vào cuối năm 1969.

NGỌC-VÂN

THỜI SỰ KINH TẾ

Khủng hoảng tiền tệ : đồng Anh-kim sụt giá.

Vào ngày thứ bảy trung tuần tháng trước, một biến cố trọng đại đã xảy ra tại Anh làm rung chuyển cả giới tài-chánh và thương mại quốc tế, và cho tới nay dư âm của biến chuyển đó hãy còn vang dội trên nền kinh tế thế giới. Chính phủ Anh quyết định sụt giá đồng Anh-kim 14,3 phần trăm, từ một Anh kim ăn 2,80 đô-la Mỹ xuống một Anh kim ăn 2,40 đô-la Mỹ.

Quyết định này đã là một giải pháp quyết liệt, một liều thuốc mạnh nhưng nguy hiểm, chính phủ Anh đưa ra để cứu vãn tình hình kinh tế ngày càng trầm trọng của nước Anh. Là một nước kỹ nghệ, nghèo về tài nguyên canh nông, nước Anh từ bao lâu nay phải trông vào các số thu về xuất cảng chế-hóa-phẩm để trả cho các nhu cầu thiết yếu về thực phẩm và nguyên liệu cần phải nhập cảng. Nhưng từ hơn ba năm nay, nguồn thu về xuất cảng của Anh đã không đủ để tài trợ cho nhập cảng và cán cân thương mại đã bị hao hụt khoảng 100 triệu đô-la mỗi tháng. Cho tới tháng mười vừa qua thì số hao hụt này lên tới mức kỷ lục là 300 triệu đô-la.

Ngay sau khi chính phủ của Thủ Tướng Wilson loan tin giảm giá đồng Anh-kim, một luồng sóng phản nộ và ngạc nhiên đã nổi lên trong khắp nước Anh và trên thương trường quốc tế. Tại Anh, người ta đã đổ lỗi cho nội các Lao-động, do ông Wilson làm Thủ-tướng, đã có những chính sách kinh tế sai lầm đưa đến tình trạng khủng hoảng hiện tại. Còn tại quốc tế, người ta đã chê Wilson là con người xảo trá, trước đây đã từng cam kết giữ vững đồng Anh-

kim với ất cứ giá nào, mà nay lại đột nhiên trở mặt.

Sự thực, đối với các nhà chuyên môn quyết định của Thủ-tướng Wilson là một điều không thể tránh được. Nguyên nhân của tình trạng kinh-tế trầm trọng của Anh không phải do chính phủ Lao-động gây ra, mà là những hiện-tượng cố-bứu phát sinh trong nền kinh-tế Anh ngay từ sau Thế chiến. Thực vậy, từ sau chiến tranh thứ hai, khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc-tế của Anh đã suy giảm rõ-rệt. Năng xuất của kỹ-nghệ Anh tăng rất chậm. Từ 1960 đến 1966, năng xuất kỹ nghệ chỉ tăng có 18 % trong khi đó năng xuất của Đức tăng 29 % và của Ý tăng 40 %.

Mức đầu-tư kỹ-nghệ của Anh cũng lại ở vào một trong số những mức thấp nhất của các quốc gia Tây phương. Trong khi đó thì các nghiệp đoàn lao-công mạnh mẽ, đã liên tục đòi hỏi tăng lương và chống lại tất cả những dự-án canh tân kỹ nghệ mà họ cho là có tính cách khai thác lao động.

Do đó, cũng trong khoảng thời gian 1960-1966, mức lương ở Anh đã tăng 40 % tức là tăng nhanh gấp đôi sức gia tăng của năng xuất. Kết quả là giá hàng xuất-cảng của Anh cũng theo đó mà gia tăng nhanh chóng.

Với mức lương gia tăng vượt bực và với chính sách thặng-tiến dân-sinh của chính-phủ Anh, người dân Anh đã có khuynh-hướng tiêu-thụ hàng nhập-cảng ngày một nhiều hơn. Sự gia tăng nhập cảng và giảm sút xuất-cảng đã gây ra sự thâm thủng ngoại-thương và khiến cho đồng Anh-kim ngày một kém

thế trên thị-trường quốc-tế.

Ngoài hai yếu tố căn-bản hoàn toàn có tính cách kinh-tế lại còn có những yếu-tố chính-trị và thời cuộc khác. Cuộc chiến tranh Trung-Đông đã khiến cho các vua dầu hỏa Ả-Rập rút khoảng 100 triệu đô-la ra khỏi các Ngân-hàng Anh, đem đi gửi nơi khác. Kinh Suez bị nghẽn lại làm cho giá chuyên chở hàng hóa của Anh mỗi năm tổn phí hơn 600 triệu Mỹ kim. Và những cuộc đình công liên tiếp của phu^l khuân vác bến tàu đã khiến cho Anh mất trên 180 triệu đô-la về hàng xuất-cảng.

Sau những biến cố dồn dập đó, các ngân-hàng và cơ quan tài-chánh quốc-tế đã đổ số đi đổi Anh-kim ra đô-la và vàng, khiến cho Anh-kim tràn ngập thị-trường và giá giảm xuống chỉ còn có 2,7822 đô-la một Anh-kim, thay vì là giá ấn-định 2,80 đô-la.

Trong những cố gắng cuối cùng trước khi quyết định sụt giá đồng Anh-kim, chính phủ Anh đã phải gõ cửa mấy cơ quan quốc-tế khẩn khoản vay tiền để củng cố giá-trị của đồng Anh-kim. Nhưng cái cố gắng đều không đưa tới kết quả mong muốn. Ngay cả những chính sách lâu dài hơn, được thi-hành từ khi đảng Lao-động lên nắm chính quyền, cũng không ngăn được đà xuống dốc của đồng Anh-kim. Những chính sách này bao gồm các biện pháp hạn chế nhập cảng, khuyến khích xuất cảng và cấm tăng lương, tăng giá trong khoảng thời-gian sáu tháng. Thêm vào đó, chính-phủ Anh lại còn tăng thuế trực-thâu và gián-thâu lên 10% và 15%, tăng lãi xuất của ngân-hàng từ 5% lên 7%. Tất cả các biện pháp này đều nhằm mục đích giảm đà phát-triển kinh-tế trong

nước, để khuếch trương ngoại-thương. Kết quả là nền kinh-tế của Anh quả có bị bóp nghẹt nhưng nền ngoại-thương vẫn không có cơ phát-triển.

Giảm giá đồng bạc Anh, chính phủ Wilson đã đưa ra một giải-pháp quyết liệt để cho hàng nhập cảng Anh đột nhiên rẻ hơn sản-phẩm của các nước khác. Một sản phẩm giá một Anh-kim, trước phải trả bằng 2,80 đô-la, nay chỉ còn đáng giá có 2,40 đô-la. Với lợi điểm này Anh hy vọng sẽ có thể cạnh tranh với các nước khác. Nhưng hậu quả này chỉ có thể duy trì được nếu các nước khác không đánh sụt giá đồng tiền của họ. Năm 1949, khi Anh giảm giá đồng Anh-kim từ một Anh kim ăn 4,09 đô la xuống 2,80 đô-la, 23 quốc gia khác đã ùa theo và hạ-giá tiền của họ. Lần này, ngay khi Anh phá giá đồng bạc, các quốc gia khác như Do Thái, Đan Mạch, các quốc gia ở Bắc Âu đã vội vàng sụt giá theo. Trong khi đó tại Âu Châu, thiên hạ đua nhau đi mua vàng vì sợ rằng các quốc gia trong khối Thị-trường chung cũng sẽ phá giá đồng bạc theo Anh. Kết quả là giá vàng ở Âu Châu và giá đô-la Mỹ bị xuống. Tuy Tổng-thống Mỹ đã đoán chắc là sẽ giữ vững giá Mỹ-kim hiện tại là 35 Mỹ-kim mỗi lượng vàng, nhưng giới tài chánh vẫn e ngại Mỹ sẽ không bán ra đủ số vàng dự trữ để thỏa mãn phong trào mua vàng trên thế giới và sớm muộn Mỹ cũng sẽ phải phá giá đồng Mỹ-kim theo với đồng Anh-kim. Nếu sự-kiện này xảy ra thì không những biện pháp quyết-liệt của Anh sẽ trở nên vô hiệu, mà thế-giới sẽ lại lao vào một cơn khủng hoảng tài-chánh dữ dội và sâu xa hơn cơn khủng-hoảng hiện tại nữa.